

**THPT CHU VĂN AN**

**Huyện/Quận/Thị xã/Thành phố: Huyện Cần Đức**

**Tỉnh/Thành phố: Tỉnh Long An**

**SỔ THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC SINH**  
**CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG**

**LỚP 10C2**

**NĂM HỌC: 2024-2025**



**THPT CHU VĂN AN**

**Huyện/Quận/Thị xã/Thành phố: Huyện Cần Đức**

**Tỉnh/Thành phố: Tỉnh Long An**

# **SỔ THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC SINH**

## **CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG**

**TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG**  
**THPT CHU VĂN AN**

**Xã (phường, thị trấn): Thị trấn Cần Đức**

**Huyện (quận, TX, TP thuộc tỉnh): Huyện Cần Đức**

**Tỉnh(thành phố): Tỉnh Long An**

**Lớp 10C2 Năm học: 2024-2025**

**GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

**Phạm Duy Phương**

**Hiệu trưởng**

*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

**Nguyễn Minh Triều**



## HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SỔ THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC SINH

1. Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học) được quy định tại Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.
2. Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học) do nhà trường quản lý và sử dụng.
3. Giáo viên môn học trực tiếp ghi vào Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học) đầy đủ các thông tin cần thiết của môn học do giáo viên phụ trách, khớp với các thông tin trong Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (của giáo viên), kí tên và ghi rõ họ tên vào cuối danh sách học sinh đối với từng môn học. Trường hợp có nhiều giáo viên cùng tham gia dạy học thì các giáo viên môn học cùng kí tên và ghi rõ họ tên vào cuối danh sách học sinh đối với từng môn học.  
  
Giáo viên chủ nhiệm trực tiếp ghi vào Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học) những thông tin thuộc nhiệm vụ quy định cho giáo viên chủ nhiệm lớp.
4. Không ghi bằng mực đỏ (trừ trường hợp sửa chữa), các loại mực có thể tẩy xóa được; việc ghi Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học) phải cập nhật đúng tiến độ thời gian theo kế hoạch dạy học và giáo dục của tổ chuyên môn và bảo quản, giữ gìn cẩn thận, sạch sẽ.
5. Khi sửa chữa dùng bút đỏ gạch ngang nội dung cũ, ghi nội dung mới vào phía trên bên phải vị trí ghi nội dung cũ, ký xác nhận về sự sửa chữa ở ngay cạnh hoặc ở cột Ghi chú.
6. Nhà trường, giáo viên chủ nhiệm lớp, giáo viên môn học chỉ cung cấp các thông tin về kết quả rèn luyện và học tập của học sinh trong Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học) cho riêng từng học sinh hoặc cha mẹ học sinh.

# SƠ YẾU LÝ LỊCH HỌC SINH

| Số TT | Họ và tên              | Ngày, tháng, năm sinh | Nơi sinh                                           | Dân tộc | Nam/ Nữ | Đối tượng ưu tiên | Địa chỉ gia đình                                          |
|-------|------------------------|-----------------------|----------------------------------------------------|---------|---------|-------------------|-----------------------------------------------------------|
| 1     | Trần Nguyễn Quỳnh Anh  | 25/09/2009            | Huyện Cần Đức, Long An                             | Kinh    | Nữ      |                   | khu 6                                                     |
| 2     | Nguyễn Tuấn Anh        | 15/05/2008            | bệnh viện đa khoa Cần Đức                          | Kinh    | Nam     |                   | á 6 xã Phước đông huyện Cần Đức tỉnh Long An              |
| 3     | Lê Gia Bảo             | 12/03/2009            | Bệnh viện Hùng Vương Quận 5 Thành phố Hồ Chí       | Kinh    | Nam     |                   | Ấp Bình Hòa Xã Tân Lân Huyện Cần Đức                      |
| 4     | Phan Gia Bảo           | 21/08/2009            | Cần Đức, Long An                                   | Kinh    | Nam     |                   | khu 7, Thị trấn Cần Đức, Huyện Cần Đức, Long An           |
| 5     | Trương Hoài Bảo        | 12/07/2009            | Quận 5 TP Hồ Chí Minh                              | Kinh    | Nam     |                   | Ấp 4, Xã Phước Đông, Huyện Cần Đức, Tỉnh Long An          |
| 6     | Bùi Nguyên Bảo         | 02/04/2009            | Từ Dũ- TP Hồ Chí Minh                              | Kinh    | Nam     |                   | Ấp 4, xã Phước Đông, huyện Cần Đức tỉnh Long An           |
| 7     | Phạm Thanh Bảo         | 12/02/2009            | BV Đa khoa Cần Giuộc tỉnh Long An                  | Kinh    | Nam     |                   | Ấp Tân Mỹ Xã Mỹ Lệ Huyện Cần Đức                          |
| 8     | Cao Ngọc Minh Châu     | 15/10/2009            | Bệnh viện Hùng Vương- TpHCM                        | Kinh    | Nữ      |                   | Ấp 6, Xã Phước Đông, Cần Đức, Long An                     |
| 9     | Nguyễn Thị Mỹ Duyên    | 19/09/2009            | Ấp 4, Xã Tân Ân, Huyện Cần Đức, Long An            | Kinh    | Nữ      |                   | Ấp 4, Xã Tân Ân, Huyện Cần Đức, Long An                   |
| 10    | Lê Vi Đại              | 16/08/2009            | bệnh viện đa khoa Cần Đức                          | Kinh    | Nam     |                   | áp 2 xã Phước đông huyện Cần Đức tỉnh Long An             |
| 11    | Lê Thị Hồng Hạnh       | 03/12/2009            | Thành Phố Hồ Chí Minh                              | Kinh    | Nữ      |                   | Ấp Đình - Xã Tân chánh - Huyện Cần Đức - Tỉnh Long An     |
| 12    | Hồ Nhật Hào            | 17/08/2009            | Bệnh viện Đa Khoa Cần Đức                          | Kinh    | Nam     |                   | Ấp 4                                                      |
| 13    | Lê Nguyễn Minh Hằng    | 28/07/2009            | Bệnh viện Đa Khoa - Cần Đức - Long An              | Kinh    | Nữ      |                   | Ấp Ao Gòn Xã Tân Lân Huyện Cần Đức tỉnh Long An           |
| 14    | Lê Thúy Hằng           | 30/01/2009            | Tỉnh Vĩnh Long                                     | Kinh    | Nữ      |                   | Ấp Nhà Dài xã Tân Lân huyện Cần Đức                       |
| 15    | Nguyễn Đăng Khoa       | 20/04/2009            | Thành Phố Hồ Chí Minh                              | Kinh    | Nam     |                   | Ấp Láng - Xã Tân Chánh - Huyện Cần Đức - Tỉnh Long An     |
| 16    | Đỗ Đình Lâm            | 03/09/2009            | Bệnh viện Từ Dũ Tp.HCM                             | Kinh    | Nam     |                   | Ấp 3                                                      |
| 17    | Nguyễn Ngọc Lợi        | 03/05/2009            | Bệnh viện Đa khoa Cần Đức, tỉnh Long An            | Kinh    | Nam     |                   | Ấp Nhà Thờ Xã Tân Lân Huyện Cần Đức                       |
| 18    | Trần Ngọc Xuân Mai     | 17/02/2009            | Tỉnh Long An                                       | Kinh    | Nữ      |                   | Ấp Đông Nhi - Xã Tân Chánh - Huyện Cần Đức - Tỉnh Long An |
| 19    | Nguyễn Hoàng Hồng Ngọc | 31/05/2009            | bệnh viện Hùng Vương                               | Kinh    | Nữ      |                   | áp 4 xã Phước đông huyện Cần Đức tỉnh Long An             |
| 20    | Huỳnh Khánh Ngọc       | 22/08/2009            | Bệnh viên Đa Khoa khu vực Gò Công, tỉnh Tiền Giang | Kinh    | Nữ      |                   | Ấp 5, xã Phước Đông, huyện Cần Đức, tỉnh Long An          |
| 21    | Huỳnh Thái Nguyên      | 01/11/2008            | Bệnh viện đa khoa Trà Vinh                         | Kinh    | Nam     |                   | Ấp Bà Chu, xã Tân Lân                                     |
| 22    | Nguyễn Thị Cẩm Nhung   | 03/04/2009            | Bệnh viện Đa khoa Cần Đức                          | Kinh    | Nữ      |                   | Ấp 4 xã Phước Đông huyện Cần Đức Tỉnh Long An             |
| 23    | Đinh Thị Quỳnh Như     | 24/06/2009            | Hùng Vương, TP.Hồ Chí Minh                         | Kinh    | Nữ      |                   | 18, khu 3, Thị trấn Cần Đức, Huyện Cần Đức, Long An       |
| 24    | Ngô Hoàng Phúc         | 28/01/2009            | Bệnh viện Đa khoa Cần Đức                          | Kinh    | Nam     |                   | Ấp 3, Xã Tân Ân, Huyện Cần Đức                            |
| 25    | Phan Hoàng Phúc        | 11/02/2009            | Huyện Cần Đức, Long An                             | Kinh    | Nam     |                   | Khu 7- TT                                                 |
| 26    | Nguyễn Trung Sang      | 29/08/2009            | Bệnh viện Từ Dũ - TP. HCM                          | Kinh    | Nam     |                   | Ấp Bà nghĩa - Tân Chánh - Cần Đức - Long An               |
| 27    | Nguyễn Tấn Tài         | 16/02/2009            | Bệnh viện Đa khoa Cần Đức - Long An                | Kinh    | Nam     |                   | Ấp Đông Trung - Tân Chánh - Cần Đức - Long An             |
| 28    | Nguyễn Châu Thanh      | 26/01/2009            | BV Cần Giuộc                                       | Kinh    | Nam     |                   | Ấp Tân Mỹ Xã Mỹ Lệ Huyện Cần Đức                          |
| 29    | Tô Si Thanh            | 03/07/2009            | Cần Đức, Long An                                   | Kinh    | Nam     |                   | Khu 7 thị trấn Cần Đức huyện Cần Đức                      |
| 30    | Phạm Thị Yến Thanh     | 25/04/2009            | bệnh viện Cần Đức                                  | Kinh    | Nữ      |                   | ẤP 2 PHƯỚC TUY                                            |
| 31    | Tổng Hoàng Thắng       | 02/06/2009            | BV Đa Khoa huyện Cần Đức                           | Kinh    | Nam     |                   | áp 3, xã Phước Đông, huyện Cần Đức, tỉnh Long An          |
| 32    | Lê Tấn Thiện           | 22/11/2009            | Thành phố HCM                                      | Kinh    | Nam     |                   | ẤP 1 PHƯỚC TUY                                            |
| 33    | Nguyễn Thị Như Thủy    | 22/09/2009            | Hùng Vương - TPHCM                                 | Kinh    | Nữ      |                   | Ấp 1                                                      |
| 34    | Tăng Thị Anh Thư       | 08/02/2009            | Trạm y tế Xã Vĩnh Trạch - TX Bạc Liêu              | Kho-me  | Nữ      |                   | Ấp Đông Trung - Tân Chánh - Cần Đức - Long An             |
| 35    | Võ Thị Cẩm Tiên        | 05/12/2009            | Bệnh viện đa khoa Khu vực Cần Giuộc, huyện Cần     | Kinh    | Nữ      |                   | Ấp Bà Thoại Xã Tân Lân Huyện Cần Đức                      |
| 36    | Lê Thị Ngọc Tiền       | 27/08/2009            | bệnh viện Hùng Vương                               | Kinh    | Nữ      |                   | áp 4                                                      |
| 37    | Lê Văn Tín             | 30/07/2009            | Bệnh viện Hùng Vương                               | Kinh    | Nam     |                   | Ấp Nhà Dài Xã Tân Lân Huyện Cần Đức                       |
| 38    | Nguyễn Hoài Bảo Trần   | 03/08/2009            | bệnh viện đa khoa Long An                          | Kinh    | Nữ      |                   | áp 1 xã Phước Đông huyện Cần đức tỉnh Long An             |
| 39    | Lê Thanh Triều         | 30/05/2009            | Trung tâm y tế Huyện Cần Đức, huyện Cần Đức, tỉnh  | Kinh    | Nam     |                   | Ấp Cầu Xây Xã Tân Lân Huyện Cần Đức                       |
| 40    | Lê Anh Trọng           | 25/06/2009            | BV Từ Dũ-TPHCM                                     | Kinh    | Nam     |                   | Ấp Tân Mỹ Xã Mỹ Lệ Huyện Cần Đức                          |
| 41    | Phạm Thế Trường        | 11/07/2009            | Bệnh viện Cần Giuộc                                | Kinh    | Nam     |                   | Ấp Bà Thoại Xã Tân Lân Huyện Cần Đức                      |
| 42    | Trần Trí Tuệ           | 02/07/2009            | Bệnh viện Đa khoa Cần Đức - Long An                | Kinh    | Nam     |                   | Ấp Bà nghĩa - Tân Chánh - Cần Đức - Long An               |
| 43    | Đào Khải Vy            | 08/02/2009            | Bệnh viện Đa khoa Gò Công, tỉnh Tiền Giang         | Kinh    | Nữ      |                   | Ấp 5, Xã Tân Ân, Huyện Cần Đức                            |
| 44    | Nguyễn Hoàng Khánh Vy  | 21/09/2009            | BV Đa khoa Cao su Đồng Nai                         | Kinh    | Nữ      |                   | Ấp Tân Mỹ Xã Mỹ Lệ Huyện Cần Đức                          |
| 45    | Ngô Thị Hoàng Yến      | 05/11/2009            | bệnh viện Cần Đức                                  | Kinh    | Nữ      |                   | Khu 1B                                                    |
| 46    | Đặng Hồng Yến          | 23/11/2009            | BV Từ Dũ-TPHCM                                     | Kinh    | Nữ      |                   | Ấp Chợ-Trạm Xã Mỹ Lệ Huyện Cần Đức                        |

| Số TT | Họ và tên cha, nghề nghiệp, điện thoại, email<br>(hoặc người giám hộ) | Họ và tên mẹ, nghề nghiệp, điện thoại, email<br>(hoặc người giám hộ) | Những thay đổi cần chú ý trong năm học<br>(gia đình, sức khỏe, nơi ở ...) |
|-------|-----------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|
| 1     | Trần Anh Tuấn - Buôn bán                                              | Nguyễn Thị Út - Dược sĩ                                              |                                                                           |
| 2     | Nguyễn Văn Búp - làm ruộng                                            | Trần Thị Hằng - Làm ruộng                                            |                                                                           |
| 3     | Lê Ngọc Khanh - Mất khả năng lao động                                 | Nguyễn Thị Hồng Thảo - Lao công                                      |                                                                           |
| 4     | Phan Hoàng Thúc - sửa xe                                              | Võ Hồng Thơ - Nội trợ                                                |                                                                           |
| 5     | Trương Hoài Vũ - Tài xế                                               | Trương Thị Hương - Nội trợ                                           |                                                                           |
| 6     | Bùi Anh Nghĩa - Giáo viên                                             | Đoàn Thị Bảy - Kinh doanh                                            |                                                                           |
| 7     | Phạm Thanh Sơn - Tài xế                                               | Trần Thị An - Nhân viên xe buýt                                      |                                                                           |
| 8     | Cao Minh Kiệt - Buôn bán                                              | Võ Thị Ngọc Lan - buôn bán                                           |                                                                           |
| 9     | Nguyễn Hữu Thoại - Làm xà lan                                         | Trần Thị Kim Ngọc - Buôn bán                                         |                                                                           |
| 10    | Lê Quý Đôn - thợ mộc                                                  | Nguyễn Ngọc Hương - Thợ may                                          |                                                                           |
| 11    | Lê Công Lợi -                                                         | Trần Thị Mỹ Chi -                                                    |                                                                           |
| 12    | Hồ Văn Nhựt - Đi sà lan                                               | Huỳnh Thị Bạch Tuyết - Nội trợ                                       |                                                                           |
| 13    | Lê Minh Tâm - làm hồ                                                  | Nguyễn Thị Tuyết Phương - công nhân                                  |                                                                           |
| 14    | Nguyễn Văn Hôn -                                                      | Lê Thị Nhựm - Làm ruộng                                              |                                                                           |
| 15    | Nguyễn Thanh Sang -                                                   | Nguyễn Thị Sang -                                                    |                                                                           |
| 16    | Đỗ Văn Lắm -                                                          | Mai Ngọc Tuyết - Công nhân                                           |                                                                           |
| 17    | Nguyễn Văn Cao - Làm ruộng                                            | Nguyễn Thị Phần - Công nhân                                          |                                                                           |
| 18    | Trần Văn Phụng -                                                      | Huỳnh Thị Phụng -                                                    |                                                                           |
| 19    | Nguyễn Tấn An - Đi đàn                                                | Nguyễn Thị Hồng Nhung - Buôn bán                                     |                                                                           |
| 20    | Huỳnh Văn Sol - đi sà lan                                             | Trương Kim Lý - Công nhân                                            |                                                                           |
| 21    | Huỳnh Văn Ngai - Thợ hồ                                               | Hồ Thị Kim Thoa - Công nhân                                          |                                                                           |
| 22    | Nguyễn Thái Bình - Làm mướn                                           | Trần Thị Nhen - Nội trợ                                              |                                                                           |
| 23    | Đinh Ngọc Danh - Buôn bán                                             | Nguyễn Thị Thanh - Buôn bán                                          |                                                                           |
| 24    | Ngô Văn Dũng - Làm ruộng                                              | Đoàn Thị Mai - Làm ruộng                                             |                                                                           |
| 25    | Phan Thanh Hương - làm mướn                                           | Nguyễn Thị Mộng Kiều - Công nhân                                     |                                                                           |
| 26    | Nguyễn Bá Trung -                                                     | Nguyễn Thị Bạch Lê -                                                 |                                                                           |
| 27    | Nguyễn Văn Thuận -                                                    | Huỳnh Thị Tuyết Nga -                                                |                                                                           |
| 28    | Nguyễn Văn Châu - Công nhân                                           | Nguyễn thị Kim Liên - Công Nhân                                      |                                                                           |
| 29    | Tô Văn Bình - Công nhân                                               | Nguyễn Thị Ngọc Diệp - Công nhân                                     |                                                                           |
| 30    | Phạm Văn Mười - làm nông                                              | Nguyễn Ngọc Thúy - làm nông                                          |                                                                           |
| 31    | Tổng Hoàng Văn - Sáng cạp                                             | Trần Thị Lương - Công nhân                                           |                                                                           |
| 32    | Lê Tấn Sơn - Công nhân                                                | Nguyễn Thụy Nhã Phương - Công nhân                                   |                                                                           |
| 33    | Nguyễn Văn Nghĩa - Tài xế                                             | Nguyễn Thị Thúy - Công nhân                                          |                                                                           |
| 34    |                                                                       | Tăng Thị Thúy -                                                      |                                                                           |
| 35    | Võ Văn Gật - Làm ruộng                                                | Nguyễn Thị Thuận - Làm ruộng                                         |                                                                           |
| 36    | Lê Thành Tâm - sửa và lái càn                                         | Nguyễn Thị Ngọc Tuyết - Công nhân                                    |                                                                           |
| 37    | Lê Hiền Nhon - Thợ nấu                                                | Nguyễn Thị Bé - Thợ nấu                                              |                                                                           |
| 38    | Nguyễn Hữu Thọ - làm ruộng                                            | Nguyễn Thị Kim Ngân - làm ruộng                                      |                                                                           |
| 39    | Lê Minh Mẫn - Thợ hồ                                                  | Nguyễn Thị Hồng Lạc - Công nhân                                      |                                                                           |
| 40    | Lê Văn Long Hồ - Buôn bán                                             | Hồ Thị Ngọc Diệu - Buôn bán                                          |                                                                           |
| 41    | Phạm Thế Huy - Công nhân                                              | Phan Thị Kim Cúc - Nội trợ                                           |                                                                           |
| 42    | Trần Công Trí -                                                       | Nguyễn Thị Mộng Sương -                                              |                                                                           |
| 43    | Đào Duy Khải - Công nhân                                              | Nguyễn Thị Bích Muội - Công nhân                                     |                                                                           |
| 44    | Nguyễn Thanh Bình - Thợ Hồ                                            | Lý Thị Hồng Đào - Công Nhân                                          |                                                                           |
| 45    | Trần Thanh Hùng - Xây dựng                                            | Nguyễn Thị Kim Cương - Công nhân                                     |                                                                           |
| 46    | <b>Đặng Kim Cang - Buôn bán</b>                                       | <b>Đặng Thị Hồng Thúy - Buôn bán</b>                                 |                                                                           |

| S<br>TT | Họ và tên              | Ngày | 1  | 2  | 3  | 4  | 5  | 6  | 7  | 8  | 9  | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 | 22 | 23 | 24 | 25 | 26 | 27 | 28 | 29 | 30 | 31 | TS buổi nghỉ |   |   |
|---------|------------------------|------|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|--------------|---|---|
|         |                        | Thứ  | CN | T2 | T3 | T4 | T5 | T6 | T7 | CN | T2 | T3 | T4 | T5 | T6 | T7 | CN | T2 | T3 | T4 | T5 | T6 | T7 | CN | T2 | T3 | T4 | T5 | T6 | T7 | CN | T2 |    | TS           | P | K |
| 1       | Trần Nguyễn Quỳnh Anh  |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 2       | Nguyễn Tuấn Anh        |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 3       | Lê Gia Bảo             |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 4       | Phan Gia Bảo           |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 5       | Trương Hoài Bảo        |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 6       | Bùi Nguyên Bảo         |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 7       | Phạm Thanh Bảo         |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 8       | Cao Ngọc Minh Châu     |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 9       | Nguyễn Thị Mỹ Duyên    |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 10      | Lê Vi Đại              |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 11      | Lê Thị Hồng Hạnh       |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 12      | Hồ Nhật Hào            |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 13      | Lê Nguyễn Minh Hằng    |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 14      | Lê Thúy Hằng           |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 15      | Nguyễn Đăng Khoa       |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 16      | Đỗ Đình Lâm            |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 17      | Nguyễn Ngọc Lợi        |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 18      | Trần Ngọc Xuân Mai     |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | P  | P  |    |    |    |    |    |    |    | 2  | 2            | 0 |   |
| 19      | Nguyễn Hoàng Hồng Ngọc |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 20      | Huỳnh Khánh Ngọc       |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 21      | Huỳnh Thái Nguyên      |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 22      | Nguyễn Thị Cẩm Nhung   |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 23      | Đinh Thị Quỳnh Như     |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | K  |    |    |    |    |    |    | 1            | 0 | 1 |
| 24      | Ngô Hoàng Phúc         |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 25      | Phan Hoàng Phúc        |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 26      | Nguyễn Trung Sang      |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | P  |    |    |    |    | 1            | 1 | 0 |
| 27      | Nguyễn Tấn Tài         |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 28      | Nguyễn Châu Thanh      |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 29      | Tô Sĩ Thanh            |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 30      | Phạm Thị Yến Thanh     |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | P  |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 1            | 1 | 0 |
| 31      | Tổng Hoàng Thắng       |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 32      | Lê Tấn Thiện           |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 33      | Nguyễn Thị Như Thùy    |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 34      | Tăng Thị Anh Thư       |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 35      | Võ Thị Cẩm Tiên        |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 36      | Lê Thị Ngọc Tiên       |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 37      | Lê Văn Tín             |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 38      | Nguyễn Hoài Bảo Trân   |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 39      | Lê Thanh Triều         |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 40      | Lê Anh Trọng           |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 41      | Phạm Thế Trường        |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 42      | Trần Trí Tuệ           |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 43      | Đào Khải Vy            |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 44      | Nguyễn Hoàng Khánh Vy  |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 45      | Ngô Thị Hoàng Yến      |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 46      | Đặng Hồng Yến          |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
|         | Tổng số                |      | 0  | 0  | 0  | 0  | 0  | 0  | 0  | 0  | 0  | 0  | 0  | 0  | 1  | 0  | 0  | 0  | 0  | 0  | 0  | 0  | 0  | 1  | 1  | 0  | 1  | 0  | 1  | 0  | 0  |    | 5  | 4            | 1 |   |

Ti lệ:

có phép: 80.00%  
không phép: 20.00%

Giáo viên chủ nhiệm

(Ký và ghi rõ họ tên)

Phạm Duy Phương

Hiệu trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Minh Triều



|                    |                                                     |                                          |
|--------------------|-----------------------------------------------------|------------------------------------------|
| Tỉ lệ:             | <b>Giáo viên chủ nhiệm</b><br>(Ký và ghi rõ họ tên) | <b>Hiệu trưởng</b><br>(Ký tên, đóng dấu) |
| có phép: 35.29%    |                                                     |                                          |
| không phép: 64.71% |                                                     |                                          |
|                    | <b>Phạm Duy Phương</b>                              | <b>Nguyễn Minh Triều</b>                 |

|                    |                                                     |                                          |
|--------------------|-----------------------------------------------------|------------------------------------------|
| Tỉ lệ:             | <b>Giáo viên chủ nhiệm</b><br>(Ký và ghi rõ họ tên) | <b>Hiệu trưởng</b><br>(Ký tên, đóng dấu) |
| có phép: 50.00%    |                                                     |                                          |
| không phép: 50.00% |                                                     |                                          |
|                    | <b>Phạm Duy Phương</b>                              | <b>Nguyễn Minh Triều</b>                 |

| S<br>TT | Họ và tên              | Ngày | 1  | 2  | 3  | 4  | 5  | 6  | 7  | 8  | 9  | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 | 22 | 23 | 24 | 25 | 26 | 27 | 28 | 29 | 30 | 31 | TS buổi nghỉ |    |    |
|---------|------------------------|------|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|--------------|----|----|
|         |                        | Thứ  | CN | T2 | T3 | T4 | T5 | T6 | T7 | CN | T2 | T3 | T4 | T5 | T6 | T7 | CN | T2 | T3 | T4 | T5 | T6 | T7 | CN | T2 | T3 | T4 | T5 | T6 | T7 | CN | T2 | T3 | TS           | P  | K  |
| 1       | Trần Nguyễn Quỳnh Anh  |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0  | 0            | 0  |    |
| 2       | Nguyễn Tuấn Anh        |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0  | 0            | 0  |    |
| 3       | Lê Gia Bảo             |      |    | K  | K  |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | P  |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 3  | 1  | 2            |    |    |
| 4       | Phan Gia Bảo           |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | K  |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 1  | 0  | 1            |    |    |
| 5       | Trương Hoài Bảo        |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0  | 0            | 0  |    |
| 6       | Bùi Nguyên Bảo         |      |    |    |    |    |    |    |    | P  | P  |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 2  | 2            | 0  |    |
| 7       | Phạm Thanh Bảo         |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | P  |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 1  | 1  | 0            |    |    |
| 8       | Cao Ngọc Minh Châu     |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0  | 0            | 0  |    |
| 9       | Nguyễn Thị Mỹ Duyên    |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | K  |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 1  | 0  | 1            |    |    |
| 10      | Lê Vi Đại              |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0  | 0            | 0  |    |
| 11      | Lê Thị Hồng Hạnh       |      |    |    |    |    |    |    |    | P  |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 1  | 1            | 0  |    |
| 12      | Hồ Nhật Hào            |      |    |    |    |    |    |    |    | K  |    |    | K  |    |    |    |    |    |    |    |    | K  |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 3  | 0  | 3            |    |    |
| 13      | Lê Nguyễn Minh Hằng    |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0  | 0            | 0  |    |
| 14      | Lê Thúy Hằng           |      |    |    |    |    |    | P  |    |    |    |    | P  |    | K  |    |    |    |    |    |    | K  |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 4  | 2  | 2            |    |    |
| 15      | Nguyễn Đăng Khoa       |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0  | 0            | 0  |    |
| 16      | Đỗ Đình Lâm            |      |    | K  |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 1  | 0            | 1  |    |
| 17      | Nguyễn Ngọc Lợi        |      |    |    |    |    |    | K  |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | K  |    | K  |    | K  |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 4  | 0            | 4  |    |
| 18      | Trần Ngọc Xuân Mai     |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | K  |    |    |    |    |    |    | K  |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 2  | 0            | 2  |    |
| 19      | Nguyễn Hoàng Hồng Ngọc |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0  | 0            | 0  |    |
| 20      | Huỳnh Khánh Ngọc       |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | K  |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 1  | 0            | 1  |    |
| 21      | Huỳnh Thái Nguyên      |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | K  |    | K  |    | K  |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 3  | 0            | 3  |    |
| 22      | Nguyễn Thị Cẩm Nhung   |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | P  |    |    |    | 1  | 1            | 0  |    |
| 23      | Đinh Thị Quỳnh Như     |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | K  |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 1  | 0            | 1  |    |
| 24      | Ngô Hoàng Phúc         |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0  | 0            | 0  |    |
| 25      | Phan Hoàng Phúc        |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0  | 0            | 0  |    |
| 26      | Nguyễn Trung Sang      |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0  | 0            | 0  |    |
| 27      | Nguyễn Tấn Tài         |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0  | 0            | 0  |    |
| 28      | Nguyễn Châu Thanh      |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0  | 0            | 0  |    |
| 29      | Tô Sĩ Thanh            |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | K  |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 1  | 0            | 1  |    |
| 30      | Phạm Thị Yến Thanh     |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0  | 0            | 0  |    |
| 31      | Tổng Hoàng Thắng       |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | K  |    |    |    |    |    |    | P  | K  |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 3  | 1            | 2  |    |
| 32      | Lê Tấn Thiện           |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0  | 0            | 0  |    |
| 33      | Nguyễn Thị Như Thùy    |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0  | 0            | 0  |    |
| 34      | Tăng Thị Anh Thư       |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0  | 0            | 0  |    |
| 35      | Võ Thị Cẩm Tiên        |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0  | 0            | 0  |    |
| 36      | Lê Thị Ngọc Tiên       |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0  | 0            | 0  |    |
| 37      | Lê Văn Tín             |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0  | 0            | 0  |    |
| 38      | Nguyễn Hoài Bảo Trân   |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0  | 0            | 0  |    |
| 39      | Lê Thanh Triều         |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | K  |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 1  | 0            | 1  |    |
| 40      | Lê Anh Trọng           |      |    |    |    | K  |    | K  |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | K  |    | K  |    | P  |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 5  | 1            | 4  |    |
| 41      | Phạm Thế Trường        |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0  | 0            | 0  |    |
| 42      | Trần Trí Tuệ           |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0  | 0            | 0  |    |
| 43      | Đào Khải Vy            |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0  | 0            | 0  |    |
| 44      | Nguyễn Hoàng Khánh Vy  |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0  | 0            | 0  |    |
| 45      | Ngô Thị Hoàng Yến      |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0  | 0            | 0  |    |
| 46      | Đặng Hồng Yến          |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0  | 0            | 0  |    |
|         | Tổng số                |      | 0  | 0  | 2  | 1  | 1  | 0  | 3  | 0  | 3  | 1  | 0  | 6  | 0  | 3  | 0  | 0  | 4  | 0  | 5  | 1  | 8  | 0  | 0  | 0  | 0  | 0  | 1  | 0  | 0  | 0  | 0  | 39           | 10 | 29 |

Tỉ lệ:

có phép: 25.64%  
không phép: 74.36%

Giáo viên chủ nhiệm  
(Ký và ghi rõ họ tên)  
  
Phạm Duy Phương

Hiệu trưởng  
(Ký tên, đóng dấu)  
  
Nguyễn Minh Triều

|                    |                                                     |                                          |
|--------------------|-----------------------------------------------------|------------------------------------------|
| Tỉ lệ:             | <b>Giáo viên chủ nhiệm</b><br>(Ký và ghi rõ họ tên) | <b>Hiệu trưởng</b><br>(Ký tên, đóng dấu) |
| có phép: 46.15%    |                                                     |                                          |
| không phép: 53.85% |                                                     |                                          |
|                    | <b>Phạm Duy Phương</b>                              | <b>Nguyễn Minh Triều</b>                 |

|                   |                                                     |                                          |
|-------------------|-----------------------------------------------------|------------------------------------------|
| Tỉ lệ:            | <b>Giáo viên chủ nhiệm</b><br>(Ký và ghi rõ họ tên) | <b>Hiệu trưởng</b><br>(Ký tên, đóng dấu) |
| có phép: 92.50%   |                                                     |                                          |
| không phép: 7.50% |                                                     |                                          |
|                   | <b>Phạm Duy Phương</b>                              | <b>Nguyễn Minh Triều</b>                 |

| S<br>TT | Họ và tên              | Ngày | 1  | 2  | 3  | 4  | 5  | 6  | 7  | 8  | 9  | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 | 22 | 23 | 24 | 25 | 26 | 27 | 28 | 29 | 30 | 31 | TS buổi nghỉ |    |   |
|---------|------------------------|------|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|--------------|----|---|
|         |                        | Thứ  | T7 | CN | T2 | T3 | T4 | T5 | T6 | T7 | CN | T2 | T3 | T4 | T5 | T6 | T7 | CN | T2 | T3 | T4 | T5 | T6 | T7 | CN | T2 | T3 | T4 | T5 | T6 | T7 | CN | T2 | TS           | P  | K |
| 1       | Trần Nguyễn Quỳnh Anh  |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0  | 0 |
| 2       | Nguyễn Tuấn Anh        |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0  | 0 |
| 3       | Lê Gia Bảo             |      |    |    |    |    |    |    |    | P  |    | P  |    |    |    | P  |    |    |    |    |    |    |    |    |    | P  |    |    | P  |    |    |    | 5  | 5            | 0  |   |
| 4       | Phan Gia Bảo           |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | P  |    |    |    |    |    |    |    | 1            | 1  | 0 |
| 5       | Trương Hoài Bảo        |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0  | 0 |
| 6       | Bùi Nguyên Bảo         |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0  | 0 |
| 7       | Phạm Thanh Bảo         |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0  | 0 |
| 8       | Cao Ngọc Minh Châu     |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0  | 0 |
| 9       | Nguyễn Thị Mỹ Duyên    |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0  | 0 |
| 10      | Lê Vi Đại              |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0  | 0 |
| 11      | Lê Thị Hồng Hạnh       |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0  | 0 |
| 12      | Hồ Nhật Hào            |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | P  |    | P  | P  |    |    |    |    |    |    |    |    |    | P  |    |    | P  |    |    |    | 5  | 5            | 0  |   |
| 13      | Lê Nguyễn Minh Hằng    |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0  | 0 |
| 14      | Lê Thúy Hằng           |      |    |    |    |    |    |    |    | P  |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 1            | 1  | 0 |
| 15      | Nguyễn Đăng Khoa       |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0  | 0 |
| 16      | Đỗ Đình Lâm            |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0  | 0 |
| 17      | Nguyễn Ngọc Lợi        |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0  | 0 |
| 18      | Trần Ngọc Xuân Mai     |      | P  |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 1            | 1  | 0 |
| 19      | Nguyễn Hoàng Hồng Ngọc |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0  | 0 |
| 20      | Huỳnh Khánh Ngọc       |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0  | 0 |
| 21      | Huỳnh Thái Nguyên      |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0  | 0 |
| 22      | Nguyễn Thị Cẩm Nhung   |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0  | 0 |
| 23      | Đinh Thị Quỳnh Như     |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0  | 0 |
| 24      | Ngô Hoàng Phúc         |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0  | 0 |
| 25      | Phan Hoàng Phúc        |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0  | 0 |
| 26      | Nguyễn Trung Sang      |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0  | 0 |
| 27      | Nguyễn Tấn Tài         |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0  | 0 |
| 28      | Nguyễn Châu Thanh      |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0  | 0 |
| 29      | Tô Sĩ Thanh            |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0  | 0 |
| 30      | Phạm Thị Yến Thanh     |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0  | 0 |
| 31      | Tổng Hoàng Thắng       |      |    |    | P  |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 1            | 1  | 0 |
| 32      | Lê Tấn Thiện           |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0  | 0 |
| 33      | Nguyễn Thị Như Thùy    |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0  | 0 |
| 34      | Tăng Thị Anh Thư       |      |    |    |    |    |    |    |    | P  |    |    |    |    |    |    |    | P  |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 2            | 2  | 0 |
| 35      | Võ Thị Cẩm Tiên        |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0  | 0 |
| 36      | Lê Thị Ngọc Tiên       |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0  | 0 |
| 37      | Lê Văn Tín             |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0  | 0 |
| 38      | Nguyễn Hoài Bảo Trân   |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0  | 0 |
| 39      | Lê Thanh Triều         |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0  | 0 |
| 40      | Lê Anh Trọng           |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0  | 0 |
| 41      | Phạm Thế Trường        |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0  | 0 |
| 42      | Trần Trí Tuệ           |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0  | 0 |
| 43      | Đào Khải Vy            |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0  | 0 |
| 44      | Nguyễn Hoàng Khánh Vy  |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0  | 0 |
| 45      | Ngô Thị Hoàng Yến      |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0  | 0 |
| 46      | Đặng Hồng Yến          |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0  | 0 |
|         | Tổng số                |      | 1  | 0  | 1  | 0  | 0  | 0  | 1  | 2  | 0  | 1  | 1  | 0  | 1  | 2  | 1  | 0  | 0  | 0  | 0  | 0  | 0  | 0  | 0  | 3  | 0  | 1  | 1  | 0  | 0  | 0  | 0  | 16           | 16 | 0 |

Ti lệ:

có phép: 100.00%  
không phép: 0.00%

Giáo viên chủ nhiệm  
(Ký và ghi rõ họ tên)

Phạm Duy Phương

Hiệu trưởng  
(Ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Minh Triều

|                   |                                                     |                                          |
|-------------------|-----------------------------------------------------|------------------------------------------|
| Tỉ lệ:            | <b>Giáo viên chủ nhiệm</b><br>(Ký và ghi rõ họ tên) | <b>Hiệu trưởng</b><br>(Ký tên, đóng dấu) |
| có phép: 100.00%  |                                                     |                                          |
| không phép: 0.00% |                                                     |                                          |
|                   | <b>Phạm Duy Phương</b>                              | <b>Nguyễn Minh Triều</b>                 |

| S<br>TT | Họ và tên              | Ngày | 1  | 2  | 3  | 4  | 5  | 6  | 7  | 8  | 9  | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 | 22 | 23 | 24 | 25 | 26 | 27 | 28 | 29 | 30 | 31 | TS buổi nghỉ |   |   |
|---------|------------------------|------|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|--------------|---|---|
|         |                        | Thứ  | T5 | T6 | T7 | CN | T2 | T3 | T4 | T5 | T6 | T7 | CN | T2 | T3 | T4 | T5 | T6 | T7 | CN | T2 | T3 | T4 | T5 | T6 | T7 | CN | T2 | T3 | T4 | T5 | T6 | T7 | TS           | P | K |
| 1       | Trần Nguyễn Quỳnh Anh  |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 2       | Nguyễn Tuấn Anh        |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 3       | Lê Gia Bảo             |      |    |    |    |    |    |    | P  | P  | P  | P  |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 4  | 4            | 0 |   |
| 4       | Phan Gia Bảo           |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 5       | Trương Hoài Bảo        |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 6       | Bùi Nguyên Bảo         |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 7       | Phạm Thanh Bảo         |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 8       | Cao Ngọc Minh Châu     |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 9       | Nguyễn Thị Mỹ Duyên    |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 10      | Lê Vi Đại              |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 11      | Lê Thị Hồng Hạnh       |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 12      | Hồ Nhật Hào            |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 13      | Lê Nguyễn Minh Hằng    |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 14      | Lê Thúy Hằng           |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 15      | Nguyễn Đăng Khoa       |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 16      | Đỗ Đình Lâm            |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 17      | Nguyễn Ngọc Lợi        |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 18      | Trần Ngọc Xuân Mai     |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 19      | Nguyễn Hoàng Hồng Ngọc |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 20      | Huỳnh Khánh Ngọc       |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 21      | Huỳnh Thái Nguyên      |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 22      | Nguyễn Thị Cẩm Nhung   |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 23      | Đinh Thị Quỳnh Như     |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 24      | Ngô Hoàng Phúc         |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 25      | Phan Hoàng Phúc        |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 26      | Nguyễn Trung Sang      |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 27      | Nguyễn Tấn Tài         |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 28      | Nguyễn Châu Thanh      |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 29      | Tô Sĩ Thanh            |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 30      | Phạm Thị Yến Thanh     |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 31      | Tổng Hoàng Thắng       |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 32      | Lê Tấn Thiện           |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    | 0            | 0 | 0 |
| 33      | Nguyễn Thị Như Thùy    |      |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |              |   |   |

Ti lệ:

có phép: 100.00%  
không phép: 0.00%

Giáo viên chủ nhiệm  
(Ký và ghi rõ họ tên)  
  
Phạm Duy Phương

Hiệu trưởng  
(Ký tên, đóng dấu)  
  
Nguyễn Minh Triều



# PHẦN GHI ĐIỂM

## HỌC KỲ I

HỌC KỲ I

Toán

(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)

| STT | Họ và tên              | ĐĐGtx |      |      |      |  | ĐĐGgk | ĐĐGck | ĐTB<br>mhk | Ghi Chú                          |
|-----|------------------------|-------|------|------|------|--|-------|-------|------------|----------------------------------|
| 1   | Trần Nguyễn Quỳnh Anh  | 8,0   | 7,0  | 8,0  | 6,0  |  | 4,0   | 5,0   | 5,8        | Cần phát huy nhiều hơn           |
| 2   | Nguyễn Tuấn Anh        | 8,0   | 9,0  | 8,0  | 8,0  |  | 7,8   | 5,5   | 7,2        | Học khá, chăm ngoan              |
| 3   | Lê Gia Bảo             | 9,0   | 8,0  | 7,0  | 7,0  |  | 6,3   | 4,8   | 6,4        | Học được, cần phát huy nhiều hơn |
| 4   | Phan Gia Bảo           | 7,0   | 9,0  | 7,0  | 10,0 |  | 7,3   | 4,8   | 6,9        | Học được, cần phát huy nhiều hơn |
| 5   | Trương Hoài Bảo        | 6,0   | 10,0 | 9,0  | 10,0 |  | 9,0   | 8,3   | 8,7        | Học giỏi, chăm ngoan             |
| 6   | Bùi Nguyên Bảo         | 7,0   | 7,0  | 7,0  | 6,0  |  | 3,0   | 4,8   | 5,3        | Cần phát huy nhiều hơn           |
| 7   | Phạm Thanh Bảo         | 9,0   | 8,0  | 8,0  | 7,0  |  | 6,5   | 5,3   | 6,8        | Học được, cần phát huy nhiều hơn |
| 8   | Cao Ngọc Minh Châu     | 9,0   | 10,0 | 10,0 | 10,0 |  | 9,0   | 9,3   | 9,4        | Học giỏi, chăm ngoan             |
| 9   | Nguyễn Thị Mỹ Duyên    | 8,0   | 9,0  | 8,0  | 8,0  |  | 8,8   | 5,8   | 7,6        | Học khá, chăm ngoan              |
| 10  | Lê Vĩ Đại              | 7,0   | 8,0  | 7,0  | 6,0  |  | 5,5   | 3,8   | 5,6        | Cần phát huy nhiều hơn           |
| 11  | Lê Thị Hồng Hạnh       | 9,0   | 7,0  | 7,0  | 6,0  |  | 3,3   | 4,0   | 5,3        | Cần phát huy nhiều hơn           |
| 12  | Hồ Nhật Hào            | 8,0   | 8,0  | 7,0  | 7,0  |  | 6,3   | 4,8   | 6,3        | Học được, cần phát huy nhiều hơn |
| 13  | Lê Nguyễn Minh Hằng    | 8,0   | 6,0  | 7,0  | 5,0  |  | 1,5   | 4,3   | 4,7        | Cần cố gắng nhiều hơn            |
| 14  | Lê Thúy Hằng           | 8,0   | 7,0  | 8,0  | 6,0  |  | 3,5   | 5,8   | 5,9        | Cần phát huy nhiều hơn           |
| 15  | Nguyễn Đăng Khoa       | 7,0   | 7,0  | 7,0  | 6,0  |  | 3,5   | 4,0   | 5,1        | Cần phát huy nhiều hơn           |
| 16  | Đỗ Đình Lâm            | 8,0   | 9,0  | 8,0  | 10,0 |  | 7,3   | 5,0   | 7,2        | Học khá, chăm ngoan              |
| 17  | Nguyễn Ngọc Lợi        | 8,0   | 8,0  | 7,0  | 10,0 |  | 6,3   | 4,5   | 6,6        | Học được, cần phát huy nhiều hơn |
| 18  | Trần Ngọc Xuân Mai     | 8,0   | 9,0  | 7,0  | 7,0  |  | 7,3   | 4,8   | 6,7        | Học được, cần phát huy nhiều hơn |
| 19  | Nguyễn Hoàng Hồng Ngọc | 8,0   | 9,0  | 7,0  | 10,0 |  | 7,8   | 4,5   | 7,0        | Học khá, chăm ngoan              |
| 20  | Huỳnh Khánh Ngọc       | 5,0   | 8,0  | 7,0  | 6,0  |  | 6,5   | 4,3   | 5,8        | Cần phát huy nhiều hơn           |
| 21  | Huỳnh Thái Nguyên      | 7,0   | 8,0  | 7,0  | 9,0  |  | 6,8   | 4,0   | 6,3        | Học được, cần phát huy nhiều hơn |
| 22  | Nguyễn Thị Cẩm Nhung   | 9,0   | 8,0  | 7,0  | 9,0  |  | 6,5   | 4,0   | 6,4        | Học được, cần phát huy nhiều hơn |
| 23  | Đinh Thị Quỳnh Như     | 9,0   | 9,0  | 8,0  | 8,0  |  | 8,8   | 5,3   | 7,5        | Học khá, chăm ngoan              |
| 24  | Ngô Hoàng Phúc         | 9,0   | 9,0  | 9,0  | 9,0  |  | 8,3   | 8,0   | 8,5        | Học giỏi, chăm ngoan             |
| 25  | Phan Hoàng Phúc        | 9,0   | 9,0  | 10,0 | 9,0  |  | 8,8   | 9,0   | 9,1        | Học giỏi, chăm ngoan             |
| 26  | Nguyễn Trung Sang      | 7,0   | 7,0  | 7,0  | 6,0  |  | 3,5   | 4,8   | 5,4        | Cần phát huy nhiều hơn           |
| 27  | Nguyễn Tấn Tài         | 10,0  | 9,0  | 9,0  | 9,0  |  | 8,3   | 8,0   | 8,6        | Học giỏi, chăm ngoan             |
| 28  | Nguyễn Châu Thanh      | 8,0   | 9,0  | 8,0  | 8,0  |  | 8,3   | 5,5   | 7,3        | Học khá, chăm ngoan              |
| 29  | Tô Sĩ Thanh            | 7,0   | 10,0 | 9,0  | 9,0  |  | 9,0   | 7,0   | 8,2        | Học giỏi, chăm ngoan             |
| 30  | Phạm Thị Yến Thanh     | 8,0   | 9,0  | 8,0  | 8,0  |  | 8,3   | 5,5   | 7,3        | Học khá, chăm ngoan              |
| 31  | Tổng Hoàng Thắng       | 8,0   | 9,0  | 8,0  | 10,0 |  | 8,0   | 6,8   | 7,9        | Học khá, chăm ngoan              |
| 32  | Lê Tấn Thiện           | 7,0   | 10,0 | 9,0  | 9,0  |  | 9,3   | 7,5   | 8,5        | Học giỏi, chăm ngoan             |
| 33  | Nguyễn Thị Như Thùy    | 7,0   | 9,0  | 10,0 | 9,0  |  | 8,8   | 9,3   | 8,9        | Học giỏi, chăm ngoan             |
| 34  | Tăng Thị Anh Thư       | 10,0  | 9,0  | 9,0  | 9,0  |  | 7,8   | 7,5   | 8,3        | Học giỏi, chăm ngoan             |
| 35  | Võ Thị Cẩm Tiên        | 6,0   | 9,0  | 9,0  | 8,0  |  | 7,5   | 7,0   | 7,6        | Học khá, chăm ngoan              |
| 36  | Lê Thị Ngọc Tiên       | 8,0   | 9,0  | 8,0  | 8,0  |  | 7,8   | 5,0   | 7,1        | Học khá, chăm ngoan              |
| 37  | Lê Văn Tín             | 8,0   | 9,0  | 8,0  | 8,0  |  | 7,0   | 5,8   | 7,2        | Học khá, chăm ngoan              |
| 38  | Nguyễn Hoài Bảo Trân   | 9,0   | 9,0  | 9,0  | 9,0  |  | 8,8   | 8,5   | 8,8        | Học giỏi, chăm ngoan             |
| 39  | Lê Thanh Triều         | 9,0   | 8,0  | 8,0  | 7,0  |  | 6,8   | 5,5   | 6,9        | Học được, cần phát huy nhiều hơn |
| 40  | Lê Anh Trọng           | 7,0   | 8,0  | 7,0  | 10,0 |  | 6,5   | 3,8   | 6,3        | Học được, cần phát huy nhiều hơn |
| 41  | Phạm Thế Trường        | 7,0   | 9,0  | 7,0  | 10,0 |  | 8,3   | 3,8   | 6,8        | Học được, cần phát huy nhiều hơn |
| 42  | Trần Trí Tuệ           | 6,0   | 7,0  | 7,0  | 5,0  |  | 3,3   | 3,5   | 4,7        | Cần cố gắng nhiều hơn            |
| 43  | Đào Khải Vy            | 9,0   | 9,0  | 8,0  | 8,0  |  | 8,8   | 6,8   | 8,0        | Học giỏi, chăm ngoan             |
| 44  | Nguyễn Hoàng Khánh Vy  | 8,0   | 9,0  | 9,0  | 10,0 |  | 8,0   | 8,3   | 8,5        | Học giỏi, chăm ngoan             |
| 45  | Ngô Thị Hoàng Yến      | 8,0   | 8,0  | 8,0  | 7,0  |  | 6,5   | 6,8   | 7,2        | Học khá, chăm ngoan              |
| 46  | Đặng Hồng Yến          | 8,0   | 9,0  | 7,0  | 7,0  |  | 8,8   | 4,3   | 6,8        | Học được, cần phát huy nhiều hơn |

Giáo viên môn học  
(Ký và ghi rõ họ tên)

Phạm Duy Phương

| <div> <div>Vật lý</div> <div>HỌC KỲ I</div> <div>(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)</div> </div> |                        |       |      |      |  |  |       |       |            |                                    |  |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|-------|------|------|--|--|-------|-------|------------|------------------------------------|--|
| STT                                                                                                                                   | Họ và tên              | ĐĐGtx |      |      |  |  | ĐĐGgk | ĐĐGck | ĐTB<br>mhk | Ghi Chú                            |  |
| 1                                                                                                                                     | Trần Nguyễn Quỳnh Anh  | 8,0   | 7,0  | 9,0  |  |  | 7,5   | 7,3   | 7,6        | Học khá, có cố gắng.               |  |
| 2                                                                                                                                     | Nguyễn Tuấn Anh        | 9,0   | 8,0  | 9,0  |  |  | 6,3   | 7,0   | 7,5        | Học khá, có cố gắng.               |  |
| 3                                                                                                                                     | Lê Gia Bảo             | 9,0   | 9,0  | 6,0  |  |  | 5,8   | 7,0   | 7,1        | Học khá, có cố gắng.               |  |
| 4                                                                                                                                     | Phan Gia Bảo           | 8,0   | 8,0  | 8,0  |  |  | 4,0   | 6,3   | 6,4        | Cần cố gắng ở học kỳ 2             |  |
| 5                                                                                                                                     | Trương Hoài Bảo        | 10,0  | 9,0  | 10,0 |  |  | 6,0   | 7,5   | 7,9        | Học khá, có cố gắng.               |  |
| 6                                                                                                                                     | Bùi Nguyên Bảo         | 10,0  | 10,0 | 9,0  |  |  | 5,8   | 7,8   | 8,0        | Học tốt, ngoan                     |  |
| 7                                                                                                                                     | Phạm Thanh Bảo         | 10,0  | 9,0  | 6,0  |  |  | 6,5   | 5,5   | 6,8        | Em học khá, em cần luyện tập thêm. |  |
| 8                                                                                                                                     | Cao Ngọc Minh Châu     | 10,0  | 9,0  | 10,0 |  |  | 6,0   | 8,5   | 8,3        | Học tốt, ngoan                     |  |
| 9                                                                                                                                     | Nguyễn Thị Mỹ Duyên    | 9,0   | 10,0 | 8,0  |  |  | 7,5   | 7,5   | 8,1        | Học tốt, ngoan                     |  |
| 10                                                                                                                                    | Lê Vĩ Đại              | 9,0   | 9,0  | 8,0  |  |  | 5,0   | 5,0   | 6,4        | Cần cố gắng ở học kỳ 2             |  |
| 11                                                                                                                                    | Lê Thị Hồng Hạnh       | 8,0   | 5,0  | 8,0  |  |  | 5,0   | 4,5   | 5,6        | Cần cố gắng ở học kỳ 2             |  |
| 12                                                                                                                                    | Hồ Nhật Hào            | 8,0   | 5,0  | 9,0  |  |  | 4,0   | 3,3   | 5,0        | Cần cố gắng ở học kỳ 2             |  |
| 13                                                                                                                                    | Lê Nguyễn Minh Hằng    | 8,0   | 7,0  | 9,0  |  |  | 5,0   | 4,3   | 5,9        | Cần cố gắng ở học kỳ 2             |  |
| 14                                                                                                                                    | Lê Thúy Hằng           | 8,0   | 7,0  | 8,0  |  |  | 5,0   | 5,3   | 6,1        | Cần cố gắng ở học kỳ 2             |  |
| 15                                                                                                                                    | Nguyễn Đăng Khoa       | 7,0   | 7,0  | 7,0  |  |  | 5,0   | 3,8   | 5,3        | Cần cố gắng ở học kỳ 2             |  |
| 16                                                                                                                                    | Đỗ Đình Lâm            | 7,0   | 9,0  | 8,0  |  |  | 4,0   | 3,3   | 5,2        | Cần cố gắng ở học kỳ 2             |  |
| 17                                                                                                                                    | Nguyễn Ngọc Lợi        | 7,0   | 7,0  | 8,0  |  |  | 5,8   | 6,0   | 6,5        | Em học khá, em cần luyện tập thêm. |  |
| 18                                                                                                                                    | Trần Ngọc Xuân Mai     | 8,0   | 9,0  | 10,0 |  |  | 5,0   | 6,0   | 6,9        | Em học khá, em cần luyện tập thêm. |  |
| 19                                                                                                                                    | Nguyễn Hoàng Hồng Ngọc | 9,0   | 7,0  | 9,0  |  |  | 5,3   | 7,3   | 7,2        | Học khá, có cố gắng.               |  |
| 20                                                                                                                                    | Huỳnh Khánh Ngọc       | 7,0   | 8,0  | 8,0  |  |  | 5,3   | 4,3   | 5,8        | Cần cố gắng ở học kỳ 2             |  |
| 21                                                                                                                                    | Huỳnh Thái Nguyên      | 8,0   | 7,0  | 7,0  |  |  | 5,0   | 7,8   | 6,9        | Em học khá, em cần luyện tập thêm. |  |
| 22                                                                                                                                    | Nguyễn Thị Cẩm Nhung   | 8,0   | 7,0  | 8,0  |  |  | 6,3   | 5,0   | 6,3        | Cần cố gắng ở học kỳ 2             |  |
| 23                                                                                                                                    | Đinh Thị Quỳnh Như     | 8,0   | 9,0  | 7,0  |  |  | 8,3   | 7,5   | 7,9        | Học khá, có cố gắng.               |  |
| 24                                                                                                                                    | Ngô Hoàng Phúc         | 9,0   | 9,0  | 10,0 |  |  | 6,0   | 5,3   | 7,0        | Học khá, có cố gắng.               |  |
| 25                                                                                                                                    | Phan Hoàng Phúc        | 8,0   | 8,0  | 10,0 |  |  | 6,8   | 8,3   | 8,1        | Học tốt, ngoan                     |  |
| 26                                                                                                                                    | Nguyễn Trung Sang      | 8,0   | 7,0  | 8,0  |  |  | 7,0   | 7,0   | 7,3        | Học khá, có cố gắng.               |  |
| 27                                                                                                                                    | Nguyễn Tấn Tài         | 10,0  | 10,0 | 7,0  |  |  | 7,5   | 9,3   | 8,7        | Học tốt, ngoan                     |  |
| 28                                                                                                                                    | Nguyễn Châu Thanh      | 7,0   | 5,0  | 8,0  |  |  | 6,0   | 6,0   | 6,3        | Cần cố gắng ở học kỳ 2             |  |
| 29                                                                                                                                    | Tô Sĩ Thanh            | 10,0  | 8,0  | 10,0 |  |  | 7,0   | 7,3   | 8,0        | Học tốt, ngoan                     |  |
| 30                                                                                                                                    | Phạm Thị Yến Thanh     | 8,0   | 8,0  | 10,0 |  |  | 7,8   | 8,3   | 8,3        | Học tốt, ngoan                     |  |
| 31                                                                                                                                    | Tổng Hoàng Thắng       | 8,0   | 9,0  | 8,0  |  |  | 5,0   | 5,5   | 6,4        | Cần cố gắng ở học kỳ 2             |  |
| 32                                                                                                                                    | Lê Tấn Thiện           | 10,0  | 9,0  | 10,0 |  |  | 6,3   | 7,3   | 7,9        | Học khá, có cố gắng.               |  |
| 33                                                                                                                                    | Nguyễn Thị Như Thùy    | 9,0   | 7,0  | 9,0  |  |  | 6,5   | 8,5   | 7,9        | Học khá, có cố gắng.               |  |
| 34                                                                                                                                    | Tăng Thị Anh Thư       | 10,0  | 10,0 | 8,0  |  |  | 8,0   | 9,0   | 8,9        | Học tốt, ngoan                     |  |
| 35                                                                                                                                    | Võ Thị Cẩm Tiên        | 7,0   | 7,0  | 8,0  |  |  | 6,5   | 5,0   | 6,3        | Cần cố gắng ở học kỳ 2             |  |
| 36                                                                                                                                    | Lê Thị Ngọc Tiên       | 8,0   | 9,0  | 10,0 |  |  | 7,5   | 7,5   | 8,1        | Học tốt, ngoan                     |  |
| 37                                                                                                                                    | Lê Văn Tín             | 9,0   | 7,0  | 8,0  |  |  | 6,5   | 5,0   | 6,5        | Em học khá, em cần luyện tập thêm. |  |
| 38                                                                                                                                    | Nguyễn Hoài Bảo Trần   | 10,0  | 8,0  | 9,0  |  |  | 6,8   | 7,5   | 7,9        | Học khá, có cố gắng.               |  |
| 39                                                                                                                                    | Lê Thanh Triều         | 10,0  | 8,0  | 9,0  |  |  | 7,0   | 6,8   | 7,7        | Học khá, có cố gắng.               |  |
| 40                                                                                                                                    | Lê Anh Trọng           | 8,0   | 6,0  | 8,0  |  |  | 6,8   | 5,3   | 6,4        | Cần cố gắng ở học kỳ 2             |  |
| 41                                                                                                                                    | Phạm Thế Trường        | 8,0   | 7,0  | 7,0  |  |  | 5,8   | 6,3   | 6,6        | Em học khá, em cần luyện tập thêm. |  |
| 42                                                                                                                                    | Trần Trí Tuệ           | 8,0   | 8,0  | 7,0  |  |  | 5,0   | 5,0   | 6,0        | Cần cố gắng ở học kỳ 2             |  |
| 43                                                                                                                                    | Đào Khải Vy            | 9,0   | 10,0 | 10,0 |  |  | 5,8   | 7,5   | 7,9        | Học khá, có cố gắng.               |  |
| 44                                                                                                                                    | Nguyễn Hoàng Khánh Vy  | 10,0  | 8,0  | 9,0  |  |  | 5,0   | 5,3   | 6,6        | Em học khá, em cần luyện tập thêm. |  |
| 45                                                                                                                                    | Ngô Thị Hoàng Yến      | 9,0   | 10,0 | 9,0  |  |  | 8,0   | 9,5   | 9,1        | Học tốt, chăm ngoan                |  |
| 46                                                                                                                                    | Đặng Hồng Yến          | 10,0  | 8,0  | 8,0  |  |  | 8,0   | 7,3   | 8,0        | Học tốt, ngoan                     |  |

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Trần Tấn Phương

| <div> <div>Hóa học</div> <div>HỌC KỲ I</div> <div>(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)</div> </div> |                        |       |      |     |  |  |       |       |            |                                    |  |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|-------|------|-----|--|--|-------|-------|------------|------------------------------------|--|
| STT                                                                                                                                    | Họ và tên              | ĐĐGtx |      |     |  |  | ĐĐGgk | ĐĐGck | ĐTB<br>mhk | Ghi Chú                            |  |
| 1                                                                                                                                      | Trần Nguyễn Quỳnh Anh  | 8,0   | 8,0  | 8,0 |  |  | 9,3   | 4,8   | 7,1        | Học khá. Chăm, ngoan               |  |
| 2                                                                                                                                      | Nguyễn Tuấn Anh        | 8,0   | 7,0  | 8,0 |  |  | 8,8   | 8,3   | 8,2        | Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt |  |
| 3                                                                                                                                      | Lê Gia Bảo             | 8,0   | 7,0  | 8,0 |  |  | 5,0   | 4,8   | 5,9        | Cần cố gắng ở học kỳ 2             |  |
| 4                                                                                                                                      | Phan Gia Bảo           | 8,0   | 7,0  | 8,0 |  |  | 4,5   | 5,8   | 6,2        | Cần cố gắng ở học kỳ 2             |  |
| 5                                                                                                                                      | Trương Hoài Bảo        | 8,0   | 7,0  | 8,0 |  |  | 8,8   | 7,5   | 7,9        | Học khá. Chăm, ngoan               |  |
| 6                                                                                                                                      | Bùi Nguyên Bảo         | 10,0  | 8,0  | 9,0 |  |  | 8,0   | 6,8   | 7,9        | Học khá. Chăm, ngoan               |  |
| 7                                                                                                                                      | Phạm Thanh Bảo         | 8,0   | 7,0  | 7,0 |  |  | 7,5   | 7,0   | 7,3        | Học khá. Chăm, ngoan               |  |
| 8                                                                                                                                      | Cao Ngọc Minh Châu     | 10,0  | 10,0 | 9,0 |  |  | 9,3   | 8,5   | 9,1        | Học tốt. Chăm, ngoan               |  |
| 9                                                                                                                                      | Nguyễn Thị Mỹ Duyên    | 8,0   | 8,0  | 8,0 |  |  | 7,0   | 8,5   | 7,9        | Học khá. Chăm, ngoan               |  |
| 10                                                                                                                                     | Lê Vĩ Đại              | 8,0   | 7,0  | 8,0 |  |  | 5,7   | 6,0   | 6,6        | Cần cố gắng ở học kỳ 2             |  |
| 11                                                                                                                                     | Lê Thị Hồng Hạnh       | 8,0   | 7,0  | 8,0 |  |  | 6,0   | 4,3   | 6,0        | Cần cố gắng ở học kỳ 2             |  |
| 12                                                                                                                                     | Hồ Nhật Hào            | 8,0   | 8,0  | 8,0 |  |  | 6,3   | 3,0   | 5,7        | Cần cố gắng ở học kỳ 2             |  |
| 13                                                                                                                                     | Lê Nguyễn Minh Hằng    | 8,0   | 7,0  | 8,0 |  |  | 5,0   | 5,3   | 6,1        | Cần cố gắng ở học kỳ 2             |  |
| 14                                                                                                                                     | Lê Thúy Hằng           | 8,0   | 8,0  | 8,0 |  |  | 5,0   | 3,3   | 5,5        | Cần cố gắng ở học kỳ 2             |  |
| 15                                                                                                                                     | Nguyễn Đăng Khoa       | 8,0   | 7,0  | 8,0 |  |  | 5,5   | 5,3   | 6,2        | Cần cố gắng ở học kỳ 2             |  |
| 16                                                                                                                                     | Đỗ Đình Lâm            | 8,0   | 7,0  | 8,0 |  |  | 5,0   | 5,5   | 6,2        | Cần cố gắng ở học kỳ 2             |  |
| 17                                                                                                                                     | Nguyễn Ngọc Lợi        | 8,0   | 8,0  | 8,0 |  |  | 7,0   | 5,5   | 6,8        | Cần cố gắng ở học kỳ 2             |  |
| 18                                                                                                                                     | Trần Ngọc Xuân Mai     | 8,0   | 7,0  | 8,0 |  |  | 8,3   | 8,0   | 8,0        | Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt |  |
| 19                                                                                                                                     | Nguyễn Hoàng Hồng Ngọc | 8,0   | 7,0  | 8,0 |  |  | 8,5   | 6,0   | 7,3        | Học khá. Chăm, ngoan               |  |
| 20                                                                                                                                     | Huỳnh Khánh Ngọc       | 8,0   | 8,0  | 8,0 |  |  | 8,0   | 6,3   | 7,4        | Học khá. Chăm, ngoan               |  |
| 21                                                                                                                                     | Huỳnh Thái Nguyên      | 8,0   | 7,0  | 8,0 |  |  | 5,8   | 4,0   | 5,8        | Cần cố gắng ở học kỳ 2             |  |
| 22                                                                                                                                     | Nguyễn Thị Cẩm Nhung   | 8,0   | 7,0  | 8,0 |  |  | 6,0   | 6,0   | 6,6        | Cần cố gắng ở học kỳ 2             |  |
| 23                                                                                                                                     | Đinh Thị Quỳnh Như     | 8,0   | 8,0  | 8,0 |  |  | 7,3   | 6,8   | 7,4        | Học khá. Chăm, ngoan               |  |
| 24                                                                                                                                     | Ngô Hoàng Phúc         | 8,0   | 8,0  | 8,0 |  |  | 8,5   | 5,5   | 7,2        | Học khá. Chăm, ngoan               |  |
| 25                                                                                                                                     | Phan Hoàng Phúc        | 8,0   | 9,0  | 9,0 |  |  | 9,0   | 8,8   | 8,8        | Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt |  |
| 26                                                                                                                                     | Nguyễn Trung Sang      | 8,0   | 7,0  | 8,0 |  |  | 5,0   | 4,5   | 5,8        | Cần cố gắng ở học kỳ 2             |  |
| 27                                                                                                                                     | Nguyễn Tấn Tài         | 8,0   | 8,0  | 8,0 |  |  | 8,5   | 8,8   | 8,4        | Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt |  |
| 28                                                                                                                                     | Nguyễn Châu Thanh      | 8,0   | 7,0  | 8,0 |  |  | 7,3   | 6,0   | 7,0        | Học khá. Chăm, ngoan               |  |
| 29                                                                                                                                     | Tô Sĩ Thanh            | 8,0   | 8,0  | 8,0 |  |  | 8,5   | 7,0   | 7,8        | Học khá. Chăm, ngoan               |  |
| 30                                                                                                                                     | Phạm Thị Yến Thanh     | 8,0   | 7,0  | 8,0 |  |  | 8,8   | 8,8   | 8,4        | Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt |  |
| 31                                                                                                                                     | Tổng Hoàng Thắng       | 8,0   | 7,0  | 8,0 |  |  | 8,3   | 5,5   | 7,0        | Học khá. Chăm, ngoan               |  |
| 32                                                                                                                                     | Lê Tấn Thiện           | 8,0   | 7,0  | 8,0 |  |  | 9,5   | 8,3   | 8,4        | Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt |  |
| 33                                                                                                                                     | Nguyễn Thị Như Thùy    | 9,0   | 9,0  | 9,0 |  |  | 8,5   | 7,3   | 8,2        | Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt |  |
| 34                                                                                                                                     | Tăng Thị Anh Thư       | 8,0   | 7,0  | 8,0 |  |  | 9,0   | 8,0   | 8,1        | Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt |  |
| 35                                                                                                                                     | Võ Thị Cẩm Tiên        | 8,0   | 8,0  | 8,0 |  |  | 5,0   | 4,8   | 6,1        | Cần cố gắng ở học kỳ 2             |  |
| 36                                                                                                                                     | Lê Thị Ngọc Tiên       | 8,0   | 7,0  | 8,0 |  |  | 9,8   | 10,0  | 9,1        | Học tốt. Chăm, ngoan               |  |
| 37                                                                                                                                     | Lê Văn Tín             | 8,0   | 7,0  | 8,0 |  |  | 8,5   | 7,3   | 7,7        | Học khá. Chăm, ngoan               |  |
| 38                                                                                                                                     | Nguyễn Hoài Bảo Trân   | 8,0   | 8,0  | 8,0 |  |  | 8,8   | 5,8   | 7,4        | Học khá. Chăm, ngoan               |  |
| 39                                                                                                                                     | Lê Thanh Triều         | 8,0   | 7,0  | 9,0 |  |  | 8,5   | 9,0   | 8,5        | Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt |  |
| 40                                                                                                                                     | Lê Anh Trọng           | 8,0   | 7,0  | 8,0 |  |  | 8,0   | 3,8   | 6,3        | Cần cố gắng ở học kỳ 2             |  |
| 41                                                                                                                                     | Phạm Thế Trường        | 8,0   | 7,0  | 8,0 |  |  | 5,0   | 4,8   | 5,9        | Cần cố gắng ở học kỳ 2             |  |
| 42                                                                                                                                     | Trần Trí Tuệ           | 8,0   | 7,0  | 8,0 |  |  | 7,0   | 3,0   | 5,8        | Cần cố gắng ở học kỳ 2             |  |
| 43                                                                                                                                     | Đào Khải Vy            | 8,0   | 8,0  | 8,0 |  |  | 6,5   | 7,8   | 7,6        | Học khá. Chăm, ngoan               |  |
| 44                                                                                                                                     | Nguyễn Hoàng Khánh Vy  | 8,0   | 8,0  | 8,0 |  |  | 8,3   | 4,5   | 6,8        | Cần cố gắng ở học kỳ 2             |  |
| 45                                                                                                                                     | Ngô Thị Hoàng Yến      | 8,0   | 8,0  | 8,0 |  |  | 8,5   | 9,3   | 8,6        | Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt |  |
| 46                                                                                                                                     | Đặng Hồng Yến          | 9,0   | 7,0  | 9,0 |  |  | 8,5   | 7,8   | 8,2        | Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt |  |

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ung Nguyễn Thị Thùy Dương

| HỌC KỲ I                                                                |                        |       |     |      |      |  |       |       |            |                                   |  |
|-------------------------------------------------------------------------|------------------------|-------|-----|------|------|--|-------|-------|------------|-----------------------------------|--|
| Ngữ văn                                                                 |                        |       |     |      |      |  |       |       |            |                                   |  |
| (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số) |                        |       |     |      |      |  |       |       |            |                                   |  |
| STT                                                                     | Họ và tên              | ĐĐGtx |     |      |      |  | ĐĐGgk | ĐĐGck | ĐTB<br>mhk | Ghi Chú                           |  |
| 1                                                                       | Trần Nguyễn Quỳnh Anh  | 6,0   | 6,0 | 6,0  | 9,0  |  | 5,0   | 4,5   | 5,6        | Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ |  |
| 2                                                                       | Nguyễn Tuấn Anh        | 7,0   | 8,0 | 9,0  | 7,0  |  | 5,0   | 5,5   | 6,4        | Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ |  |
| 3                                                                       | Lê Gia Bảo             | 7,0   | 8,0 | 9,0  | 7,0  |  | 7,5   | 6,0   | 7,1        | Học khá                           |  |
| 4                                                                       | Phan Gia Bảo           | 7,0   | 6,0 | 7,0  | 7,0  |  | 6,0   | 6,5   | 6,5        | Học khá                           |  |
| 5                                                                       | Trương Hoài Bảo        | 8,0   | 7,0 | 8,0  | 9,0  |  | 4,0   | 5,5   | 6,3        | Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ |  |
| 6                                                                       | Bùi Nguyên Bảo         | 8,0   | 9,0 | 8,0  | 7,0  |  | 6,5   | 6,5   | 7,2        | Học khá                           |  |
| 7                                                                       | Phạm Thanh Bảo         | 8,0   | 7,0 | 8,0  | 7,0  |  | 5,5   | 6,5   | 6,7        | Học khá                           |  |
| 8                                                                       | Cao Ngọc Minh Châu     | 8,0   | 8,0 | 9,0  | 7,0  |  | 6,0   | 6,0   | 6,9        | Học khá                           |  |
| 9                                                                       | Nguyễn Thị Mỹ Duyên    | 6,0   | 8,0 | 9,0  | 7,0  |  | 6,0   | 5,0   | 6,3        | Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ |  |
| 10                                                                      | Lê Vi Đại              | 5,0   | 5,0 | 4,0  | 5,0  |  | 5,5   | 5,5   | 5,2        | Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ |  |
| 11                                                                      | Lê Thị Hồng Hạnh       | 4,0   | 7,0 | 6,0  | 6,0  |  | 4,5   | 5,0   | 5,2        | Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ |  |
| 12                                                                      | Hồ Nhật Hào            | 5,0   | 6,0 | 6,0  | 5,0  |  | 5,5   | 4,5   | 5,2        | Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ |  |
| 13                                                                      | Lê Nguyễn Minh Hằng    | 6,0   | 7,0 | 8,0  | 8,0  |  | 6,0   | 6,0   | 6,6        | Học khá                           |  |
| 14                                                                      | Lê Thủy Hằng           | 4,0   | 7,0 | 5,0  | 5,0  |  | 5,5   | 5,5   | 5,4        | Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ |  |
| 15                                                                      | Nguyễn Đăng Khoa       | 6,0   | 6,0 | 8,0  | 7,0  |  | 5,0   | 6,5   | 6,3        | Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ |  |
| 16                                                                      | Đỗ Đình Lâm            | 4,0   | 5,0 | 5,0  | 6,0  |  | 7,0   | 5,5   | 5,6        | Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ |  |
| 17                                                                      | Nguyễn Ngọc Lợi        | 6,0   | 7,0 | 7,0  | 6,0  |  | 5,5   | 5,5   | 5,9        | Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ |  |
| 18                                                                      | Trần Ngọc Xuân Mai     | 6,0   | 7,0 | 6,0  | 6,0  |  | 5,0   | 5,0   | 5,6        | Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ |  |
| 19                                                                      | Nguyễn Hoàng Hồng Ngọc | 6,0   | 7,0 | 9,0  | 7,0  |  | 7,0   | 8,0   | 7,4        | Học khá                           |  |
| 20                                                                      | Huỳnh Khánh Ngọc       | 6,0   | 8,0 | 8,0  | 7,0  |  | 6,0   | 5,5   | 6,4        | Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ |  |
| 21                                                                      | Huỳnh Thái Nguyên      | 6,0   | 7,0 | 7,0  | 7,0  |  | 4,5   | 5,5   | 5,8        | Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ |  |
| 22                                                                      | Nguyễn Thị Cẩm Nhung   | 6,0   | 8,0 | 10,0 | 8,0  |  | 5,0   | 6,0   | 6,7        | Học khá                           |  |
| 23                                                                      | Đinh Thị Quỳnh Như     | 5,0   | 6,0 | 5,0  | 7,0  |  | 5,0   | 4,0   | 5,0        | Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ |  |
| 24                                                                      | Ngô Hoàng Phúc         | 8,0   | 8,0 | 8,0  | 7,0  |  | 7,0   | 6,5   | 7,2        | Học khá                           |  |
| 25                                                                      | Phan Hoàng Phúc        | 9,0   | 8,0 | 7,0  | 7,0  |  | 6,0   | 5,5   | 6,6        | Học khá                           |  |
| 26                                                                      | Nguyễn Trung Sang      | 6,0   | 7,0 | 7,0  | 8,0  |  | 4,0   | 4,5   | 5,5        | Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ |  |
| 27                                                                      | Nguyễn Tấn Tài         | 7,0   | 8,0 | 8,0  | 10,0 |  | 7,0   | 7,0   | 7,6        | Học khá                           |  |
| 28                                                                      | Nguyễn Châu Thanh      | 6,0   | 8,0 | 7,0  | 8,0  |  | 6,5   | 6,0   | 6,7        | Học khá                           |  |
| 29                                                                      | Tô Sĩ Thanh            | 6,0   | 8,0 | 7,0  | 6,0  |  | 5,5   | 5,0   | 5,9        | Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ |  |
| 30                                                                      | Phạm Thị Yến Thanh     | 7,0   | 8,0 | 9,0  | 8,0  |  | 6,5   | 5,5   | 6,8        | Học khá                           |  |
| 31                                                                      | Tổng Hoàng Thắng       | 5,0   | 4,0 | 6,0  | 6,0  |  | 6,0   | 6,0   | 5,7        | Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ |  |
| 32                                                                      | Lê Tấn Thiện           | 8,0   | 8,0 | 9,0  | 9,0  |  | 7,0   | 7,0   | 7,7        | Học khá                           |  |
| 33                                                                      | Nguyễn Thị Như Thùy    | 8,0   | 8,0 | 8,0  | 9,0  |  | 4,0   | 5,5   | 6,4        | Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ |  |
| 34                                                                      | Tăng Thị Anh Thư       | 7,0   | 8,0 | 7,0  | 7,0  |  | 6,0   | 6,0   | 6,6        | Học khá                           |  |
| 35                                                                      | Võ Thị Cẩm Tiên        | 6,0   | 8,0 | 8,0  | 8,0  |  | 6,0   | 5,0   | 6,3        | Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ |  |
| 36                                                                      | Lê Thị Ngọc Tiên       | 6,0   | 8,0 | 7,0  | 7,0  |  | 5,5   | 6,0   | 6,3        | Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ |  |
| 37                                                                      | Lê Văn Tín             | 7,0   | 8,0 | 9,0  | 8,0  |  | 6,5   | 6,0   | 7,0        | Học khá                           |  |
| 38                                                                      | Nguyễn Hoài Bảo Trân   | 8,0   | 8,0 | 9,0  | 9,0  |  | 6,0   | 6,0   | 7,1        | Học khá                           |  |
| 39                                                                      | Lê Thanh Triều         | 6,0   | 6,0 | 9,0  | 6,0  |  | 6,0   | 5,5   | 6,2        | Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ |  |
| 40                                                                      | Lê Anh Trọng           | 7,0   | 8,0 | 5,0  | 5,0  |  | 4,5   | 4,0   | 5,1        | Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ |  |
| 41                                                                      | Phạm Thế Trường        | 7,0   | 7,0 | 7,0  | 7,0  |  | 5,0   | 4,5   | 5,7        | Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ |  |
| 42                                                                      | Trần Trí Tuệ           | 7,0   | 7,0 | 8,0  | 8,0  |  | 3,0   | 4,0   | 5,3        | Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ |  |
| 43                                                                      | Đào Khải Vy            | 6,0   | 8,0 | 8,0  | 9,0  |  | 7,0   | 7,0   | 7,3        | Học khá                           |  |
| 44                                                                      | Nguyễn Hoàng Khánh Vy  | 6,0   | 8,0 | 7,0  | 8,0  |  | 6,0   | 7,0   | 6,9        | Học khá                           |  |
| 45                                                                      | Ngô Thị Hoàng Yến      | 8,0   | 8,0 | 9,0  | 9,0  |  | 6,0   | 7,0   | 7,4        | Học khá                           |  |
| 46                                                                      | Đặng Hồng Yến          | 8,0   | 8,0 | 9,0  | 10,0 |  | 7,0   | 7,5   | 7,9        | Học khá                           |  |

**Giáo viên môn học**  
*(Ký và ghi rõ họ tên)*

**Nguyễn Thị Hồng Vân**

| <div> <div>HỌC KỲ I</div> <div> <div>Lịch sử</div> <div>(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)</div> </div> </div> |                        |       |      |      |  |  |       |       |             |                    |  |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|-------|------|------|--|--|-------|-------|-------------|--------------------|--|
| STT                                                                                                                                                 | Họ và tên              | ĐĐGtx |      |      |  |  | ĐĐGgk | ĐĐGck | ĐTB<br>mhhk | Ghi Chú            |  |
| 1                                                                                                                                                   | Trần Nguyễn Quỳnh Anh  | 8,0   | 10,0 | 8,0  |  |  | 7,0   | 9,0   | 8,4         | Học tốt chăm ngoan |  |
| 2                                                                                                                                                   | Nguyễn Tuấn Anh        | 9,0   | 8,0  | 1,0  |  |  | 4,3   | 6,8   | 5,9         | Cần cố gắng        |  |
| 3                                                                                                                                                   | Lê Gia Bảo             | 9,0   | 10,0 | 9,0  |  |  | 8,5   | 8,5   | 8,8         | Học tốt chăm ngoan |  |
| 4                                                                                                                                                   | Phan Gia Bảo           | 8,0   | 9,0  | 1,0  |  |  | 6,5   | 9,0   | 7,3         | Học khá            |  |
| 5                                                                                                                                                   | Trương Hoài Bảo        | 8,0   | 9,0  | 9,0  |  |  | 8,8   | 9,0   | 8,8         | Học tốt chăm ngoan |  |
| 6                                                                                                                                                   | Bùi Nguyên Bảo         | 9,0   | 10,0 | 10,0 |  |  | 9,0   | 9,0   | 9,3         | Học tốt chăm ngoan |  |
| 7                                                                                                                                                   | Phạm Thanh Bảo         | 9,0   | 9,0  | 9,0  |  |  | 8,5   | 8,5   | 8,7         | Học tốt chăm ngoan |  |
| 8                                                                                                                                                   | Cao Ngọc Minh Châu     | 9,0   | 10,0 | 9,0  |  |  | 8,3   | 8,0   | 8,6         | Học tốt chăm ngoan |  |
| 9                                                                                                                                                   | Nguyễn Thị Mỹ Duyên    | 8,0   | 9,0  | 9,0  |  |  | 8,3   | 9,0   | 8,7         | Học tốt chăm ngoan |  |
| 10                                                                                                                                                  | Lê Vi Đại              | 8,0   | 1,0  | 8,0  |  |  | 7,5   | 9,0   | 7,4         | Học khá            |  |
| 11                                                                                                                                                  | Lê Thị Hồng Hạnh       | 8,0   | 9,0  | 9,0  |  |  | 6,3   | 3,5   | 6,1         | Cần cố gắng        |  |
| 12                                                                                                                                                  | Hồ Nhật Hào            | 8,0   | 1,0  | 8,0  |  |  | 1,8   | 9,0   | 6,0         | Cần cố gắng        |  |
| 13                                                                                                                                                  | Lê Nguyễn Minh Hằng    | 9,0   | 9,0  | 1,0  |  |  | 5,8   | 3,0   | 5,0         | Cần cố gắng        |  |
| 14                                                                                                                                                  | Lê Thúy Hằng           | 9,0   | 8,0  | 1,0  |  |  | 6,8   | 3,5   | 5,3         | Cần cố gắng        |  |
| 15                                                                                                                                                  | Nguyễn Đăng Khoa       | 9,0   | 9,0  | 1,0  |  |  | 6,8   | 9,0   | 7,5         | Học khá            |  |
| 16                                                                                                                                                  | Đỗ Đình Lâm            | 8,0   | 8,0  | 9,0  |  |  | 7,5   | 9,0   | 8,4         | Học tốt chăm ngoan |  |
| 17                                                                                                                                                  | Nguyễn Ngọc Lợi        | 9,0   | 9,0  | 9,0  |  |  | 6,3   | 8,5   | 8,1         | Học tốt chăm ngoan |  |
| 18                                                                                                                                                  | Trần Ngọc Xuân Mai     | 8,0   | 1,0  | 8,0  |  |  | 3,0   | 10,0  | 6,6         | Cần cố gắng        |  |
| 19                                                                                                                                                  | Nguyễn Hoàng Hồng Ngọc | 8,0   | 10,0 | 8,0  |  |  | 8,0   | 8,0   | 8,3         | Học tốt chăm ngoan |  |
| 20                                                                                                                                                  | Huỳnh Khánh Ngọc       | 9,0   | 1,0  | 9,0  |  |  | 9,0   | 8,5   | 7,8         | Học khá            |  |
| 21                                                                                                                                                  | Huỳnh Thái Nguyên      | 9,0   | 8,0  | 9,0  |  |  | 4,5   | 8,5   | 7,6         | Học khá            |  |
| 22                                                                                                                                                  | Nguyễn Thị Cẩm Nhung   | 9,0   | 10,0 | 9,0  |  |  | 9,0   | 8,5   | 8,9         | Học tốt chăm ngoan |  |
| 23                                                                                                                                                  | Đinh Thị Quỳnh Như     | 8,0   | 9,0  | 8,0  |  |  | 6,5   | 10,0  | 8,5         | Học tốt chăm ngoan |  |
| 24                                                                                                                                                  | Ngô Hoàng Phúc         | 8,0   | 8,0  | 9,0  |  |  | 6,5   | 9,0   | 8,1         | Học tốt chăm ngoan |  |
| 25                                                                                                                                                  | Phan Hoàng Phúc        | 9,0   | 8,0  | 9,0  |  |  | 7,8   | 8,0   | 8,2         | Học tốt chăm ngoan |  |
| 26                                                                                                                                                  | Nguyễn Trung Sang      | 8,0   | 9,0  | 1,0  |  |  | 7,5   | 8,0   | 7,1         | Học khá            |  |
| 27                                                                                                                                                  | Nguyễn Tấn Tài         | 8,0   | 10,0 | 9,0  |  |  | 7,5   | 8,0   | 8,3         | Học tốt chăm ngoan |  |
| 28                                                                                                                                                  | Nguyễn Châu Thanh      | 9,0   | 10,0 | 9,0  |  |  | 9,5   | 8,5   | 9,1         | Học tốt chăm ngoan |  |
| 29                                                                                                                                                  | Tô Sĩ Thanh            | 9,0   | 9,0  | 9,0  |  |  | 7,5   | 8,0   | 8,3         | Học tốt chăm ngoan |  |
| 30                                                                                                                                                  | Phạm Thị Yến Thanh     | 8,0   | 10,0 | 8,0  |  |  | 8,8   | 10,0  | 9,2         | Học tốt chăm ngoan |  |
| 31                                                                                                                                                  | Tổng Hoàng Thắng       | 8,0   | 8,0  | 9,0  |  |  | 6,0   | 9,0   | 8,0         | Học tốt chăm ngoan |  |
| 32                                                                                                                                                  | Lê Tấn Thiện           | 8,0   | 9,0  | 9,0  |  |  | 9,0   | 9,0   | 8,9         | Học tốt chăm ngoan |  |
| 33                                                                                                                                                  | Nguyễn Thị Như Thùy    | 9,0   | 10,0 | 9,0  |  |  | 8,5   | 8,0   | 8,6         | Học tốt chăm ngoan |  |
| 34                                                                                                                                                  | Tăng Thị Anh Thư       | 8,0   | 9,0  | 8,0  |  |  | 8,3   | 10,0  | 9,0         | Học tốt chăm ngoan |  |
| 35                                                                                                                                                  | Võ Thị Cẩm Tiên        | 9,0   | 10,0 | 9,0  |  |  | 8,0   | 8,0   | 8,5         | Học tốt chăm ngoan |  |
| 36                                                                                                                                                  | Lê Thị Ngọc Tiên       | 8,0   | 10,0 | 8,0  |  |  | 6,5   | 9,0   | 8,3         | Học tốt chăm ngoan |  |
| 37                                                                                                                                                  | Lê Văn Tín             | 9,0   | 9,0  | 10,0 |  |  | 9,5   | 8,5   | 9,1         | Học tốt chăm ngoan |  |
| 38                                                                                                                                                  | Nguyễn Hoài Bảo Trần   | 9,0   | 10,0 | 8,0  |  |  | 8,8   | 8,0   | 8,6         | Học tốt chăm ngoan |  |
| 39                                                                                                                                                  | Lê Thanh Triều         | 8,0   | 7,0  | 1,0  |  |  | 7,8   | 8,5   | 7,1         | Học khá            |  |
| 40                                                                                                                                                  | Lê Anh Trọng           | 9,0   | 8,0  | 9,0  |  |  | 7,3   | 8,5   | 8,3         | Học tốt chăm ngoan |  |
| 41                                                                                                                                                  | Phạm Thế Trường        | 9,0   | 9,0  | 9,0  |  |  | 8,3   | 8,5   | 8,6         | Học tốt chăm ngoan |  |
| 42                                                                                                                                                  | Trần Trí Tuệ           | 9,0   | 10,0 | 1,0  |  |  | 6,8   | 9,0   | 7,6         | Học khá            |  |
| 43                                                                                                                                                  | Đào Khải Vy            | 8,0   | 9,0  | 9,0  |  |  | 8,0   | 9,0   | 8,6         | Học tốt chăm ngoan |  |
| 44                                                                                                                                                  | Nguyễn Hoàng Khánh Vy  | 9,0   | 9,0  | 9,0  |  |  | 7,5   | 8,0   | 8,3         | Học tốt chăm ngoan |  |
| 45                                                                                                                                                  | Ngô Thị Hoàng Yến      | 8,0   | 10,0 | 8,0  |  |  | 7,5   | 10,0  | 8,9         | Học tốt chăm ngoan |  |
| 46                                                                                                                                                  | Đặng Hồng Yến          | 8,0   | 10,0 | 8,0  |  |  | 6,8   | 10,0  | 8,7         | Học tốt chăm ngoan |  |

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Phạm Thị Ngọc Diệu

| <div> <div>Địa Lý</div> <div>HỌC KỲ I</div> <div>(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)</div> </div> |                        |       |     |      |      |  |       |       |            |                                      |  |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|-------|-----|------|------|--|-------|-------|------------|--------------------------------------|--|
| STT                                                                                                                                   | Họ và tên              | ĐĐGtx |     |      |      |  | ĐĐGgk | ĐĐGck | ĐTB<br>mhk | Ghi Chú                              |  |
| 1                                                                                                                                     | Trần Nguyễn Quỳnh Anh  | 5,0   | 7,0 | 7,0  | 10,0 |  | 5,0   | 7,5   | 6,8        | Sức học có, cần phải cố gắng hơn nữa |  |
| 2                                                                                                                                     | Nguyễn Tuấn Anh        | 7,0   | 9,0 | 6,0  | 9,0  |  | 7,5   | 7,5   | 7,6        | Chăm ngoan, học khá                  |  |
| 3                                                                                                                                     | Lê Gia Bảo             | 7,0   | 7,0 | 6,0  | 7,0  |  | 6,0   | 4,5   | 5,8        | Sức học có, cần phải cố gắng hơn nữa |  |
| 4                                                                                                                                     | Phan Gia Bảo           | 8,0   | 7,0 | 2,0  | 4,0  |  | 3,5   | 6,0   | 5,1        | Sức học có, cần phải cố gắng hơn nữa |  |
| 5                                                                                                                                     | Trương Hoài Bảo        | 10,0  | 7,0 | 10,0 | 8,0  |  | 6,0   | 7,5   | 7,7        | Chăm ngoan, học khá                  |  |
| 6                                                                                                                                     | Bùi Nguyên Bảo         | 8,0   | 9,0 | 6,0  | 8,0  |  | 7,5   | 7,5   | 7,6        | Chăm ngoan, học khá                  |  |
| 7                                                                                                                                     | Phạm Thanh Bảo         | 8,0   | 7,0 | 6,0  | 8,0  |  | 7,5   | 6,5   | 7,1        | Chăm ngoan, học khá                  |  |
| 8                                                                                                                                     | Cao Ngọc Minh Châu     | 9,0   | 7,0 | 10,0 | 9,0  |  | 6,0   | 6,0   | 7,2        | Chăm ngoan, học khá                  |  |
| 9                                                                                                                                     | Nguyễn Thị Mỹ Duyên    | 8,0   | 7,0 | 7,0  | 7,0  |  | 5,5   | 6,5   | 6,6        | Sức học có, cần phải cố gắng hơn nữa |  |
| 10                                                                                                                                    | Lê Vĩ Đại              | 5,0   | 7,0 | 6,0  | 4,0  |  | 5,5   | 8,0   | 6,3        | Sức học có, cần phải cố gắng hơn nữa |  |
| 11                                                                                                                                    | Lê Thị Hồng Hạnh       | 3,0   | 7,0 | 9,0  | 10,0 |  | 4,0   | 3,5   | 5,3        | Sức học có, cần phải cố gắng hơn nữa |  |
| 12                                                                                                                                    | Hồ Nhật Hào            | 2,0   | 7,0 | 5,0  | 4,0  |  | 4,0   | 4,5   | 4,4        | Sức học có, cần phải cố gắng hơn nữa |  |
| 13                                                                                                                                    | Lê Nguyễn Minh Hằng    | 4,0   | 7,0 | 7,0  | 10,0 |  | 3,5   | 5,0   | 5,6        | Sức học có, cần phải cố gắng hơn nữa |  |
| 14                                                                                                                                    | Lê Thủy Hằng           | 4,0   | 7,0 | 7,0  | 8,0  |  | 4,0   | 5,0   | 5,4        | Sức học có, cần phải cố gắng hơn nữa |  |
| 15                                                                                                                                    | Nguyễn Đăng Khoa       | 6,0   | 5,0 | 5,0  | 5,0  |  | 4,5   | 6,0   | 5,3        | Sức học có, cần phải cố gắng hơn nữa |  |
| 16                                                                                                                                    | Đỗ Đình Lâm            | 5,0   | 6,0 | 3,0  | 6,0  |  | 2,5   | 4,0   | 4,1        | Sức học có, cần phải cố gắng hơn nữa |  |
| 17                                                                                                                                    | Nguyễn Ngọc Lợi        | 6,0   | 6,0 | 5,0  | 9,0  |  | 4,5   | 6,0   | 5,9        | Sức học có, cần phải cố gắng hơn nữa |  |
| 18                                                                                                                                    | Trần Ngọc Xuân Mai     | 5,0   | 7,0 | 7,0  | 7,0  |  | 6,5   | 5,0   | 6,0        | Sức học có, cần phải cố gắng hơn nữa |  |
| 19                                                                                                                                    | Nguyễn Hoàng Hồng Ngọc | 8,0   | 7,0 | 5,0  | 7,0  |  | 7,0   | 7,0   | 6,9        | Sức học có, cần phải cố gắng hơn nữa |  |
| 20                                                                                                                                    | Huỳnh Khánh Ngọc       | 6,0   | 7,0 | 8,0  | 7,0  |  | 5,5   | 7,0   | 6,7        | Sức học có, cần phải cố gắng hơn nữa |  |
| 21                                                                                                                                    | Huỳnh Thái Nguyên      | 9,0   | 7,0 | 9,0  | 8,0  |  | 5,0   | 6,0   | 6,8        | Sức học có, cần phải cố gắng hơn nữa |  |
| 22                                                                                                                                    | Nguyễn Thị Cẩm Nhung   | 8,0   | 7,0 | 8,0  | 10,0 |  | 4,0   | 6,0   | 6,6        | Sức học có, cần phải cố gắng hơn nữa |  |
| 23                                                                                                                                    | Đinh Thị Quỳnh Như     | 10,0  | 7,0 | 10,0 | 5,0  |  | 4,0   | 5,0   | 6,1        | Sức học có, cần phải cố gắng hơn nữa |  |
| 24                                                                                                                                    | Ngô Hoàng Phúc         | 9,0   | 8,0 | 9,0  | 8,0  |  | 9,0   | 7,0   | 8,1        | Chăm ngoan, học giỏi                 |  |
| 25                                                                                                                                    | Phan Hoàng Phúc        | 7,0   | 7,0 | 5,0  | 7,0  |  | 5,5   | 7,0   | 6,4        | Sức học có, cần phải cố gắng hơn nữa |  |
| 26                                                                                                                                    | Nguyễn Trung Sang      | 8,0   | 7,0 | 6,0  | 8,0  |  | 8,0   | 7,5   | 7,5        | Sức học có, cần phải cố gắng hơn nữa |  |
| 27                                                                                                                                    | Nguyễn Tấn Tài         | 9,0   | 7,0 | 10,0 | 8,0  |  | 7,5   | 8,5   | 8,3        | Chăm ngoan, học giỏi                 |  |
| 28                                                                                                                                    | Nguyễn Châu Thanh      | 7,0   | 7,0 | 6,0  | 10,0 |  | 5,0   | 8,0   | 7,1        | Sức học có, cần phải cố gắng hơn nữa |  |
| 29                                                                                                                                    | Tô Sĩ Thanh            | 6,0   | 8,0 | 5,0  | 8,0  |  | 3,5   | 6,0   | 5,8        | Sức học có, cần phải cố gắng hơn nữa |  |
| 30                                                                                                                                    | Phạm Thị Yến Thanh     | 8,0   | 7,0 | 7,0  | 10,0 |  | 5,5   | 7,0   | 7,1        | Chăm ngoan, học khá                  |  |
| 31                                                                                                                                    | Tổng Hoàng Thắng       | 4,0   | 6,0 | 3,0  | 5,0  |  | 5,0   | 5,5   | 4,9        | Sức học có, cần phải cố gắng hơn nữa |  |
| 32                                                                                                                                    | Lê Tấn Thiện           | 8,0   | 7,0 | 10,0 | 8,0  |  | 7,0   | 9,5   | 8,4        | Chăm ngoan, học giỏi                 |  |
| 33                                                                                                                                    | Nguyễn Thị Như Thùy    | 9,0   | 7,0 | 10,0 | 10,0 |  | 7,0   | 5,5   | 7,4        | Chăm ngoan, học khá                  |  |
| 34                                                                                                                                    | Tăng Thị Anh Thư       | 10,0  | 7,0 | 7,0  | 10,0 |  | 10,0  | 5,5   | 7,8        | Chăm ngoan, học khá                  |  |
| 35                                                                                                                                    | Võ Thị Cẩm Tiên        | 7,0   | 7,0 | 10,0 | 9,0  |  | 4,5   | 6,5   | 6,8        | Sức học có, cần phải cố gắng hơn nữa |  |
| 36                                                                                                                                    | Lê Thị Ngọc Tiên       | 9,0   | 7,0 | 7,0  | 10,0 |  | 5,0   | 7,5   | 7,3        | Chăm ngoan, học khá                  |  |
| 37                                                                                                                                    | Lê Văn Tín             | 10,0  | 7,0 | 9,0  | 10,0 |  | 7,5   | 6,0   | 7,7        | Chăm ngoan, học khá                  |  |
| 38                                                                                                                                    | Nguyễn Hoài Bảo Trân   | 8,0   | 7,0 | 9,0  | 10,0 |  | 5,5   | 7,0   | 7,3        | Chăm ngoan, học khá                  |  |
| 39                                                                                                                                    | Lê Thanh Triều         | 5,0   | 7,0 | 2,0  | 6,0  |  | 7,0   | 8,5   | 6,6        | Sức học có, cần phải cố gắng hơn nữa |  |
| 40                                                                                                                                    | Lê Anh Trọng           | 6,0   | 6,0 | 5,0  | 8,0  |  | 4,0   | 5,5   | 5,5        | Sức học có, cần phải cố gắng hơn nữa |  |
| 41                                                                                                                                    | Phạm Thế Trường        | 4,0   | 7,0 | 6,0  | 6,0  |  | 5,5   | 5,5   | 5,6        | Sức học có, cần phải cố gắng hơn nữa |  |
| 42                                                                                                                                    | Trần Trí Tuệ           | 8,0   | 5,0 | 5,0  | 10,0 |  | 5,0   | 5,0   | 5,9        | Sức học có, cần phải cố gắng hơn nữa |  |
| 43                                                                                                                                    | Đào Khải Vy            | 8,0   | 7,0 | 9,0  | 10,0 |  | 7,0   | 5,0   | 7,0        | Chăm ngoan, học khá                  |  |
| 44                                                                                                                                    | Nguyễn Hoàng Khánh Vy  | 9,0   | 7,0 | 10,0 | 10,0 |  | 4,5   | 7,0   | 7,3        | Chăm ngoan, học khá                  |  |
| 45                                                                                                                                    | Ngô Thị Hoàng Yến      | 10,0  | 7,0 | 4,0  | 10,0 |  | 6,5   | 5,0   | 6,6        | Sức học có, cần phải cố gắng hơn nữa |  |
| 46                                                                                                                                    | Đặng Hồng Yến          | 10,0  | 7,0 | 7,0  | 9,0  |  | 6,5   | 7,0   | 7,4        | Chăm ngoan, học khá                  |  |

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Văn Hiện

| HỌC KỲ I                                                                            |                        |       |      |     |     |  |       |       |            |                                           |  |
|-------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|-------|------|-----|-----|--|-------|-------|------------|-------------------------------------------|--|
| Ngoại ngữ 1 (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số) |                        |       |      |     |     |  |       |       |            |                                           |  |
| STT                                                                                 | Họ và tên              | ĐDGtx |      |     |     |  | ĐDGgk | ĐDGck | ĐTB<br>mhk | Ghi Chú                                   |  |
| 1                                                                                   | Trần Nguyễn Quỳnh Anh  | 8,0   | 7,0  | 9,0 | 6,0 |  | 7,8   | 5,6   | 6,9        | Học khá, cần cố gắng hơn.                 |  |
| 2                                                                                   | Nguyễn Tuấn Anh        | 7,0   | 8,0  | 6,0 | 3,0 |  | 5,3   | 5,3   | 5,6        | Học được, cần cố gắng hơn.                |  |
| 3                                                                                   | Lê Gia Bảo             | 10,0  | 6,0  | 6,0 | 2,0 |  | 6,0   | 8,0   | 6,7        | Học khá, cần cố gắng hơn.                 |  |
| 4                                                                                   | Phan Gia Bảo           | 7,0   | 5,0  | 6,0 | 5,0 |  | 2,8   | 5,5   | 5,0        | Cần cố gắng học nhiều hơn trong học kì 2. |  |
| 5                                                                                   | Trương Hoài Bảo        | 10,0  | 8,5  | 9,0 | 8,5 |  | 8,0   | 6,8   | 8,0        | Học tốt, tích cực phát biểu.              |  |
| 6                                                                                   | Bùi Nguyên Bảo         | 8,0   | 6,0  | 6,0 | 5,0 |  | 5,3   | 5,6   | 5,8        | Học được, cần cố gắng hơn.                |  |
| 7                                                                                   | Phạm Thanh Bảo         | 10,0  | 6,5  | 6,0 | 2,0 |  | 6,3   | 7,0   | 6,5        | Học khá, cần cố gắng hơn.                 |  |
| 8                                                                                   | Cao Ngọc Minh Châu     | 10,0  | 8,0  | 9,0 | 8,5 |  | 8,8   | 6,2   | 8,0        | Học tốt, tích cực phát biểu.              |  |
| 9                                                                                   | Nguyễn Thị Mỹ Duyên    | 10,0  | 6,0  | 9,0 | 7,0 |  | 8,5   | 5,8   | 7,4        | Học khá.                                  |  |
| 10                                                                                  | Lê Vĩ Đại              | 5,0   | 6,0  | 7,0 | 5,5 |  | 4,3   | 5,6   | 5,4        | Cần cố gắng hơn trong học kì 2.           |  |
| 11                                                                                  | Lê Thị Hồng Hạnh       | 6,0   | 4,0  | 8,0 | 5,5 |  | 6,3   | 4,4   | 5,5        | Cần cố gắng hơn trong học kì 2.           |  |
| 12                                                                                  | Hồ Nhật Hào            | 5,0   | 7,0  | 7,0 | 6,0 |  | 3,3   | 5,1   | 5,2        | Cần cố gắng hơn trong học kì 2.           |  |
| 13                                                                                  | Lê Nguyễn Minh Hằng    | 3,0   | 6,5  | 8,0 | 2,5 |  | 3,5   | 3,9   | 4,3        | Cần cố gắng học nhiều hơn trong học kì 2. |  |
| 14                                                                                  | Lê Thủy Hằng           | 7,0   | 3,5  | 9,0 | 5,5 |  | 7,0   | 5,0   | 6,0        | Học được, cần cố gắng hơn.                |  |
| 15                                                                                  | Nguyễn Đăng Khoa       | 7,0   | 4,0  | 9,0 | 6,5 |  | 6,8   | 4,6   | 6,0        | Học được, cần cố gắng hơn.                |  |
| 16                                                                                  | Đỗ Đình Lâm            | 6,0   | 7,0  | 8,0 | 6,0 |  | 6,0   | 3,6   | 5,5        | Học được, cần cố gắng hơn.                |  |
| 17                                                                                  | Nguyễn Ngọc Lợi        | 7,0   | 6,0  | 6,0 | 6,5 |  | 7,0   | 7,8   | 7,0        | Học khá, cần cố gắng hơn.                 |  |
| 18                                                                                  | Trần Ngọc Xuân Mai     | 7,0   | 9,0  | 9,0 | 7,0 |  | 8,0   | 5,6   | 7,2        | Học khá.                                  |  |
| 19                                                                                  | Nguyễn Hoàng Hồng Ngọc | 8,0   | 7,0  | 9,0 | 6,0 |  | 4,0   | 7,7   | 6,8        | Học khá, cần cố gắng hơn.                 |  |
| 20                                                                                  | Huỳnh Khánh Ngọc       | 8,0   | 7,0  | 8,0 | 4,0 |  | 7,5   | 8,0   | 7,3        | Học khá, cần cố gắng hơn.                 |  |
| 21                                                                                  | Huỳnh Thái Nguyên      | 8,0   | 6,5  | 6,0 | 4,5 |  | 6,5   | 8,6   | 7,1        | Học khá, cần cố gắng hơn.                 |  |
| 22                                                                                  | Nguyễn Thị Cẩm Nhung   | 8,0   | 7,0  | 8,0 | 3,5 |  | 8,0   | 8,4   | 7,5        | Học khá.                                  |  |
| 23                                                                                  | Đinh Thị Quỳnh Như     | 7,0   | 7,0  | 9,0 | 7,0 |  | 8,3   | 4,6   | 6,7        | Học khá, cần cố gắng hơn.                 |  |
| 24                                                                                  | Ngô Hoàng Phúc         | 8,0   | 8,5  | 9,0 | 7,5 |  | 8,5   | 6,0   | 7,6        | Học khá, tích cực phát biểu.              |  |
| 25                                                                                  | Phan Hoàng Phúc        | 9,0   | 5,5  | 9,0 | 6,0 |  | 8,5   | 6,2   | 7,2        | Học khá, cần cố gắng hơn.                 |  |
| 26                                                                                  | Nguyễn Trung Sang      | 8,0   | 6,5  | 7,0 | 6,0 |  | 4,5   | 5,4   | 5,9        | Học được, cần cố gắng hơn.                |  |
| 27                                                                                  | Nguyễn Tấn Tài         | 8,0   | 9,0  | 8,0 | 7,0 |  | 8,5   | 7,8   | 8,0        | Học tốt.                                  |  |
| 28                                                                                  | Nguyễn Châu Thanh      | 7,0   | 8,0  | 6,0 | 5,5 |  | 7,3   | 7,8   | 7,2        | Học khá, cần cố gắng hơn.                 |  |
| 29                                                                                  | Tô Sĩ Thanh            | 7,0   | 6,5  | 8,0 | 6,0 |  | 8,5   | 6,0   | 6,9        | Học khá, tích cực phát biểu.              |  |
| 30                                                                                  | Phạm Thị Yến Thanh     | 7,0   | 7,0  | 9,0 | 6,5 |  | 8,5   | 6,4   | 7,3        | Học khá, tích cực phát biểu.              |  |
| 31                                                                                  | Tổng Hoàng Thắng       | 3,0   | 7,0  | 8,0 | 6,0 |  | 7,0   | 3,6   | 5,4        | Học được, cần cố gắng hơn.                |  |
| 32                                                                                  | Lê Tấn Thiện           | 8,0   | 7,5  | 9,0 | 9,5 |  | 8,8   | 7,8   | 8,3        | Học tốt, tích cực phát biểu.              |  |
| 33                                                                                  | Nguyễn Thị Như Thùy    | 8,0   | 7,5  | 8,0 | 6,0 |  | 8,8   | 5,0   | 6,9        | Học khá, tích cực phát biểu.              |  |
| 34                                                                                  | Tăng Thị Anh Thư       | 9,0   | 7,0  | 9,0 | 8,0 |  | 7,8   | 8,0   | 8,1        | Học tốt.                                  |  |
| 35                                                                                  | Võ Thị Cẩm Tiên        | 7,0   | 5,5  | 8,0 | 7,0 |  | 8,5   | 7,2   | 7,3        | Học khá, cần cố gắng hơn.                 |  |
| 36                                                                                  | Lê Thị Ngọc Tiên       | 8,0   | 10,0 | 9,0 | 7,5 |  | 8,0   | 7,9   | 8,2        | Học tốt, tích cực phát biểu.              |  |
| 37                                                                                  | Lê Văn Tín             | 8,0   | 6,5  | 8,0 | 5,0 |  | 6,8   | 7,8   | 7,2        | Học khá, cần cố gắng hơn.                 |  |
| 38                                                                                  | Nguyễn Hoài Bảo Trân   | 10,0  | 5,0  | 8,0 | 8,0 |  | 8,3   | 7,8   | 7,9        | Học khá, tích cực phát biểu.              |  |
| 39                                                                                  | Lê Thanh Triều         | 7,0   | 7,5  | 6,0 | 4,0 |  | 6,0   | 5,6   | 5,9        | Học được, cần cố gắng hơn.                |  |
| 40                                                                                  | Lê Anh Trọng           | 10,0  | 6,0  | 6,0 | 6,5 |  | 6,8   | 6,9   | 7,0        | Học khá, cần cố gắng hơn.                 |  |
| 41                                                                                  | Phạm Thế Trường        | 8,0   | 6,0  | 6,0 | 4,5 |  | 8,0   | 7,5   | 7,0        | Học khá, cần cố gắng hơn.                 |  |
| 42                                                                                  | Trần Trí Tuệ           | 6,0   | 4,0  | 8,0 | 6,5 |  | 6,0   | 6,7   | 6,3        | Cần cố gắng hơn.                          |  |
| 43                                                                                  | Đào Khải Vy            | 7,0   | 6,5  | 9,0 | 7,5 |  | 6,3   | 5,2   | 6,5        | Học khá, tích cực phát biểu.              |  |
| 44                                                                                  | Nguyễn Hoàng Khánh Vy  | 5,0   | 6,5  | 8,0 | 7,5 |  | 8,8   | 7,8   | 7,6        | Học khá.                                  |  |
| 45                                                                                  | Ngô Thị Hoàng Yến      | 9,0   | 6,5  | 8,0 | 5,5 |  | 6,0   | 5,2   | 6,3        | Học được, cần cố gắng hơn.                |  |
| 46                                                                                  | Đặng Hồng Yến          | 10,0  | 7,0  | 8,0 | 5,5 |  | 8,5   | 8,1   | 8,0        | Học tốt, tích cực phát biểu.              |  |

Giáo viên môn học  
 (Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Trương Đăng Khoa



**Giáo Dục Quốc Phòng**

**Giáo Dục Quốc Phòng**

| STT | Họ và tên              | ĐDGtx |     |  |  |  | ĐDGgk | ĐDGck | ĐTB<br>mhk | Ghi Chú                              |
|-----|------------------------|-------|-----|--|--|--|-------|-------|------------|--------------------------------------|
| 1   | Trần Nguyễn Quỳnh Anh  | 8,0   | 9,0 |  |  |  | 8,3   | 6,5   | 7,6        | Chăm ngoan, học khá.                 |
| 2   | Nguyễn Tuấn Anh        | 9,0   | 9,0 |  |  |  | 8,5   | 8,0   | 8,4        | Học tốt, cần phát huy trong học tập. |
| 3   | Lê Gia Bảo             | 5,0   | 7,0 |  |  |  | 9,3   | 6,5   | 7,2        | Học khá.                             |
| 4   | Phan Gia Bảo           | 5,0   | 7,0 |  |  |  | 8,5   | 5,5   | 6,5        | Cần cố gắng hơn ở hk2.               |
| 5   | Trương Hoài Bảo        | 5,0   | 7,0 |  |  |  | 9,0   | 8,8   | 8,1        | Học tốt.                             |
| 6   | Bùi Nguyên Bảo         | 8,0   | 8,0 |  |  |  | 9,0   | 5,8   | 7,3        | Học khá.                             |
| 7   | Phạm Thanh Bảo         | 5,0   | 7,0 |  |  |  | 8,3   | 5,8   | 6,6        | Cần cố gắng hơn ở hk2.               |
| 8   | Cao Ngọc Minh Châu     | 9,0   | 9,0 |  |  |  | 9,5   | 8,0   | 8,7        | Học tốt, cần phát huy trong học tập. |
| 9   | Nguyễn Thị Mỹ Duyên    | 8,0   | 8,0 |  |  |  | 7,8   | 8,3   | 8,1        | Học tốt.                             |
| 10  | Lê Vĩ Đại              | 5,0   | 7,0 |  |  |  | 7,5   | 6,3   | 6,6        | Cần cố gắng hơn ở hk2.               |
| 11  | Lê Thị Hồng Hạnh       | 8,0   | 8,0 |  |  |  | 5,0   | 6,5   | 6,5        | Cần cố gắng hơn ở hk2.               |
| 12  | Hồ Nhật Hào            | 5,0   | 7,0 |  |  |  | 8,0   | 6,0   | 6,6        | Cần cố gắng hơn ở hk2.               |
| 13  | Lê Nguyễn Minh Hằng    | 8,0   | 8,0 |  |  |  | 6,5   | 5,5   | 6,5        | Cần cố gắng hơn ở hk2.               |
| 14  | Lê Thúy Hằng           | 5,0   | 7,0 |  |  |  | 9,0   | 5,3   | 6,6        | Cần cố gắng hơn ở hk2.               |
| 15  | Nguyễn Đăng Khoa       | 5,0   | 7,0 |  |  |  | 9,0   | 5,5   | 6,6        | Cần cố gắng hơn ở hk2.               |
| 16  | Đỗ Đình Lâm            | 5,0   | 7,0 |  |  |  | 8,0   | 5,8   | 6,5        | Cần cố gắng hơn ở hk2.               |
| 17  | Nguyễn Ngọc Lợi        | 5,0   | 7,0 |  |  |  | 8,0   | 8,3   | 7,6        | Chăm ngoan, học khá.                 |
| 18  | Trần Ngọc Xuân Mai     | 5,0   | 8,0 |  |  |  | 9,3   | 4,8   | 6,6        | Cần cố gắng hơn ở hk2.               |
| 19  | Nguyễn Hoàng Hồng Ngọc | 8,0   | 8,0 |  |  |  | 7,8   | 8,5   | 8,2        | Học tốt, cần phát huy trong học tập. |
| 20  | Huỳnh Khánh Ngọc       | 5,0   | 7,0 |  |  |  | 7,8   | 7,5   | 7,2        | Học khá.                             |
| 21  | Huỳnh Thái Nguyên      | 5,0   | 8,0 |  |  |  | 9,0   | 6,0   | 7,0        | Học khá.                             |
| 22  | Nguyễn Thị Cẩm Nhung   | 8,0   | 9,0 |  |  |  | 9,0   | 6,5   | 7,8        | Chăm ngoan, học khá.                 |
| 23  | Đinh Thị Quỳnh Như     | 7,0   | 8,0 |  |  |  | 8,0   | 4,8   | 6,5        | Cần cố gắng hơn ở hk2.               |
| 24  | Ngô Hoàng Phúc         | 5,0   | 7,0 |  |  |  | 7,5   | 6,3   | 6,6        | Cần cố gắng hơn ở hk2.               |
| 25  | Phan Hoàng Phúc        | 8,0   | 9,0 |  |  |  | 8,0   | 7,8   | 8,1        | Học tốt.                             |
| 26  | Nguyễn Trung Sang      | 7,0   | 8,0 |  |  |  | 8,0   | 7,3   | 7,6        | Chăm ngoan, học khá.                 |
| 27  | Nguyễn Tấn Tài         | 9,0   | 9,0 |  |  |  | 9,3   | 9,8   | 9,4        | Học tốt, cần phát huy trong học tập. |
| 28  | Nguyễn Châu Thanh      | 5,0   | 7,0 |  |  |  | 7,8   | 6,0   | 6,5        | Cần cố gắng hơn ở hk2.               |
| 29  | Tô Si Thanh            | 9,0   | 8,0 |  |  |  | 8,3   | 4,3   | 6,6        | Cần cố gắng hơn ở hk2.               |
| 30  | Phạm Thị Yến Thanh     | 8,0   | 8,0 |  |  |  | 9,3   | 7,3   | 8,1        | Học tốt.                             |
| 31  | Tổng Hoàng Thắng       | 5,0   | 7,0 |  |  |  | 9,0   | 6,5   | 7,1        | Học khá.                             |
| 32  | Lê Tấn Thiện           | 7,0   | 8,0 |  |  |  | 8,3   | 9,5   | 8,6        | Học tốt, cần phát huy trong học tập. |
| 33  | Nguyễn Thị Như Thùy    | 8,0   | 8,0 |  |  |  | 8,8   | 5,8   | 7,3        | Học khá.                             |
| 34  | Tăng Thị Anh Thư       | 5,0   | 8,0 |  |  |  | 9,5   | 7,5   | 7,8        | Chăm ngoan, học khá.                 |
| 35  | Võ Thị Cẩm Tiên        | 8,0   | 8,0 |  |  |  | 7,8   | 6,3   | 7,2        | Học khá.                             |
| 36  | Lê Thị Ngọc Tiên       | 8,0   | 8,0 |  |  |  | 7,8   | 5,5   | 6,9        | Cần cố gắng hơn ở hk2.               |
| 37  | Lê Văn Tín             | 7,0   | 8,0 |  |  |  | 9,3   | 4,5   | 6,7        | Cần cố gắng hơn ở hk2.               |
| 38  | Nguyễn Hoài Bảo Trân   | 9,0   | 9,0 |  |  |  | 9,3   | 8,5   | 8,9        | Học tốt, cần phát huy trong học tập. |
| 39  | Lê Thanh Triều         | 5,0   | 7,0 |  |  |  | 8,5   | 5,8   | 6,6        | Cần cố gắng hơn ở hk2.               |
| 40  | Lê Anh Trọng           | 5,0   | 7,0 |  |  |  | 8,0   | 6,0   | 6,6        | Cần cố gắng hơn ở hk2.               |
| 41  | Phạm Thế Trường        | 5,0   | 7,0 |  |  |  | 8,0   | 6,0   | 6,6        | Cần cố gắng hơn ở hk2.               |
| 42  | Trần Trí Tuệ           | 5,0   | 7,0 |  |  |  | 8,0   | 6,3   | 6,7        | Học khá.                             |
| 43  | Đào Khải Vy            | 7,0   | 8,0 |  |  |  | 8,8   | 6,3   | 7,4        | Chăm ngoan, học khá.                 |
| 44  | Nguyễn Hoàng Khánh Vy  | 8,0   | 9,0 |  |  |  | 9,3   | 6,8   | 8,0        | Học tốt.                             |
| 45  | Ngô Thị Hoàng Yến      | 8,0   | 8,0 |  |  |  | 7,5   | 5,5   | 6,8        | Học khá.                             |
| 46  | Đặng Hồng Yến          | 8,0   | 8,0 |  |  |  | 8,3   | 4,8   | 6,7        | Học khá.                             |

**Giáo viên môn học**

(Ký và ghi rõ họ tên)

**Nguyễn Thị Thu Hằng**

| HỌC KỲ I                                                                                              |                        |       |     |     |  |  |       |       |            |                                |  |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|-------|-----|-----|--|--|-------|-------|------------|--------------------------------|--|
| Giáo dục kinh tế và pháp luật (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số) |                        |       |     |     |  |  |       |       |            |                                |  |
| STT                                                                                                   | Họ và tên              | ĐĐGtx |     |     |  |  | ĐĐGgk | ĐĐGck | ĐTB<br>mhk | Ghi Chú                        |  |
| 1                                                                                                     | Trần Nguyễn Quỳnh Anh  | 8,0   | 8,0 | 8,0 |  |  | 9,0   | 8,0   | 8,3        | Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt. |  |
| 2                                                                                                     | Nguyễn Tuấn Anh        | 8,0   | 7,0 | 7,0 |  |  | 8,0   | 6,3   | 7,1        | Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt. |  |
| 3                                                                                                     | Lê Gia Bảo             | 8,0   | 7,0 | 7,0 |  |  | 6,0   | 8,0   | 7,3        | Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt. |  |
| 4                                                                                                     | Phan Gia Bảo           | 8,0   | 7,0 | 7,0 |  |  | 6,0   | 7,5   | 7,1        | Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.    |  |
| 5                                                                                                     | Trương Hoài Bảo        | 8,0   | 7,0 | 7,0 |  |  | 7,0   | 4,5   | 6,2        | Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt. |  |
| 6                                                                                                     | Bùi Nguyên Bảo         | 8,0   | 8,0 | 8,0 |  |  | 8,0   | 7,0   | 7,6        | Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.    |  |
| 7                                                                                                     | Phạm Thanh Bảo         | 8,0   | 7,0 | 7,0 |  |  | 7,0   | 6,8   | 7,1        | Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt. |  |
| 8                                                                                                     | Cao Ngọc Minh Châu     | 8,0   | 9,0 | 9,0 |  |  | 9,0   | 9,3   | 9,0        | Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.    |  |
| 9                                                                                                     | Nguyễn Thị Mỹ Duyên    | 8,0   | 8,0 | 8,0 |  |  | 7,0   | 8,0   | 7,8        | Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt. |  |
| 10                                                                                                    | Lê Vi Đại              | 8,0   | 7,0 | 7,0 |  |  | 8,0   | 5,5   | 6,8        | Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt. |  |
| 11                                                                                                    | Lê Thị Hồng Hạnh       | 8,0   | 8,0 | 8,0 |  |  | 8,0   | 6,0   | 7,3        | Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.    |  |
| 12                                                                                                    | Hồ Nhật Hào            | 8,0   | 7,0 | 7,0 |  |  | 5,0   | 6,0   | 6,3        | Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt. |  |
| 13                                                                                                    | Lê Nguyễn Minh Hằng    | 8,0   | 8,0 | 8,0 |  |  | 8,0   | 6,3   | 7,4        | Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt. |  |
| 14                                                                                                    | Lê Thủy Hằng           | 8,0   | 8,0 | 8,0 |  |  | 6,0   | 6,0   | 6,8        | Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.    |  |
| 15                                                                                                    | Nguyễn Đăng Khoa       | 8,0   | 7,0 | 7,0 |  |  | 6,0   | 6,0   | 6,5        | Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt. |  |
| 16                                                                                                    | Đỗ Đình Lâm            | 8,0   | 7,0 | 7,0 |  |  | 6,0   | 8,0   | 7,3        | Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.    |  |
| 17                                                                                                    | Nguyễn Ngọc Lợi        | 8,0   | 7,0 | 7,0 |  |  | 8,0   | 8,0   | 7,8        | Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt. |  |
| 18                                                                                                    | Trần Ngọc Xuân Mai     | 8,0   | 8,0 | 8,0 |  |  | 8,0   | 8,0   | 8,0        | Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.    |  |
| 19                                                                                                    | Nguyễn Hoàng Hồng Ngọc | 8,0   | 8,0 | 8,0 |  |  | 7,0   | 5,5   | 6,8        | Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt. |  |
| 20                                                                                                    | Huỳnh Khánh Ngọc       | 8,0   | 7,0 | 7,0 |  |  | 6,0   | 6,8   | 6,8        | Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt. |  |
| 21                                                                                                    | Huỳnh Thái Nguyên      | 8,0   | 7,0 | 7,0 |  |  | 6,0   | 8,0   | 7,3        | Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.    |  |
| 22                                                                                                    | Nguyễn Thị Cẩm Nhung   | 8,0   | 8,0 | 8,0 |  |  | 8,0   | 8,0   | 8,0        | Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt. |  |
| 23                                                                                                    | Đinh Thị Quỳnh Như     | 8,0   | 8,0 | 8,0 |  |  | 8,0   | 8,0   | 8,0        | Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.    |  |
| 24                                                                                                    | Ngô Hoàng Phúc         | 8,0   | 7,0 | 7,0 |  |  | 6,0   | 6,8   | 6,8        | Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt. |  |
| 25                                                                                                    | Phan Hoàng Phúc        | 8,0   | 7,0 | 8,0 |  |  | 8,0   | 7,3   | 7,6        | Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt. |  |
| 26                                                                                                    | Nguyễn Trung Sang      | 8,0   | 7,0 | 7,0 |  |  | 7,0   | 7,3   | 7,2        | Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.    |  |
| 27                                                                                                    | Nguyễn Tấn Tài         | 8,0   | 7,0 | 8,0 |  |  | 8,0   | 8,3   | 8,0        | Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt. |  |
| 28                                                                                                    | Nguyễn Châu Thanh      | 8,0   | 7,0 | 8,0 |  |  | 8,0   | 6,5   | 7,3        | Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.    |  |
| 29                                                                                                    | Tô Sĩ Thanh            | 8,0   | 7,0 | 8,0 |  |  | 6,0   | 7,5   | 7,2        | Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt. |  |
| 30                                                                                                    | Phạm Thị Yến Thanh     | 8,0   | 8,0 | 8,0 |  |  | 9,0   | 8,0   | 8,3        | Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt. |  |
| 31                                                                                                    | Tổng Hoàng Thắng       | 8,0   | 7,0 | 7,0 |  |  | 8,0   | 7,0   | 7,4        | Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.    |  |
| 32                                                                                                    | Lê Tấn Thiện           | 8,0   | 7,0 | 7,0 |  |  | 8,0   | 8,3   | 7,9        | Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt. |  |
| 33                                                                                                    | Nguyễn Thị Như Thùy    | 8,0   | 8,0 | 8,0 |  |  | 8,0   | 5,8   | 7,2        | Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.    |  |
| 34                                                                                                    | Tăng Thị Anh Thư       | 8,0   | 8,0 | 8,0 |  |  | 8,0   | 7,5   | 7,8        | Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt. |  |
| 35                                                                                                    | Võ Thị Cẩm Tiên        | 8,0   | 8,0 | 8,0 |  |  | 8,0   | 8,3   | 8,1        | Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt. |  |
| 36                                                                                                    | Lê Thị Ngọc Tiên       | 8,0   | 8,0 | 8,0 |  |  | 9,0   | 8,0   | 8,3        | Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt. |  |
| 37                                                                                                    | Lê Văn Tín             | 8,0   | 7,0 | 7,0 |  |  | 8,0   | 5,8   | 6,9        | Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.    |  |
| 38                                                                                                    | Nguyễn Hoài Bảo Trần   | 8,0   | 8,0 | 8,0 |  |  | 8,0   | 7,8   | 7,9        | Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt. |  |
| 39                                                                                                    | Lê Thanh Triều         | 8,0   | 7,0 | 7,0 |  |  | 6,0   | 6,3   | 6,6        | Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt. |  |
| 40                                                                                                    | Lê Anh Trọng           | 8,0   | 7,0 | 8,0 |  |  | 8,0   | 8,0   | 7,9        | Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt. |  |
| 41                                                                                                    | Phạm Thế Trường        | 8,0   | 7,0 | 7,0 |  |  | 8,0   | 8,0   | 7,8        | Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt. |  |
| 42                                                                                                    | Trần Trí Tuệ           | 8,0   | 7,0 | 7,0 |  |  | 6,0   | 6,8   | 6,8        | Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt. |  |
| 43                                                                                                    | Đào Khải Vy            | 8,0   | 8,0 | 8,0 |  |  | 8,0   | 6,3   | 7,4        | Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt. |  |
| 44                                                                                                    | Nguyễn Hoàng Khánh Vy  | 8,0   | 8,0 | 8,0 |  |  | 8,0   | 8,3   | 8,1        | Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt. |  |
| 45                                                                                                    | Ngô Thị Hoàng Yến      | 8,0   | 8,0 | 8,0 |  |  | 8,0   | 6,0   | 7,3        | Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.    |  |
| 46                                                                                                    | Đặng Hồng Yến          | 8,0   | 8,0 | 8,0 |  |  | 9,0   | 5,8   | 7,4        | Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.    |  |

Giáo viên môn học  
 (Ký và ghi rõ họ tên)

Đỗ Nguyễn Hoàng Thuý Vy

| <div> <div>Giáo dục thể chất</div> <div>HỌC KỲ I</div> <div>(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét)</div> </div> |                        |                                                         |   |  |  |         |         |        |         |               |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|---------------------------------------------------------|---|--|--|---------|---------|--------|---------|---------------|
| STT                                                                                                                | Họ và tên              | <div>Mức đánh giá</div> <div>Đạt(Đ), Chưa đạt(CĐ)</div> |   |  |  |         |         |        | Ghi Chú |               |
|                                                                                                                    |                        | Thường Xuyên                                            |   |  |  | Giữa kỳ | Cuối kỳ | Học kỳ |         |               |
| 1                                                                                                                  | Trần Nguyễn Quỳnh Anh  | Đ                                                       | Đ |  |  |         | Đ       | Đ      | Đ       | Tập luyện tốt |
| 2                                                                                                                  | Nguyễn Tuấn Anh        | Đ                                                       | Đ |  |  |         | Đ       | Đ      | Đ       | Tập luyện tốt |
| 3                                                                                                                  | Lê Gia Bảo             | Đ                                                       | Đ |  |  |         | Đ       | Đ      | Đ       | Tập luyện tốt |
| 4                                                                                                                  | Phan Gia Bảo           | Đ                                                       | Đ |  |  |         | Đ       | Đ      | Đ       | Tập luyện tốt |
| 5                                                                                                                  | Trương Hoài Bảo        | Đ                                                       | Đ |  |  |         | Đ       | Đ      | Đ       | Tập luyện tốt |
| 6                                                                                                                  | Bùi Nguyên Bảo         | Đ                                                       | Đ |  |  |         | Đ       | Đ      | Đ       | Tập luyện tốt |
| 7                                                                                                                  | Phạm Thanh Bảo         | Đ                                                       | Đ |  |  |         | Đ       | Đ      | Đ       | Tập luyện tốt |
| 8                                                                                                                  | Cao Ngọc Minh Châu     | Đ                                                       | Đ |  |  |         | Đ       | Đ      | Đ       | Tập luyện tốt |
| 9                                                                                                                  | Nguyễn Thị Mỹ Duyên    | Đ                                                       | Đ |  |  |         | Đ       | Đ      | Đ       | Tập luyện tốt |
| 10                                                                                                                 | Lê Vi Đại              | Đ                                                       | Đ |  |  |         | Đ       | Đ      | Đ       | Tập luyện tốt |
| 11                                                                                                                 | Lê Thị Hồng Hạnh       | Đ                                                       | Đ |  |  |         | Đ       | Đ      | Đ       | Tập luyện tốt |
| 12                                                                                                                 | Hồ Nhật Hào            | Đ                                                       | Đ |  |  |         | Đ       | Đ      | Đ       | Tập luyện tốt |
| 13                                                                                                                 | Lê Nguyễn Minh Hằng    | Đ                                                       | Đ |  |  |         | Đ       | Đ      | Đ       | Tập luyện tốt |
| 14                                                                                                                 | Lê Thúy Hằng           | Đ                                                       | Đ |  |  |         | Đ       | Đ      | Đ       | Tập luyện tốt |
| 15                                                                                                                 | Nguyễn Đăng Khoa       | Đ                                                       | Đ |  |  |         | Đ       | Đ      | Đ       | Tập luyện tốt |
| 16                                                                                                                 | Đỗ Đình Lâm            | Đ                                                       | Đ |  |  |         | Đ       | Đ      | Đ       | Tập luyện tốt |
| 17                                                                                                                 | Nguyễn Ngọc Lợi        | Đ                                                       | Đ |  |  |         | Đ       | Đ      | Đ       | Tập luyện tốt |
| 18                                                                                                                 | Trần Ngọc Xuân Mai     | Đ                                                       | Đ |  |  |         | Đ       | Đ      | Đ       | Tập luyện tốt |
| 19                                                                                                                 | Nguyễn Hoàng Hồng Ngọc | Đ                                                       | Đ |  |  |         | Đ       | Đ      | Đ       | Tập luyện tốt |
| 20                                                                                                                 | Huỳnh Khánh Ngọc       | Đ                                                       | Đ |  |  |         | Đ       | Đ      | Đ       | Tập luyện tốt |
| 21                                                                                                                 | Huỳnh Thái Nguyên      | Đ                                                       | Đ |  |  |         | Đ       | Đ      | Đ       | Tập luyện tốt |
| 22                                                                                                                 | Nguyễn Thị Cẩm Nhung   | Đ                                                       | Đ |  |  |         | Đ       | Đ      | Đ       | Tập luyện tốt |
| 23                                                                                                                 | Đinh Thị Quỳnh Như     | Đ                                                       | Đ |  |  |         | Đ       | Đ      | Đ       | Tập luyện tốt |
| 24                                                                                                                 | Ngô Hoàng Phúc         | Đ                                                       | Đ |  |  |         | Đ       | Đ      | Đ       | Tập luyện tốt |
| 25                                                                                                                 | Phan Hoàng Phúc        | Đ                                                       | Đ |  |  |         | Đ       | Đ      | Đ       | Tập luyện tốt |
| 26                                                                                                                 | Nguyễn Trung Sang      | Đ                                                       | Đ |  |  |         | Đ       | Đ      | Đ       | Tập luyện tốt |
| 27                                                                                                                 | Nguyễn Tấn Tài         | Đ                                                       | Đ |  |  |         | Đ       | Đ      | Đ       | Tập luyện tốt |
| 28                                                                                                                 | Nguyễn Châu Thanh      | Đ                                                       | Đ |  |  |         | Đ       | Đ      | Đ       | Tập luyện tốt |
| 29                                                                                                                 | Tô Sĩ Thanh            | Đ                                                       | Đ |  |  |         | Đ       | Đ      | Đ       | Tập luyện tốt |
| 30                                                                                                                 | Phạm Thị Yến Thanh     | Đ                                                       | Đ |  |  |         | Đ       | Đ      | Đ       | Tập luyện tốt |
| 31                                                                                                                 | Tổng Hoàng Thắng       | Đ                                                       | Đ |  |  |         | Đ       | Đ      | Đ       | Tập luyện tốt |
| 32                                                                                                                 | Lê Tấn Thiện           | Đ                                                       | Đ |  |  |         | Đ       | Đ      | Đ       | Tập luyện tốt |
| 33                                                                                                                 | Nguyễn Thị Như Thùy    | Đ                                                       | Đ |  |  |         | Đ       | Đ      | Đ       | Tập luyện tốt |
| 34                                                                                                                 | Tăng Thị Anh Thư       | Đ                                                       | Đ |  |  |         | Đ       | Đ      | Đ       | Tập luyện tốt |
| 35                                                                                                                 | Võ Thị Cẩm Tiên        | Đ                                                       | Đ |  |  |         | Đ       | Đ      | Đ       | Tập luyện tốt |
| 36                                                                                                                 | Lê Thị Ngọc Tiên       | Đ                                                       | Đ |  |  |         | Đ       | Đ      | Đ       | Tập luyện tốt |
| 37                                                                                                                 | Lê Văn Tín             | Đ                                                       | Đ |  |  |         | Đ       | Đ      | Đ       | Tập luyện tốt |
| 38                                                                                                                 | Nguyễn Hoài Bảo Trân   | Đ                                                       | Đ |  |  |         | Đ       | Đ      | Đ       | Tập luyện tốt |
| 39                                                                                                                 | Lê Thanh Triều         | Đ                                                       | Đ |  |  |         | Đ       | Đ      | Đ       | Tập luyện tốt |
| 40                                                                                                                 | Lê Anh Trọng           | Đ                                                       | Đ |  |  |         | Đ       | Đ      | Đ       | Tập luyện tốt |
| 41                                                                                                                 | Phạm Thế Trường        | Đ                                                       | Đ |  |  |         | Đ       | Đ      | Đ       | Tập luyện tốt |
| 42                                                                                                                 | Trần Trí Tuệ           | Đ                                                       | Đ |  |  |         | Đ       | Đ      | Đ       | Tập luyện tốt |
| 43                                                                                                                 | Đào Khải Vy            | Đ                                                       | Đ |  |  |         | Đ       | Đ      | Đ       | Tập luyện tốt |
| 44                                                                                                                 | Nguyễn Hoàng Khánh Vy  | Đ                                                       | Đ |  |  |         | Đ       | Đ      | Đ       | Tập luyện tốt |
| 45                                                                                                                 | Ngô Thị Hoàng Yến      | Đ                                                       | Đ |  |  |         | Đ       | Đ      | Đ       | Tập luyện tốt |
| 46                                                                                                                 | Đặng Hồng Yến          | Đ                                                       | Đ |  |  |         | Đ       | Đ      | Đ       | Tập luyện tốt |

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Trần Hồ Minh Tiến

(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét)

**Giáo viên môn học**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

| HQC KỲ I |                        |                                           |   |  |  |            |            |        |   |                                |
|----------|------------------------|-------------------------------------------|---|--|--|------------|------------|--------|---|--------------------------------|
| HDTrN-HN |                        | (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét) |   |  |  |            |            |        |   |                                |
| STT      | Họ và tên              | Mức đánh giá<br>Đạt(Đ), Chưa đạt(CĐ)      |   |  |  |            |            |        |   | Ghi Chú                        |
|          |                        | Thường Xuyên                              |   |  |  | Giữa<br>kỳ | Cuối<br>kỳ | Học kỳ |   |                                |
| 1        | Trần Nguyễn Quỳnh Anh  | Đ                                         | Đ |  |  |            | Đ          | Đ      | Đ | Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt. |
| 2        | Nguyễn Tuấn Anh        | Đ                                         | Đ |  |  |            | Đ          | Đ      | Đ | Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.    |
| 3        | Lê Gia Bảo             | Đ                                         | Đ |  |  |            | Đ          | Đ      | Đ | Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt. |
| 4        | Phan Gia Bảo           | Đ                                         | Đ |  |  |            | Đ          | Đ      | Đ | Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.    |
| 5        | Trương Hoài Bảo        | Đ                                         | Đ |  |  |            | Đ          | Đ      | Đ | Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt. |
| 6        | Bùi Nguyên Bảo         | Đ                                         | Đ |  |  |            | Đ          | Đ      | Đ | Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt. |
| 7        | Phạm Thanh Bảo         | Đ                                         | Đ |  |  |            | Đ          | Đ      | Đ | Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt. |
| 8        | Cao Ngọc Minh Châu     | Đ                                         | Đ |  |  |            | Đ          | Đ      | Đ | Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.    |
| 9        | Nguyễn Thị Mỹ Duyên    | Đ                                         | Đ |  |  |            | Đ          | Đ      | Đ | Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.    |
| 10       | Lê Vĩ Đại              | Đ                                         | Đ |  |  |            | Đ          | Đ      | Đ | Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt. |
| 11       | Lê Thị Hồng Hạnh       | Đ                                         | Đ |  |  |            | Đ          | Đ      | Đ | Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.    |
| 12       | Hồ Nhật Hào            | Đ                                         | Đ |  |  |            | Đ          | Đ      | Đ | Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt. |
| 13       | Lê Nguyễn Minh Hằng    | Đ                                         | Đ |  |  |            | Đ          | Đ      | Đ | Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.    |
| 14       | Lê Thủy Hằng           | Đ                                         | Đ |  |  |            | Đ          | Đ      | Đ | Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt. |
| 15       | Nguyễn Đăng Khoa       | Đ                                         | Đ |  |  |            | Đ          | Đ      | Đ | Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.    |
| 16       | Đỗ Đình Lâm            | Đ                                         | Đ |  |  |            | Đ          | Đ      | Đ | Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.    |
| 17       | Nguyễn Ngọc Lợi        | Đ                                         | Đ |  |  |            | Đ          | Đ      | Đ | Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.    |
| 18       | Trần Ngọc Xuân Mai     | Đ                                         | Đ |  |  |            | Đ          | Đ      | Đ | Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt. |
| 19       | Nguyễn Hoàng Hồng Ngọc | Đ                                         | Đ |  |  |            | Đ          | Đ      | Đ | Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt. |
| 20       | Huỳnh Khánh Ngọc       | Đ                                         | Đ |  |  |            | Đ          | Đ      | Đ | Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.    |
| 21       | Huỳnh Thái Nguyên      | Đ                                         | Đ |  |  |            | Đ          | Đ      | Đ | Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt. |
| 22       | Nguyễn Thị Cẩm Nhung   | Đ                                         | Đ |  |  |            | Đ          | Đ      | Đ | Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt. |
| 23       | Đinh Thị Quỳnh Như     | Đ                                         | Đ |  |  |            | Đ          | Đ      | Đ | Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt. |
| 24       | Ngô Hoàng Phúc         | Đ                                         | Đ |  |  |            | Đ          | Đ      | Đ | Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.    |
| 25       | Phan Hoàng Phúc        | Đ                                         | Đ |  |  |            | Đ          | Đ      | Đ | Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt. |
| 26       | Nguyễn Trung Sang      | Đ                                         | Đ |  |  |            | Đ          | Đ      | Đ | Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt. |
| 27       | Nguyễn Tấn Tài         | Đ                                         | Đ |  |  |            | Đ          | Đ      | Đ | Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt. |
| 28       | Nguyễn Châu Thanh      | Đ                                         | Đ |  |  |            | Đ          | Đ      | Đ | Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt. |
| 29       | Tô Sĩ Thanh            | Đ                                         | Đ |  |  |            | Đ          | Đ      | Đ | Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.    |
| 30       | Phạm Thị Yến Thanh     | Đ                                         | Đ |  |  |            | Đ          | Đ      | Đ | Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt. |
| 31       | Tổng Hoàng Thắng       | Đ                                         | Đ |  |  |            | Đ          | Đ      | Đ | Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt. |
| 32       | Lê Tấn Thiện           | Đ                                         | Đ |  |  |            | Đ          | Đ      | Đ | Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt. |
| 33       | Nguyễn Thị Như Thùy    | Đ                                         | Đ |  |  |            | Đ          | Đ      | Đ | Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.    |
| 34       | Tăng Thị Anh Thư       | Đ                                         | Đ |  |  |            | Đ          | Đ      | Đ | Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.    |
| 35       | Võ Thị Cẩm Tiên        | Đ                                         | Đ |  |  |            | Đ          | Đ      | Đ | Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt. |
| 36       | Lê Thị Ngọc Tiên       | Đ                                         | Đ |  |  |            | Đ          | Đ      | Đ | Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt. |
| 37       | Lê Văn Tín             | Đ                                         | Đ |  |  |            | Đ          | Đ      | Đ | Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.    |
| 38       | Nguyễn Hoài Bảo Trân   | Đ                                         | Đ |  |  |            | Đ          | Đ      | Đ | Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.    |
| 39       | Lê Thanh Triều         | Đ                                         | Đ |  |  |            | Đ          | Đ      | Đ | Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt. |
| 40       | Lê Anh Trọng           | Đ                                         | Đ |  |  |            | Đ          | Đ      | Đ | Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt. |
| 41       | Phạm Thế Trường        | Đ                                         | Đ |  |  |            | Đ          | Đ      | Đ | Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.    |
| 42       | Trần Trí Tuệ           | Đ                                         | Đ |  |  |            | Đ          | Đ      | Đ | Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt. |
| 43       | Đào Khải Vy            | Đ                                         | Đ |  |  |            | Đ          | Đ      | Đ | Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.    |
| 44       | Nguyễn Hoàng Khánh Vy  | Đ                                         | Đ |  |  |            | Đ          | Đ      | Đ | Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt. |
| 45       | Ngô Thị Hoàng Yến      | Đ                                         | Đ |  |  |            | Đ          | Đ      | Đ | Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.    |
| 46       | Đặng Hồng Yến          | Đ                                         | Đ |  |  |            | Đ          | Đ      | Đ | Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt. |

Giáo viên môn học
(Ký và ghi rõ họ tên)

Đỗ Nguyễn Hoàng Thuý Vy

TỔNG HỢP HỌC KỲ I

| Số<br>T<br>T | Họ và tên              | Môn học đánh giá<br>bằng nhận xét |                           |              | Môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm<br>số |        |         |         |         |        |                |                              |                                   | Kết<br>quả<br>học<br>tập | Kết<br>quả<br>rèn<br>luyện |
|--------------|------------------------|-----------------------------------|---------------------------|--------------|-----------------------------------------------------------------|--------|---------|---------|---------|--------|----------------|------------------------------|-----------------------------------|--------------------------|----------------------------|
|              |                        | Giáo<br>dục thể<br>chất           | Giáo<br>dục địa<br>phương | HDTrN-<br>HN | Toán                                                            | Vật lý | Hóa học | Ngữ văn | Lịch sử | Địa Lý | Ngoại<br>ngữ 1 | Giáo<br>Dục<br>Quốc<br>Phong | Giáo<br>dục<br>kinh tế<br>và pháp |                          |                            |
| 1            | Trần Nguyễn Quỳnh Anh  | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 5,8                                                             | 7,6    | 7,1     | 5,6     | 8,4     | 6,8    | 6,9            | 7,6                          | 8,3                               | K                        | T                          |
| 2            | Nguyễn Tuấn Anh        | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 7,2                                                             | 7,5    | 8,2     | 6,4     | 5,9     | 7,6    | 5,6            | 8,4                          | 7,1                               | K                        | T                          |
| 3            | Lê Gia Bảo             | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 6,4                                                             | 7,1    | 5,9     | 7,1     | 8,8     | 5,8    | 6,7            | 7,2                          | 7,3                               | K                        | T                          |
| 4            | Phan Gia Bảo           | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 6,9                                                             | 6,4    | 6,2     | 6,5     | 7,3     | 5,1    | 5,0            | 6,5                          | 7,1                               | Đ                        | T                          |
| 5            | Trương Hoài Bảo        | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 8,7                                                             | 7,9    | 7,9     | 6,3     | 8,8     | 7,7    | 8,0            | 8,1                          | 6,2                               | K                        | T                          |
| 6            | Bùi Nguyên Bảo         | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 5,3                                                             | 8,0    | 7,9     | 7,2     | 9,3     | 7,6    | 5,8            | 7,3                          | 7,6                               | K                        | T                          |
| 7            | Phạm Thanh Bảo         | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 6,8                                                             | 6,8    | 7,3     | 6,7     | 8,7     | 7,1    | 6,5            | 6,6                          | 7,1                               | K                        | T                          |
| 8            | Cao Ngọc Minh Châu     | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 9,4                                                             | 8,3    | 9,1     | 6,9     | 8,6     | 7,2    | 8,0            | 8,7                          | 9,0                               | T                        | T                          |
| 9            | Nguyễn Thị Mỹ Duyên    | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 7,6                                                             | 8,1    | 7,9     | 6,3     | 8,7     | 6,6    | 7,4            | 8,1                          | 7,8                               | K                        | T                          |
| 10           | Lê Vi Đại              | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 5,6                                                             | 6,4    | 6,6     | 5,2     | 7,4     | 6,3    | 5,4            | 6,6                          | 6,8                               | Đ                        | T                          |
| 11           | Lê Thị Hồng Hạnh       | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 5,3                                                             | 5,6    | 6,0     | 5,2     | 6,1     | 5,3    | 5,5            | 6,5                          | 7,3                               | Đ                        | T                          |
| 12           | Hồ Nhật Hào            | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 6,3                                                             | 5,0    | 5,7     | 5,2     | 6,0     | 4,4    | 5,2            | 6,6                          | 6,3                               | Đ                        | T                          |
| 13           | Lê Nguyễn Minh Hằng    | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 4,7                                                             | 5,9    | 6,1     | 6,6     | 5,0     | 5,6    | 4,3            | 6,5                          | 7,4                               | Đ                        | T                          |
| 14           | Lê Thúy Hằng           | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 5,9                                                             | 6,1    | 5,5     | 5,4     | 5,3     | 5,4    | 6,0            | 6,6                          | 6,8                               | Đ                        | T                          |
| 15           | Nguyễn Đăng Khoa       | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 5,1                                                             | 5,3    | 6,2     | 6,3     | 7,5     | 5,3    | 6,0            | 6,6                          | 6,5                               | Đ                        | T                          |
| 16           | Đỗ Đình Lâm            | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 7,2                                                             | 5,2    | 6,2     | 5,6     | 8,4     | 4,1    | 5,5            | 6,5                          | 7,3                               | Đ                        | T                          |
| 17           | Nguyễn Ngọc Lợi        | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 6,6                                                             | 6,5    | 6,8     | 5,9     | 8,1     | 5,9    | 7,0            | 7,6                          | 7,8                               | K                        | T                          |
| 18           | Trần Ngọc Xuân Mai     | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 6,7                                                             | 6,9    | 8,0     | 5,6     | 6,6     | 6,0    | 7,2            | 6,6                          | 8,0                               | K                        | T                          |
| 19           | Nguyễn Hoàng Hồng Ngọc | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 7,0                                                             | 7,2    | 7,3     | 7,4     | 8,3     | 6,9    | 6,8            | 8,2                          | 6,8                               | K                        | T                          |
| 20           | Huỳnh Khánh Ngọc       | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 5,8                                                             | 5,8    | 7,4     | 6,4     | 7,8     | 6,7    | 7,3            | 7,2                          | 6,8                               | K                        | T                          |
| 21           | Huỳnh Thái Nguyên      | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 6,3                                                             | 6,9    | 5,8     | 5,8     | 7,6     | 6,8    | 7,1            | 7,0                          | 7,3                               | K                        | T                          |
| 22           | Nguyễn Thị Cẩm Nhung   | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 6,4                                                             | 6,3    | 6,6     | 6,7     | 8,9     | 6,6    | 7,5            | 7,8                          | 8,0                               | K                        | T                          |
| 23           | Đinh Thị Quỳnh Như     | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 7,5                                                             | 7,9    | 7,4     | 5,0     | 8,5     | 6,1    | 6,7            | 6,5                          | 8,0                               | K                        | T                          |
| 24           | Ngô Hoàng Phúc         | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 8,5                                                             | 7,0    | 7,2     | 7,2     | 8,1     | 8,1    | 7,6            | 6,6                          | 6,8                               | K                        | T                          |
| 25           | Phan Hoàng Phúc        | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 9,1                                                             | 8,1    | 8,8     | 6,6     | 8,2     | 6,4    | 7,2            | 8,1                          | 7,6                               | K                        | T                          |
| 26           | Nguyễn Trung Sang      | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 5,4                                                             | 7,3    | 5,8     | 5,5     | 7,1     | 7,5    | 5,9            | 7,6                          | 7,2                               | Đ                        | T                          |
| 27           | Nguyễn Tấn Tài         | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 8,6                                                             | 8,7    | 8,4     | 7,6     | 8,3     | 8,3    | 8,0            | 9,4                          | 8,0                               | T                        | T                          |
| 28           | Nguyễn Châu Thanh      | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 7,3                                                             | 6,3    | 7,0     | 6,7     | 9,1     | 7,1    | 7,2            | 6,5                          | 7,3                               | K                        | T                          |
| 29           | Tô Si Thanh            | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 8,2                                                             | 8,0    | 7,8     | 5,9     | 8,3     | 5,8    | 6,9            | 6,6                          | 7,2                               | K                        | T                          |
| 30           | Phạm Thị Yến Thanh     | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 7,3                                                             | 8,3    | 8,4     | 6,8     | 9,2     | 7,1    | 7,3            | 8,1                          | 8,3                               | K                        | T                          |
| 31           | Tổng Hoàng Thắng       | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 7,9                                                             | 6,4    | 7,0     | 5,7     | 8,0     | 4,9    | 5,4            | 7,1                          | 7,4                               | Đ                        | T                          |
| 32           | Lê Tấn Thiện           | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 8,5                                                             | 7,9    | 8,4     | 7,7     | 8,9     | 8,4    | 8,3            | 8,6                          | 7,9                               | T                        | T                          |
| 33           | Nguyễn Thị Như Thùy    | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 8,9                                                             | 7,9    | 8,2     | 6,4     | 8,6     | 7,4    | 6,9            | 7,3                          | 7,2                               | K                        | T                          |
| 34           | Tăng Thị Anh Thư       | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 8,3                                                             | 8,9    | 8,1     | 6,6     | 9,0     | 7,8    | 8,1            | 7,8                          | 7,8                               | K                        | T                          |
| 35           | Võ Thị Cẩm Tiên        | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 7,6                                                             | 6,3    | 6,1     | 6,3     | 8,5     | 6,8    | 7,3            | 7,2                          | 8,1                               | K                        | T                          |
| 36           | Lê Thị Ngọc Tiền       | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 7,1                                                             | 8,1    | 9,1     | 6,3     | 8,3     | 7,3    | 8,2            | 6,9                          | 8,3                               | K                        | T                          |
| 37           | Lê Văn Tín             | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 7,2                                                             | 6,5    | 7,7     | 7,0     | 9,1     | 7,7    | 7,2            | 6,7                          | 6,9                               | K                        | T                          |
| 38           | Nguyễn Hoài Bảo Trân   | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 8,8                                                             | 7,9    | 7,4     | 7,1     | 8,6     | 7,3    | 7,9            | 8,9                          | 7,9                               | K                        | T                          |
| 39           | Lê Thanh Triều         | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 6,9                                                             | 7,7    | 8,5     | 6,2     | 7,1     | 6,6    | 5,9            | 6,6                          | 6,6                               | K                        | T                          |
| 40           | Lê Anh Trọng           | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 6,3                                                             | 6,4    | 6,3     | 5,1     | 8,3     | 5,5    | 7,0            | 6,6                          | 7,9                               | Đ                        | T                          |
| 41           | Phạm Thế Trường        | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 6,8                                                             | 6,6    | 5,9     | 5,7     | 8,6     | 5,6    | 7,0            | 6,6                          | 7,8                               | K                        | T                          |
| 42           | Trần Trí Tuệ           | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 4,7                                                             | 6,0    | 5,8     | 5,3     | 7,6     | 5,9    | 6,3            | 6,7                          | 6,8                               | Đ                        | T                          |
| 43           | Đào Khải Vy            | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 8,0                                                             | 7,9    | 7,6     | 7,3     | 8,6     | 7,0    | 6,5            | 7,4                          | 7,4                               | K                        | T                          |
| 44           | Nguyễn Hoàng Khánh Vy  | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 8,5                                                             | 6,6    | 6,8     | 6,9     | 8,3     | 7,3    | 7,6            | 8,0                          | 8,1                               | K                        | T                          |
| 45           | Ngô Thị Hoàng Yến      | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 7,2                                                             | 9,1    | 8,6     | 7,4     | 8,9     | 6,6    | 6,3            | 6,8                          | 7,3                               | K                        | T                          |
| 46           | <b>Đặng Hồng Yến</b>   |                                   |                           |              |                                                                 |        |         |         |         |        |                |                              |                                   |                          |                            |

Giáo viên chủ nhiệm  
Ký và ghi rõ họ tên

Phạm Duy Phương

# PHẦN GHI ĐIỂM

## HỌC KỲ II

HỌC KỲ II

Toán (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)

| STT | Họ và tên              | ĐĐGtx |      |      |      |  | ĐĐGgk | ĐĐGck | ĐTBmhk | ĐTBmcn | Đánh giá lại |        | Ghi Chú                                |
|-----|------------------------|-------|------|------|------|--|-------|-------|--------|--------|--------------|--------|----------------------------------------|
|     |                        |       |      |      |      |  |       |       |        |        | ĐTBmhkII     | ĐTBmcn |                                        |
| 1   | Trần Nguyễn Quỳnh Anh  | 9,0   | 9,0  | 7,0  | 9,0  |  | 9,5   | 8,5   | 8,7    | 7.7    |              |        | Học giỏi, chăm ngoan                   |
| 2   | Nguyễn Tuấn Anh        | 8,0   | 8,0  | 8,0  | 9,0  |  | 7,5   | 8,0   | 8,0    | 7.7    |              |        | Học giỏi, chăm ngoan                   |
| 3   | Lê Gia Bảo             | 6,0   | 9,0  | 8,0  | 7,0  |  | 4,5   | 0,0   | 4,3    | 5.0    |              |        | Cần cố gắng nhiều hơn                  |
| 4   | Phan Gia Bảo           | 7,0   | 9,0  | 6,0  | 6,0  |  | 6,0   | 6,0   | 6,4    | 6.6    |              |        | Học được, cần phát huy nhiều hơn       |
| 5   | Trương Hoài Bảo        | 8,0   | 10,0 | 8,0  | 8,0  |  | 8,5   | 7,8   | 8,3    | 8.4    |              |        | Học giỏi, chăm ngoan                   |
| 6   | Bùi Nguyên Bảo         | 8,0   | 8,0  | 8,0  | 9,0  |  | 5,3   | 8,3   | 7,6    | 6.8    |              |        | Học khá, chăm ngoan                    |
| 7   | Phạm Thanh Bảo         | 8,0   | 8,0  | 9,0  | 7,0  |  | 7,0   | 8,5   | 7,9    | 7.5    |              |        | Học khá, chăm ngoan                    |
| 8   | Cao Ngọc Minh Châu     | 9,0   | 10,0 | 8,0  | 8,0  |  | 8,8   | 7,8   | 8,4    | 8.7    |              |        | Học giỏi, chăm ngoan                   |
| 9   | Nguyễn Thị Mỹ Duyên    | 9,0   | 8,0  | 10,0 | 8,0  |  | 8,8   | 8,8   | 8,8    | 8.4    |              |        | Học giỏi, chăm ngoan                   |
| 10  | Lê Vi Đại              | 7,0   | 8,0  | 8,0  | 9,0  |  | 4,8   | 7,0   | 7,0    | 6.5    |              |        | Học khá, chăm ngoan                    |
| 11  | Lê Thị Hồng Hạnh       | 7,0   | 9,0  | 6,0  | 7,0  |  | 9,8   | 5,0   | 7,1    | 6.5    |              |        | Học khá, chăm ngoan                    |
| 12  | Hồ Nhật Hào            | 6,0   | 7,0  | 5,0  | 7,0  |  | 5,0   | 5,8   | 5,8    | 6.0    |              |        | Cần phát huy nhiều hơn                 |
| 13  | Lê Nguyễn Minh Hằng    | 6,0   | 9,0  | 6,0  | 7,0  |  | 5,3   | 4,5   | 5,8    | 5.4    |              |        | Cần phát huy nhiều hơn                 |
| 14  | Lê Thúy Hằng           | 7,0   | 8,0  | 9,0  | 7,0  |  | 8,5   | 4,3   | 6,8    | 6.5    |              |        | Học được, cần phát huy nhiều hơn       |
| 15  | Nguyễn Đăng Khoa       | 6,0   | 8,0  | 6,0  | 7,0  |  | 4,3   | 5,5   | 5,8    | 5.6    |              |        | Cần phát huy nhiều hơn                 |
| 16  | Đỗ Đình Lâm            | 8,0   | 9,0  | 8,0  | 8,0  |  | 7,3   | 6,8   | 7,6    | 7.5    |              |        | Học khá, chăm ngoan                    |
| 17  | Nguyễn Ngọc Lợi        | 6,0   | 7,0  | 6,0  | 5,0  |  | 5,3   | 8,8   | 6,8    | 6.7    |              |        | Học được, cần phát huy nhiều hơn       |
| 18  | Trần Ngọc Xuân Mai     | 8,0   | 8,0  | 7,0  | 10,0 |  | 8,5   | 8,3   | 8,3    | 7.8    |              |        | Học giỏi, chăm ngoan                   |
| 19  | Nguyễn Hoàng Hồng Ngọc | 9,0   | 10,0 | 8,0  | 10,0 |  | 6,3   | 8,3   | 8,3    | 7.9    |              |        | Học giỏi, chăm ngoan                   |
| 20  | Huỳnh Khánh Ngọc       | 8,0   | 8,0  | 8,0  | 10,0 |  | 6,3   | 7,8   | 7,8    | 7.1    |              |        | Học khá, chăm ngoan                    |
| 21  | Huỳnh Thái Nguyên      | 7,0   | 8,0  | 7,0  | 8,0  |  | 5,0   | 8,0   | 7,1    | 6.8    |              |        | Học khá, chăm ngoan                    |
| 22  | Nguyễn Thị Cẩm Nhung   | 7,0   | 9,0  | 6,0  | 8,0  |  | 5,3   | 8,8   | 7,4    | 7.1    |              |        | Học khá, chăm ngoan                    |
| 23  | Đinh Thị Quỳnh Như     | 8,0   | 8,0  | 7,0  | 9,0  |  | 9,5   | 8,8   | 8,6    | 8.2    |              |        | Học giỏi, chăm ngoan                   |
| 24  | Ngô Hoàng Phúc         | 8,0   | 9,0  | 7,0  | 8,0  |  | 8,5   | 6,5   | 7,6    | 7.9    |              |        | Học khá, chăm ngoan                    |
| 25  | Phan Hoàng Phúc        | 9,0   | 10,0 | 8,0  | 10,0 |  | 8,5   | 7,0   | 8,3    | 8.6    |              |        | Học giỏi, chăm ngoan                   |
| 26  | Nguyễn Trung Sang      | 7,0   | 9,0  | 7,0  | 5,0  |  | 5,3   | 6,3   | 6,4    | 6.1    |              |        | Học được, cần phát huy nhiều hơn       |
| 27  | Nguyễn Tấn Tài         | 9,0   | 9,0  | 8,0  | 10,0 |  | 9,3   | 8,8   | 9,0    | 8.9    |              |        | Học giỏi, chăm ngoan, tiếp thu bài tốt |
| 28  | Nguyễn Châu Thanh      | 8,0   | 9,0  | 9,0  | 7,0  |  | 7,8   | 8,3   | 8,2    | 7.9    |              |        | Học giỏi, chăm ngoan                   |
| 29  | Tô Sĩ Thanh            | 8,0   | 8,0  | 8,0  | 9,0  |  | 7,0   | 6,3   | 7,3    | 7.6    |              |        | Học khá, chăm ngoan                    |
| 30  | Phạm Thị Yến Thanh     | 9,0   | 9,0  | 8,0  | 10,0 |  | 7,5   | 8,8   | 8,6    | 8.2    |              |        | Học giỏi, chăm ngoan                   |
| 31  | Tổng Hoàng Thắng       | 7,0   | 8,0  | 7,0  | 7,0  |  | 7,5   | 5,8   | 6,8    | 7.2    |              |        | Học được, cần phát huy nhiều hơn       |
| 32  | Lê Tấn Thiện           | 8,0   | 9,0  | 8,0  | 7,0  |  | 8,0   | 7,8   | 7,9    | 8.1    |              |        | Học khá, chăm ngoan                    |
| 33  | Nguyễn Thị Như Thủy    | 8,0   | 10,0 | 6,0  | 9,0  |  | 7,3   | 7,0   | 7,6    | 8.0    |              |        | Học khá, chăm ngoan                    |
| 34  | Tăng Thị Anh Thư       | 9,0   | 9,0  | 9,0  | 10,0 |  | 8,5   | 8,3   | 8,8    | 8.6    |              |        | Học giỏi, chăm ngoan                   |
| 35  | Võ Thị Cẩm Tiên        | 8,0   | 8,0  | 7,0  | 8,0  |  | 8,0   | 7,0   | 7,6    | 7.6    |              |        | Học khá, chăm ngoan                    |
| 36  | Lê Thị Ngọc Tiên       | 9,0   | 9,0  | 10,0 | 9,0  |  | 9,0   | 8,8   | 9,0    | 8.4    |              |        | Học giỏi, chăm ngoan, tiếp thu bài tốt |
| 37  | Lê Văn Tín             | 8,0   | 9,0  | 8,0  | 8,0  |  | 7,3   | 8,8   | 8,2    | 7.9    |              |        | Học giỏi, chăm ngoan                   |
| 38  | Nguyễn Hoài Bảo Trân   | 9,0   | 8,0  | 10,0 | 10,0 |  | 8,0   | 8,8   | 8,8    | 8.8    |              |        | Học giỏi, chăm ngoan                   |
| 39  | Lê Thanh Triều         | 8,0   | 8,0  | 7,0  | 9,0  |  | 8,0   | 7,8   | 7,9    | 7.6    |              |        | Học khá, chăm ngoan                    |
| 40  | Lê Anh Trọng           | 8,0   | 8,0  | 7,0  | 10,0 |  | 6,5   | 8,5   | 7,9    | 7.4    |              |        | Học khá, chăm ngoan                    |
| 41  | Phạm Thế Trường        | 7,0   | 8,0  | 7,0  | 5,0  |  | 6,0   | 9,3   | 7,4    | 7.2    |              |        | Học khá, chăm ngoan                    |
| 42  | Trần Trí Tuệ           | 6,0   | 9,0  | 6,0  | 7,0  |  | 4,0   | 5,5   | 5,8    | 5.4    |              |        | Cần phát huy nhiều hơn                 |
| 43  | Đào Khải Vy            | 7,0   | 9,0  | 7,0  | 8,0  |  | 8,3   | 4,5   | 6,8    | 7.2    |              |        | Học được, cần phát huy nhiều hơn       |
| 44  | Nguyễn Hoàng Khánh Vy  | 8,0   | 9,0  | 8,0  | 9,0  |  | 7,8   | 8,3   | 8,3    | 8.4    |              |        | Học giỏi, chăm ngoan                   |
| 45  | Ngô Thị Hoàng Yến      | 8,0   | 9,0  | 8,0  | 8,0  |  | 9,3   | 8,0   | 8,4    | 8.0    |              |        | Học giỏi, chăm ngoan                   |
| 46  | Đặng Hồng Yến          |       |      |      |      |  |       |       |        | 6.8    |              |        |                                        |

Giáo viên môn học  
(Ký và ghi rõ họ tên)

Phạm Duy Phương



| <div> <div>Vật lý</div> <div>HỌC KỲ II</div> <div>(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)</div> </div> |                        |       |      |      |  |  |       |        |        |        |              |        |                                 |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|-------|------|------|--|--|-------|--------|--------|--------|--------------|--------|---------------------------------|
| STT                                                                                                                                    | Họ và tên              | ĐDGTx |      |      |  |  | ĐDGGk | ĐDGGck | ĐTBmhk | ĐTBmcn | Đánh giá lại |        | Ghi Chú                         |
|                                                                                                                                        |                        |       |      |      |  |  |       |        |        |        | ĐTBmhkII     | ĐTBmcn |                                 |
| 1                                                                                                                                      | Trần Nguyễn Quỳnh Anh  | 9,0   | 9,0  | 9,0  |  |  | 8,0   | 7,0    | 8,0    | 7.9    |              |        | Chăm ngoan, học giỏi            |
| 2                                                                                                                                      | Nguyễn Tuấn Anh        | 9,0   | 5,0  | 8,0  |  |  | 8,0   | 5,5    | 6,8    | 7.0    |              |        | Chăm ngoan, học khá             |
| 3                                                                                                                                      | Lê Gia Bảo             | 0,0   | 0,0  | 0,0  |  |  | 8,5   | 0,0    | 2,1    | 3.8    |              |        | Chưa đạt, cần cố gắng nhiều hơn |
| 4                                                                                                                                      | Phan Gia Bảo           | 9,0   | 6,0  | 6,0  |  |  | 7,0   | 5,5    | 6,4    | 6.4    |              |        | Học được, ngoan                 |
| 5                                                                                                                                      | Trương Hoài Bảo        | 9,0   | 9,0  | 9,0  |  |  | 8,0   | 7,5    | 8,2    | 8.1    |              |        | Chăm ngoan, học giỏi            |
| 6                                                                                                                                      | Bùi Nguyên Bảo         | 8,0   | 8,0  | 10,0 |  |  | 8,0   | 5,0    | 7,1    | 7.4    |              |        | Chăm ngoan, học khá             |
| 7                                                                                                                                      | Phạm Thanh Bảo         | 7,0   | 9,0  | 8,0  |  |  | 7,5   | 5,5    | 6,9    | 6.9    |              |        | Chăm ngoan, học khá             |
| 8                                                                                                                                      | Cao Ngọc Minh Châu     | 9,0   | 10,0 | 10,0 |  |  | 8,8   | 7,5    | 8,6    | 8.5    |              |        | Chăm ngoan, học giỏi            |
| 9                                                                                                                                      | Nguyễn Thị Mỹ Duyên    | 7,0   | 10,0 | 9,0  |  |  | 8,8   | 9,5    | 9,0    | 8.7    |              |        | Chăm ngoan, học tốt             |
| 10                                                                                                                                     | Lê Vi Đại              | 8,0   | 10,0 | 10,0 |  |  | 7,8   | 5,8    | 7,6    | 7.2    |              |        | Chăm ngoan, học khá             |
| 11                                                                                                                                     | Lê Thị Hồng Hạnh       | 9,0   | 5,0  | 9,0  |  |  | 7,0   | 6,5    | 7,1    | 6.6    |              |        | Chăm ngoan, học khá             |
| 12                                                                                                                                     | Hồ Nhật Hào            | 7,0   | 10,0 | 8,0  |  |  | 7,0   | 4,0    | 6,4    | 5.9    |              |        | Đạt, cần tập trung hơn.         |
| 13                                                                                                                                     | Lê Nguyễn Minh Hằng    | 8,0   | 8,0  | 8,0  |  |  | 7,0   | 4,5    | 6,4    | 6.2    |              |        | Học đạt, ngoan                  |
| 14                                                                                                                                     | Lê Thúy Hằng           | 8,0   | 5,0  | 6,0  |  |  | 7,0   | 7,5    | 6,9    | 6.6    |              |        | Chăm ngoan, học khá             |
| 15                                                                                                                                     | Nguyễn Đăng Khoa       | 8,0   | 7,0  | 9,0  |  |  | 7,0   | 5,0    | 6,6    | 6.2    |              |        | Chăm ngoan, học khá             |
| 16                                                                                                                                     | Đỗ Đình Lâm            | 9,0   | 8,0  | 8,0  |  |  | 7,0   | 5,5    | 6,9    | 6.3    |              |        | Chăm ngoan, học khá             |
| 17                                                                                                                                     | Nguyễn Ngọc Lợi        | 9,0   | 8,0  | 8,0  |  |  | 7,0   | 7,5    | 7,7    | 7.3    |              |        | Chăm ngoan, học khá             |
| 18                                                                                                                                     | Trần Ngọc Xuân Mai     | 8,0   | 7,0  | 8,0  |  |  | 8,0   | 5,8    | 7,1    | 7.0    |              |        | Chăm ngoan, học khá             |
| 19                                                                                                                                     | Nguyễn Hoàng Hồng Ngọc | 9,0   | 9,0  | 10,0 |  |  | 9,0   | 9,3    | 9,2    | 8.5    |              |        | Chăm ngoan, học tốt             |
| 20                                                                                                                                     | Huỳnh Khánh Ngọc       | 9,0   | 9,0  | 9,0  |  |  | 7,0   | 7,0    | 7,8    | 7.1    |              |        | Chăm ngoan, học khá             |
| 21                                                                                                                                     | Huỳnh Thái Nguyên      | 8,0   | 6,0  | 8,0  |  |  | 7,3   | 7,0    | 7,2    | 7.1    |              |        | Chăm ngoan, học khá             |
| 22                                                                                                                                     | Nguyễn Thị Cẩm Nhung   | 10,0  | 8,0  | 10,0 |  |  | 8,3   | 7,3    | 8,3    | 7.6    |              |        | Chăm ngoan, học giỏi            |
| 23                                                                                                                                     | Đinh Thị Quỳnh Như     | 9,0   | 8,0  | 10,0 |  |  | 7,8   | 7,5    | 8,1    | 8.0    |              |        | Chăm ngoan, học giỏi            |
| 24                                                                                                                                     | Ngô Hoàng Phúc         | 10,0  | 8,0  | 10,0 |  |  | 7,0   | 8,5    | 8,4    | 7.9    |              |        | Chăm ngoan, học giỏi            |
| 25                                                                                                                                     | Phan Hoàng Phúc        | 8,0   | 9,0  | 8,0  |  |  | 8,3   | 7,5    | 8,0    | 8.0    |              |        | Chăm ngoan, học giỏi            |
| 26                                                                                                                                     | Nguyễn Trung Sang      | 7,0   | 6,0  | 6,0  |  |  | 7,0   | 4,0    | 5,6    | 6.2    |              |        | Học đạt, ngoan                  |
| 27                                                                                                                                     | Nguyễn Tấn Tài         | 9,0   | 9,0  | 9,0  |  |  | 9,0   | 9,3    | 9,1    | 9.0    |              |        | Chăm ngoan, học tốt             |
| 28                                                                                                                                     | Nguyễn Châu Thanh      | 9,0   | 9,0  | 8,0  |  |  | 7,0   | 7,5    | 7,8    | 7.3    |              |        | Chăm ngoan, học khá             |
| 29                                                                                                                                     | Tô Sĩ Thanh            | 9,0   | 9,0  | 10,0 |  |  | 9,0   | 7,0    | 8,4    | 8.3    |              |        | Chăm ngoan, học giỏi            |
| 30                                                                                                                                     | Phạm Thị Yến Thanh     | 9,0   | 9,0  | 9,0  |  |  | 8,3   | 9,5    | 9,0    | 8.8    |              |        | Chăm ngoan, học tốt             |
| 31                                                                                                                                     | Tổng Hoàng Thắng       | 9,0   | 10,0 | 9,0  |  |  | 7,0   | 4,0    | 6,8    | 6.7    |              |        | Chăm ngoan, học khá             |
| 32                                                                                                                                     | Lê Tấn Thiện           | 8,0   | 9,0  | 8,0  |  |  | 8,3   | 9,3    | 8,7    | 8.4    |              |        | Chăm ngoan, học giỏi            |
| 33                                                                                                                                     | Nguyễn Thị Như Thủy    | 8,0   | 10,0 | 8,0  |  |  | 7,5   | 8,3    | 8,2    | 8.1    |              |        | Chăm ngoan, học giỏi            |
| 34                                                                                                                                     | Tăng Thị Anh Thư       | 9,0   | 10,0 | 9,0  |  |  | 8,5   | 8,5    | 8,8    | 8.8    |              |        | Chăm ngoan, học giỏi            |
| 35                                                                                                                                     | Võ Thị Cẩm Tiên        | 8,0   | 9,0  | 8,0  |  |  | 7,0   | 6,0    | 7,1    | 6.8    |              |        | Chăm ngoan, học khá             |
| 36                                                                                                                                     | Lê Thị Ngọc Tiền       | 8,0   | 9,0  | 9,0  |  |  | 7,5   | 8,8    | 8,4    | 8.3    |              |        | Chăm ngoan, học giỏi            |
| 37                                                                                                                                     | Lê Văn Tín             | 9,0   | 9,0  | 8,0  |  |  | 8,5   | 6,0    | 7,6    | 7.2    |              |        | Chăm ngoan, học khá             |
| 38                                                                                                                                     | Nguyễn Hoài Bảo Trân   | 8,0   | 9,0  | 8,0  |  |  | 8,0   | 9,3    | 8,6    | 8.4    |              |        | Chăm ngoan, học giỏi            |
| 39                                                                                                                                     | Lê Thanh Triều         | 8,0   | 10,0 | 9,0  |  |  | 8,5   | 9,0    | 8,9    | 8.5    |              |        | Chăm ngoan, học giỏi            |
| 40                                                                                                                                     | Lê Anh Trọng           | 8,0   | 8,0  | 8,0  |  |  | 7,0   | 7,0    | 7,4    | 7.1    |              |        | Chăm ngoan, học khá             |
| 41                                                                                                                                     | Phạm Thế Trường        | 9,0   | 9,0  | 9,0  |  |  | 7,0   | 5,0    | 7,0    | 6.9    |              |        | Chăm ngoan, học khá             |
| 42                                                                                                                                     | Trần Trí Tuệ           | 6,0   | 8,0  | 8,0  |  |  | 7,0   | 6,0    | 6,8    | 6.5    |              |        | Chăm ngoan, học khá             |
| 43                                                                                                                                     | Đào Khải Vy            | 9,0   | 7,0  | 9,0  |  |  | 8,0   | 6,5    | 7,6    | 7.7    |              |        | Chăm ngoan, học khá             |
| 44                                                                                                                                     | Nguyễn Hoàng Khánh Vy  | 9,0   | 9,0  | 9,0  |  |  | 7,5   | 6,8    | 7,8    | 7.4    |              |        | Chăm ngoan, học khá             |
| 45                                                                                                                                     | Ngô Thị Hoàng Yến      | 10,0  | 10,0 | 9,0  |  |  | 8,5   | 8,0    | 8,8    | 8.9    |              |        | Chăm ngoan, học giỏi            |
| 46                                                                                                                                     | Đặng Hồng Yến          |       |      |      |  |  |       |        |        | 8.0    |              |        |                                 |

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Trần Tấn Phương

| <div> <div>Học kỳ II</div> <div>Hóa học</div> <div>(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)</div> </div> |                        |       |     |     |  |  |       |        |        |        |              |        |                      |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|-------|-----|-----|--|--|-------|--------|--------|--------|--------------|--------|----------------------|
| STT                                                                                                                                     | Họ và tên              | ĐDGTx |     |     |  |  | ĐDGGk | ĐDGGck | ĐTBmhk | ĐTBmcn | Đánh giá lại |        | Ghi Chú              |
|                                                                                                                                         |                        |       |     |     |  |  |       |        |        |        | ĐTBmhkII     | ĐTBmcn |                      |
| 1                                                                                                                                       | Trần Nguyễn Quỳnh Anh  | 9,0   | 7,0 | 8,0 |  |  | 8,0   | 8,3    | 8,1    | 7.8    |              |        | Học tốt. Chăm, ngoan |
| 2                                                                                                                                       | Nguyễn Tuấn Anh        | 8,0   | 7,0 | 8,0 |  |  | 8,0   | 9,0    | 8,3    | 8.3    |              |        | Học tốt. Chăm, ngoan |
| 3                                                                                                                                       | Lê Gia Bảo             | 5,0   | 6,0 | 6,0 |  |  | 3,0   | 0,0    | 2,9    | 3.9    |              |        | Ngoan. Cần cố gắng   |
| 4                                                                                                                                       | Phan Gia Bảo           | 7,0   | 7,0 | 8,0 |  |  | 6,0   | 6,5    | 6,7    | 6.5    |              |        | Học khá. Chăm, ngoan |
| 5                                                                                                                                       | Trương Hoài Bảo        | 7,0   | 8,0 | 8,0 |  |  | 6,0   | 6,8    | 6,9    | 7.2    |              |        | Học khá. Chăm, ngoan |
| 6                                                                                                                                       | Bùi Nguyễn Bảo         | 8,0   | 8,0 | 8,0 |  |  | 5,0   | 6,5    | 6,7    | 7.1    |              |        | Học khá. Chăm, ngoan |
| 7                                                                                                                                       | Phạm Thanh Bảo         | 9,0   | 8,0 | 8,0 |  |  | 7,3   | 6,5    | 7,4    | 7.4    |              |        | Học khá. Chăm, ngoan |
| 8                                                                                                                                       | Cao Ngọc Minh Châu     | 10,0  | 9,0 | 9,0 |  |  | 9,3   | 8,0    | 8,8    | 8.9    |              |        | Học tốt. Chăm, ngoan |
| 9                                                                                                                                       | Nguyễn Thị Mỹ Duyên    | 7,0   | 8,0 | 8,0 |  |  | 10,0  | 8,8    | 8,7    | 8.4    |              |        | Học tốt. Chăm, ngoan |
| 10                                                                                                                                      | Lê Vi Đại              | 8,0   | 7,0 | 8,0 |  |  | 8,3   | 6,5    | 7,4    | 7.1    |              |        | Học khá. Chăm, ngoan |
| 11                                                                                                                                      | Lê Thị Hồng Hạnh       | 8,0   | 8,0 | 8,0 |  |  | 4,0   | 7,3    | 6,7    | 6.5    |              |        | Học khá. Chăm, ngoan |
| 12                                                                                                                                      | Hồ Nhật Hào            | 7,0   | 7,0 | 7,0 |  |  | 4,0   | 4,0    | 5,1    | 5.3    |              |        | Ngoan. Cần cố gắng   |
| 13                                                                                                                                      | Lê Nguyễn Minh Hằng    | 8,0   | 8,0 | 8,0 |  |  | 5,3   | 5,8    | 6,5    | 6.4    |              |        | Học khá. Chăm, ngoan |
| 14                                                                                                                                      | Lê Thúy Hằng           | 7,0   | 7,0 | 8,0 |  |  | 6,0   | 5,8    | 6,4    | 6.1    |              |        | Ngoan. Cần cố gắng   |
| 15                                                                                                                                      | Nguyễn Đăng Khoa       | 8,0   | 7,0 | 8,0 |  |  | 5,8   | 6,3    | 6,7    | 6.5    |              |        | Học khá. Chăm, ngoan |
| 16                                                                                                                                      | Đỗ Đình Lâm            | 8,0   | 8,0 | 8,0 |  |  | 7,5   | 9,3    | 8,4    | 7.7    |              |        | Học tốt. Chăm, ngoan |
| 17                                                                                                                                      | Nguyễn Ngọc Lợi        | 8,0   | 8,0 | 8,0 |  |  | 6,8   | 7,5    | 7,5    | 7.3    |              |        | Học khá. Chăm, ngoan |
| 18                                                                                                                                      | Trần Ngọc Xuân Mai     | 9,0   | 8,0 | 9,0 |  |  | 6,5   | 7,5    | 7,7    | 7.8    |              |        | Học khá. Chăm, ngoan |
| 19                                                                                                                                      | Nguyễn Hoàng Hồng Ngọc | 8,0   | 8,0 | 8,0 |  |  | 9,0   | 7,5    | 8,1    | 7.8    |              |        | Học tốt. Chăm, ngoan |
| 20                                                                                                                                      | Huỳnh Khánh Ngọc       | 8,0   | 8,0 | 8,0 |  |  | 7,5   | 6,3    | 7,2    | 7.3    |              |        | Học khá. Chăm, ngoan |
| 21                                                                                                                                      | Huỳnh Thái Nguyên      | 9,0   | 8,0 | 9,0 |  |  | 7,0   | 7,8    | 7,9    | 7.2    |              |        | Học khá. Chăm, ngoan |
| 22                                                                                                                                      | Nguyễn Thị Cẩm Nhung   | 8,0   | 8,0 | 8,0 |  |  | 6,8   | 7,8    | 7,6    | 7.3    |              |        | Học khá. Chăm, ngoan |
| 23                                                                                                                                      | Đinh Thị Quỳnh Như     | 9,0   | 8,0 | 8,0 |  |  | 8,0   | 8,3    | 8,2    | 7.9    |              |        | Học tốt. Chăm, ngoan |
| 24                                                                                                                                      | Ngô Hoàng Phúc         | 8,0   | 7,0 | 8,0 |  |  | 6,3   | 6,5    | 6,9    | 7.0    |              |        | Ngoan. Cần cố gắng   |
| 25                                                                                                                                      | Phan Hoàng Phúc        | 9,0   | 7,0 | 8,0 |  |  | 7,5   | 8,8    | 8,2    | 8.4    |              |        | Học tốt. Chăm, ngoan |
| 26                                                                                                                                      | Nguyễn Trung Sang      | 7,0   | 7,0 | 8,0 |  |  | 4,0   | 5,3    | 5,7    | 5.7    |              |        | Ngoan. Cần cố gắng   |
| 27                                                                                                                                      | Nguyễn Tấn Tài         | 10,0  | 9,0 | 9,0 |  |  | 9,3   | 9,5    | 9,4    | 9.1    |              |        | Học tốt. Chăm, ngoan |
| 28                                                                                                                                      | Nguyễn Châu Thanh      | 7,0   | 7,0 | 8,0 |  |  | 7,3   | 7,8    | 7,5    | 7.3    |              |        | Học khá. Chăm, ngoan |
| 29                                                                                                                                      | Tô Sĩ Thanh            | 9,0   | 8,0 | 8,0 |  |  | 8,3   | 8,0    | 8,2    | 8.1    |              |        | Học tốt. Chăm, ngoan |
| 30                                                                                                                                      | Phạm Thị Yến Thanh     | 8,0   | 8,0 | 8,0 |  |  | 9,3   | 9,5    | 8,9    | 8.7    |              |        | Học tốt. Chăm, ngoan |
| 31                                                                                                                                      | Tổng Hoàng Thắng       | 7,0   | 7,0 | 8,0 |  |  | 6,0   | 6,3    | 6,6    | 6.7    |              |        | Học khá. Chăm, ngoan |
| 32                                                                                                                                      | Lê Tấn Thiện           | 8,0   | 8,0 | 8,0 |  |  | 9,0   | 8,8    | 8,6    | 8.5    |              |        | Học tốt. Chăm, ngoan |
| 33                                                                                                                                      | Nguyễn Thị Như Thùy    | 9,0   | 8,0 | 8,0 |  |  | 7,5   | 6,8    | 7,6    | 7.8    |              |        | Học khá. Chăm, ngoan |
| 34                                                                                                                                      | Tăng Thị Anh Thư       | 7,0   | 8,0 | 8,0 |  |  | 8,3   | 8,8    | 8,3    | 8.2    |              |        | Học tốt. Chăm, ngoan |
| 35                                                                                                                                      | Võ Thị Cẩm Tiên        | 7,0   | 8,0 | 8,0 |  |  | 6,8   | 6,5    | 7,0    | 6.7    |              |        | Học khá. Chăm, ngoan |
| 36                                                                                                                                      | Lê Thị Ngọc Tiên       | 8,0   | 8,0 | 8,0 |  |  | 9,5   | 8,0    | 8,4    | 8.6    |              |        | Học tốt. Chăm, ngoan |
| 37                                                                                                                                      | Lê Văn Tín             | 8,0   | 7,0 | 8,0 |  |  | 7,8   | 7,3    | 7,6    | 7.6    |              |        | Học khá. Chăm, ngoan |
| 38                                                                                                                                      | Nguyễn Hoài Bảo Trân   | 9,0   | 8,0 | 8,0 |  |  | 8,8   | 8,5    | 8,5    | 8.1    |              |        | Học tốt. Chăm, ngoan |
| 39                                                                                                                                      | Lê Thanh Triều         | 9,0   | 8,0 | 9,0 |  |  | 8,8   | 9,0    | 8,8    | 8.7    |              |        | Học tốt. Chăm, ngoan |
| 40                                                                                                                                      | Lê Anh Trọng           | 7,0   | 8,0 | 8,0 |  |  | 6,5   | 7,5    | 7,3    | 7.0    |              |        | Học khá. Chăm, ngoan |
| 41                                                                                                                                      | Phạm Thế Trường        | 8,0   | 7,0 | 8,0 |  |  | 7,3   | 7,3    | 7,4    | 6.9    |              |        | Học khá. Chăm, ngoan |
| 42                                                                                                                                      | Trần Trí Tuệ           | 7,0   | 7,0 | 8,0 |  |  | 6,3   | 6,3    | 6,7    | 6.4    |              |        | Học khá. Chăm, ngoan |
| 43                                                                                                                                      | Đào Khải Vy            | 8,0   | 8,0 | 8,0 |  |  | 8,3   | 9,5    | 8,6    | 8.3    |              |        | Học tốt. Chăm, ngoan |
| 44                                                                                                                                      | Nguyễn Hoàng Khánh Vy  | 10,0  | 8,0 | 8,0 |  |  | 8,8   | 7,0    | 8,1    | 7.7    |              |        | Học tốt. Chăm, ngoan |
| 45                                                                                                                                      | Ngô Thị Hoàng Yến      | 9,0   | 8,0 | 8,0 |  |  | 8,8   | 8,0    | 8,3    | 8.4    |              |        | Học tốt. Chăm, ngoan |
| 46                                                                                                                                      | Đặng Hồng Yến          |       |     |     |  |  |       |        |        | 8.2    |              |        |                      |

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ung Nguyễn Thị Thùy Dương

| HỌC KỲ II                                                                       |                        |       |      |     |     |     |       |        |        |        |              |        |                                   |  |
|---------------------------------------------------------------------------------|------------------------|-------|------|-----|-----|-----|-------|--------|--------|--------|--------------|--------|-----------------------------------|--|
| Ngữ văn (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số) |                        |       |      |     |     |     |       |        |        |        |              |        |                                   |  |
| STT                                                                             | Họ và tên              | ĐDGTx |      |     |     |     | ĐDGGk | ĐDGGck | ĐTBmhk | ĐTBmcn | Đánh giá lại |        | Ghi Chú                           |  |
|                                                                                 |                        |       |      |     |     |     |       |        |        |        | ĐTBmhkII     | ĐTBmcn |                                   |  |
| 1                                                                               | Trần Nguyễn Quỳnh Anh  | 7,0   | 8,0  | 9,0 | 7,0 | 7,0 | 6,0   | 5,0    | 6,5    | 6.2    |              |        | Học khá                           |  |
| 2                                                                               | Nguyễn Tuấn Anh        | 10,0  | 10,0 | 8,0 | 7,0 | 8,0 | 6,5   | 5,0    | 7,1    | 6.9    |              |        | Học khá                           |  |
| 3                                                                               | Lê Gia Bảo             | 9,0   | 8,0  | 4,0 | 8,0 | 7,0 | 5,5   | 5,0    | 6,2    | 6.5    |              |        | Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ |  |
| 4                                                                               | Phan Gia Bảo           | 7,0   | 7,0  | 8,0 | 8,0 | 8,0 | 6,0   | 5,0    | 6,5    | 6.5    |              |        | Học khá                           |  |
| 5                                                                               | Trương Hoài Bảo        | 10,0  | 8,0  | 8,0 | 8,0 | 8,0 | 5,5   | 4,5    | 6,7    | 6.6    |              |        | Học khá                           |  |
| 6                                                                               | Bùi Nguyễn Bảo         | 9,0   | 10,0 | 6,0 | 8,0 | 7,0 | 7,5   | 6,5    | 7,5    | 7.4    |              |        | Học khá                           |  |
| 7                                                                               | Phạm Thanh Bảo         | 10,0  | 9,0  | 5,0 | 9,0 | 7,0 | 5,5   | 4,5    | 6,5    | 6.6    |              |        | Học khá                           |  |
| 8                                                                               | Cao Ngọc Minh Châu     | 10,0  | 10,0 | 9,0 | 9,0 | 8,0 | 6,5   | 6,0    | 7,7    | 7.4    |              |        | Học khá                           |  |
| 9                                                                               | Nguyễn Thị Mỹ Duyên    | 7,0   | 8,0  | 7,0 | 8,0 | 8,0 | 5,5   | 4,5    | 6,3    | 6.3    |              |        | Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ |  |
| 10                                                                              | Lê Vi Đại              | 7,0   | 5,0  | 7,0 | 7,0 | 8,0 | 4,5   | 5,0    | 5,8    | 5.6    |              |        | Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ |  |
| 11                                                                              | Lê Thị Hồng Hạnh       | 7,0   | 7,0  | 7,0 | 9,0 | 8,0 | 3,5   | 5,0    | 6,0    | 5.7    |              |        | Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ |  |
| 12                                                                              | Hồ Nhật Hào            | 5,0   | 2,0  | 4,0 | 9,0 | 6,0 | 3,0   | 4,0    | 4,4    | 4.7    |              |        | Cần cố gắng hơn                   |  |
| 13                                                                              | Lê Nguyễn Minh Hằng    | 10,0  | 9,0  | 7,0 | 9,0 | 8,0 | 5,0   | 5,0    | 6,8    | 6.7    |              |        | Học khá                           |  |
| 14                                                                              | Lê Thúy Hằng           | 8,0   | 6,0  | 7,0 | 9,0 | 6,0 | 4,5   | 5,0    | 6,0    | 5.8    |              |        | Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ |  |
| 15                                                                              | Nguyễn Đăng Khoa       | 8,0   | 10,0 | 5,0 | 7,0 | 8,0 | 6,0   | 5,5    | 6,7    | 6.6    |              |        | Học khá                           |  |
| 16                                                                              | Đỗ Đình Lâm            | 9,0   | 9,0  | 8,0 | 8,0 | 8,0 | 7,5   | 6,5    | 7,7    | 7.0    |              |        | Học khá                           |  |
| 17                                                                              | Nguyễn Ngọc Lợi        | 6,0   | 8,0  | 7,0 | 8,0 | 7,0 | 5,0   | 5,5    | 6,3    | 6.2    |              |        | Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ |  |
| 18                                                                              | Trần Ngọc Xuân Mai     | 7,0   | 7,0  | 8,0 | 8,0 | 8,0 | 6,5   | 4,5    | 6,5    | 6.2    |              |        | Học khá                           |  |
| 19                                                                              | Nguyễn Hoàng Hồng Ngọc | 8,0   | 8,0  | 8,0 | 7,0 | 8,0 | 7,0   | 7,0    | 7,4    | 7.4    |              |        | Học khá                           |  |
| 20                                                                              | Huỳnh Khánh Ngọc       | 7,0   | 8,0  | 7,0 | 8,0 | 8,0 | 6,5   | 7,5    | 7,4    | 7.1    |              |        | Học khá                           |  |
| 21                                                                              | Huỳnh Thái Nguyên      | 7,0   | 7,0  | 6,0 | 8,0 | 6,0 | 5,5   | 4,5    | 5,9    | 5.9    |              |        | Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ |  |
| 22                                                                              | Nguyễn Thị Cẩm Nhung   | 10,0  | 9,0  | 7,0 | 8,0 | 8,0 | 7,0   | 5,0    | 7,1    | 7.0    |              |        | Học khá                           |  |
| 23                                                                              | Đinh Thị Quỳnh Như     | 7,0   | 7,0  | 9,0 | 8,0 | 7,0 | 5,0   | 4,5    | 6,2    | 5.8    |              |        | Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ |  |
| 24                                                                              | Ngô Hoàng Phúc         | 7,0   | 10,0 | 7,0 | 8,0 | 6,0 | 5,5   | 5,5    | 6,6    | 6.8    |              |        | Học khá                           |  |
| 25                                                                              | Phan Hoàng Phúc        | 7,0   | 9,0  | 8,0 | 9,0 | 6,0 | 6,5   | 4,5    | 6,6    | 6.6    |              |        | Học khá                           |  |
| 26                                                                              | Nguyễn Trung Sang      | 7,0   | 5,0  | 6,0 | 9,0 | 7,0 | 3,0   | 4,0    | 5,2    | 5.3    |              |        | Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ |  |
| 27                                                                              | Nguyễn Tấn Tài         | 10,0  | 10,0 | 9,0 | 9,0 | 8,0 | 7,5   | 6,5    | 8,1    | 7.9    |              |        | Học khá                           |  |
| 28                                                                              | Nguyễn Châu Thanh      | 10,0  | 9,0  | 7,0 | 8,0 | 8,0 | 7,0   | 7,0    | 7,7    | 7.4    |              |        | Học khá                           |  |
| 29                                                                              | Tô Sĩ Thanh            | 8,0   | 10,0 | 7,0 | 9,0 | 8,0 | 5,0   | 4,5    | 6,6    | 6.4    |              |        | Học khá                           |  |
| 30                                                                              | Phạm Thị Yến Thanh     | 9,0   | 10,0 | 9,0 | 8,0 | 8,0 | 6,5   | 6,1    | 7,5    | 7.3    |              |        | Học khá                           |  |
| 31                                                                              | Tổng Hoàng Thắng       | 6,0   | 6,0  | 6,0 | 8,0 | 7,0 | 5,5   | 4,0    | 5,6    | 5.6    |              |        | Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ |  |
| 32                                                                              | Lê Tấn Thiện           | 10,0  | 10,0 | 8,0 | 8,0 | 8,0 | 6,5   | 6,5    | 7,7    | 7.7    |              |        | Học khá                           |  |
| 33                                                                              | Nguyễn Thị Như Thủy    | 10,0  | 10,0 | 8,0 | 9,0 | 8,0 | 6,5   | 6,0    | 7,6    | 7.2    |              |        | Học khá                           |  |
| 34                                                                              | Tăng Thị Anh Thư       | 7,0   | 10,0 | 9,0 | 8,0 | 8,0 | 6,5   | 7,0    | 7,6    | 7.3    |              |        | Học khá                           |  |
| 35                                                                              | Võ Thị Cẩm Tiên        | 9,0   | 10,0 | 7,0 | 9,0 | 8,0 | 5,5   | 5,5    | 7,1    | 6.8    |              |        | Học khá                           |  |
| 36                                                                              | Lê Thị Ngọc Tiền       | 8,0   | 8,0  | 8,0 | 9,0 | 7,0 | 5,0   | 5,5    | 6,7    | 6.6    |              |        | Học khá                           |  |
| 37                                                                              | Lê Văn Tín             | 10,0  | 9,0  | 9,0 | 9,0 | 8,0 | 7,5   | 5,5    | 7,7    | 7.5    |              |        | Học khá                           |  |
| 38                                                                              | Nguyễn Hoài Bảo Trân   | 8,0   | 10,0 | 8,0 | 8,0 | 8,0 | 8,0   | 5,0    | 7,3    | 7.2    |              |        | Học khá                           |  |
| 39                                                                              | Lê Thanh Triều         | 9,0   | 10,0 | 7,0 | 7,0 | 7,0 | 6,0   | 5,0    | 6,7    | 6.5    |              |        | Học khá                           |  |
| 40                                                                              | Lê Anh Trọng           | 8,0   | 10,0 | 8,0 | 8,0 | 7,0 | 5,5   | 5,0    | 6,7    | 6.2    |              |        | Học khá                           |  |
| 41                                                                              | Phạm Thế Trường        | 6,0   | 7,0  | 6,0 | 8,0 | 7,0 | 5,0   | 5,0    | 5,9    | 5.8    |              |        | Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ |  |
| 42                                                                              | Trần Trí Tuệ           | 8,0   | 10,0 | 8,0 | 9,0 | 8,0 | 4,0   | 5,5    | 6,8    | 6.3    |              |        | Học khá                           |  |
| 43                                                                              | Đào Khải Vy            | 8,0   | 7,0  | 9,0 | 8,0 | 8,0 | 5,5   | 6,5    | 7,1    | 7.2    |              |        | Học khá                           |  |
| 44                                                                              | Nguyễn Hoàng Khánh Vy  | 7,0   | 7,0  | 8,0 | 9,0 | 8,0 | 7,0   | 6,5    | 7,3    | 7.2    |              |        | Học khá                           |  |
| 45                                                                              | Ngô Thị Hoàng Yến      | 10,0  | 10,0 | 8,0 | 8,0 | 8,0 | 6,0   | 7,0    | 7,7    | 7.6    |              |        | Học khá                           |  |
| 46                                                                              | Đặng Hồng Yến          |       |      |     |     |     |       |        |        | 7.9    |              |        |                                   |  |

**Giáo viên môn học**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Nguyễn Thị Hồng Vân**

| <div> <div>HỌC KỲ II</div> <div> <div>Lịch sử</div> <div>(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)</div> </div> </div> |                        |       |      |      |      |  |       |        |        |        |              |        |                     |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|-------|------|------|------|--|-------|--------|--------|--------|--------------|--------|---------------------|
| STT                                                                                                                                                  | Họ và tên              | ĐDGTx |      |      |      |  | ĐDGGk | ĐDGGck | ĐTBmhk | ĐTBmcn | Đánh giá lại |        | Ghi Chú             |
|                                                                                                                                                      |                        |       |      |      |      |  |       |        |        |        | ĐTBmhkII     | ĐTBmcn |                     |
| 1                                                                                                                                                    | Trần Nguyễn Quỳnh Anh  | 8,0   | 8,0  | 9,0  | 7,0  |  | 7,0   | 9,5    | 8,3    | 8.3    |              |        | Học tốt, chăm ngoan |
| 2                                                                                                                                                    | Nguyễn Tuấn Anh        | 7,0   | 9,0  | 9,0  | 7,0  |  | 8,5   | 6,0    | 7,4    | 6.9    |              |        | Học khá             |
| 3                                                                                                                                                    | Lê Gia Bảo             | 7,0   | 7,0  | 9,0  | 9,0  |  | 7,8   | 0,0    | 5,3    | 6.5    |              |        | Cần cố gắng hơn     |
| 4                                                                                                                                                    | Phan Gia Bảo           | 6,0   | 8,0  | 9,0  | 10,0 |  | 5,5   | 7,3    | 7,3    | 7.3    |              |        | Học khá             |
| 5                                                                                                                                                    | Trương Hoài Bảo        | 6,0   | 6,0  | 8,0  | 9,0  |  | 10,0  | 9,5    | 8,6    | 8.7    |              |        | Học tốt, chăm ngoan |
| 6                                                                                                                                                    | Bùi Nguyên Bảo         | 8,0   | 7,0  | 8,0  | 9,0  |  | 7,8   | 8,5    | 8,1    | 8.5    |              |        | Học tốt, chăm ngoan |
| 7                                                                                                                                                    | Phạm Thanh Bảo         | 9,0   | 9,0  | 9,0  | 9,0  |  | 6,5   | 9,0    | 8,4    | 8.5    |              |        | Học tốt, chăm ngoan |
| 8                                                                                                                                                    | Cao Ngọc Minh Châu     | 8,0   | 8,0  | 10,0 | 9,0  |  | 6,5   | 9,8    | 8,6    | 8.6    |              |        | Học tốt, chăm ngoan |
| 9                                                                                                                                                    | Nguyễn Thị Mỹ Duyên    | 7,0   | 9,0  | 10,0 | 9,0  |  | 8,8   | 9,8    | 9,1    | 9.0    |              |        | Học tốt, chăm ngoan |
| 10                                                                                                                                                   | Lê Vi Đại              | 6,0   | 8,0  | 9,0  | 9,0  |  | 4,8   | 7,8    | 7,2    | 7.3    |              |        | Học khá             |
| 11                                                                                                                                                   | Lê Thị Hồng Hạnh       | 8,0   | 7,0  | 7,0  | 9,0  |  | 3,8   | 6,8    | 6,6    | 6.4    |              |        | Cần cố gắng hơn     |
| 12                                                                                                                                                   | Hồ Nhật Hào            | 1,0   | 8,0  | 7,0  | 9,0  |  | 6,0   | 6,0    | 6,1    | 6.1    |              |        | Cần cố gắng hơn     |
| 13                                                                                                                                                   | Lê Nguyễn Minh Hằng    | 6,0   | 9,0  | 10,0 | 9,0  |  | 7,3   | 7,0    | 7,7    | 6.8    |              |        | Học khá             |
| 14                                                                                                                                                   | Lê Thúy Hằng           | 8,0   | 7,0  | 6,0  | 9,0  |  | 5,8   | 8,8    | 7,6    | 6.8    |              |        | Học khá             |
| 15                                                                                                                                                   | Nguyễn Đăng Khoa       | 7,0   | 9,0  | 8,0  | 9,0  |  | 7,0   | 9,8    | 8,5    | 8.2    |              |        | Học tốt, chăm ngoan |
| 16                                                                                                                                                   | Đỗ Đình Lâm            | 8,0   | 8,0  | 10,0 | 10,0 |  | 6,0   | 9,5    | 8,5    | 8.5    |              |        | Học tốt, chăm ngoan |
| 17                                                                                                                                                   | Nguyễn Ngọc Lợi        | 8,0   | 8,0  | 7,0  | 9,0  |  | 7,3   | 7,5    | 7,7    | 7.8    |              |        | Học khá             |
| 18                                                                                                                                                   | Trần Ngọc Xuân Mai     | 8,0   | 7,0  | 9,0  | 10,0 |  | 5,5   | 9,8    | 8,3    | 7.7    |              |        | Học tốt, chăm ngoan |
| 19                                                                                                                                                   | Nguyễn Hoàng Hồng Ngọc | 8,0   | 9,0  | 8,0  | 9,0  |  | 8,8   | 9,3    | 8,8    | 8.6    |              |        | Học tốt, chăm ngoan |
| 20                                                                                                                                                   | Huỳnh Khánh Ngọc       | 7,0   | 7,0  | 7,0  | 9,0  |  | 8,8   | 9,3    | 8,4    | 8.2    |              |        | Học tốt, chăm ngoan |
| 21                                                                                                                                                   | Huỳnh Thái Nguyên      | 8,0   | 8,0  | 7,0  | 10,0 |  | 5,8   | 9,0    | 8,0    | 7.9    |              |        | Học tốt, chăm ngoan |
| 22                                                                                                                                                   | Nguyễn Thị Cẩm Nhung   | 8,0   | 9,0  | 8,0  | 9,0  |  | 6,3   | 8,5    | 8,0    | 8.3    |              |        | Học tốt, chăm ngoan |
| 23                                                                                                                                                   | Đinh Thị Quỳnh Như     | 8,0   | 7,0  | 10,0 | 9,0  |  | 8,3   | 9,5    | 8,8    | 8.7    |              |        | Học tốt, chăm ngoan |
| 24                                                                                                                                                   | Ngô Hoàng Phúc         | 8,0   | 9,0  | 9,0  | 9,0  |  | 6,0   | 9,0    | 8,2    | 8.2    |              |        | Học tốt, chăm ngoan |
| 25                                                                                                                                                   | Phan Hoàng Phúc        | 8,0   | 8,0  | 9,0  | 9,0  |  | 4,8   | 8,8    | 7,8    | 7.9    |              |        | Học khá             |
| 26                                                                                                                                                   | Nguyễn Trung Sang      | 7,0   | 6,0  | 7,0  | 9,0  |  | 6,5   | 6,3    | 6,8    | 6.9    |              |        | Cần cố gắng hơn     |
| 27                                                                                                                                                   | Nguyễn Tấn Tài         | 9,0   | 10,0 | 9,0  | 9,0  |  | 8,8   | 9,0    | 9,1    | 8.8    |              |        | Học tốt, chăm ngoan |
| 28                                                                                                                                                   | Nguyễn Châu Thanh      | 8,0   | 9,0  | 9,0  | 9,0  |  | 6,3   | 8,8    | 8,2    | 8.5    |              |        | Học tốt, chăm ngoan |
| 29                                                                                                                                                   | Tô Sĩ Thanh            | 7,0   | 8,0  | 8,0  | 9,0  |  | 5,8   | 9,8    | 8,1    | 8.2    |              |        | Học tốt, chăm ngoan |
| 30                                                                                                                                                   | Phạm Thị Yến Thanh     | 8,0   | 10,0 | 10,0 | 10,0 |  | 6,5   | 9,3    | 8,8    | 8.9    |              |        | Học tốt, chăm ngoan |
| 31                                                                                                                                                   | Tổng Hoàng Thắng       | 8,0   | 8,0  | 9,0  | 9,0  |  | 7,5   | 9,0    | 8,4    | 8.3    |              |        | Học tốt, chăm ngoan |
| 32                                                                                                                                                   | Lê Tấn Thiện           | 7,0   | 9,0  | 8,0  | 9,0  |  | 8,5   | 9,3    | 8,7    | 8.8    |              |        | Học tốt, chăm ngoan |
| 33                                                                                                                                                   | Nguyễn Thị Như Thủy    | 8,0   | 8,0  | 10,0 | 9,0  |  | 8,5   | 9,0    | 8,8    | 8.7    |              |        | Học tốt, chăm ngoan |
| 34                                                                                                                                                   | Tăng Thị Anh Thư       | 8,0   | 10,0 | 7,0  | 10,0 |  | 7,0   | 9,3    | 8,5    | 8.7    |              |        | Học tốt, chăm ngoan |
| 35                                                                                                                                                   | Vô Thị Cẩm Tiên        | 8,0   | 10,0 | 8,0  | 9,0  |  | 7,8   | 9,8    | 8,9    | 8.8    |              |        | Học tốt, chăm ngoan |
| 36                                                                                                                                                   | Lê Thị Ngọc Tiên       | 8,0   | 9,0  | 10,0 | 6,0  |  | 5,8   | 9,8    | 8,2    | 8.2    |              |        | Học tốt, chăm ngoan |
| 37                                                                                                                                                   | Lê Văn Tín             | 9,0   | 10,0 | 8,0  | 9,0  |  | 7,0   | 8,8    | 8,5    | 8.7    |              |        | Học tốt, chăm ngoan |
| 38                                                                                                                                                   | Nguyễn Hoài Bảo Trân   | 8,0   | 10,0 | 10,0 | 9,0  |  | 7,5   | 8,5    | 8,6    | 8.6    |              |        | Học tốt, chăm ngoan |
| 39                                                                                                                                                   | Lê Thanh Triều         | 9,0   | 8,0  | 9,0  | 6,0  |  | 5,8   | 9,3    | 7,9    | 7.6    |              |        | Học khá             |
| 40                                                                                                                                                   | Lê Anh Trọng           | 8,0   | 8,0  | 8,0  | 9,0  |  | 6,3   | 9,5    | 8,2    | 8.2    |              |        | Học tốt, chăm ngoan |
| 41                                                                                                                                                   | Phạm Thế Trường        | 7,0   | 8,0  | 8,0  | 9,0  |  | 5,0   | 8,8    | 7,6    | 7.9    |              |        | Học khá             |
| 42                                                                                                                                                   | Trần Trí Tuệ           | 7,0   | 9,0  | 8,0  | 9,0  |  | 7,5   | 9,8    | 8,6    | 8.3    |              |        | Học tốt, chăm ngoan |
| 43                                                                                                                                                   | Đào Khải Vy            | 7,0   | 8,0  | 10,0 | 9,0  |  | 9,3   | 8,8    | 8,8    | 8.7    |              |        | Học tốt, chăm ngoan |
| 44                                                                                                                                                   | Nguyễn Hoàng Khánh Vy  | 8,0   | 10,0 | 9,0  | 9,0  |  | 6,5   | 9,8    | 8,7    | 8.6    |              |        | Học tốt, chăm ngoan |
| 45                                                                                                                                                   | Ngô Thị Hoàng Yến      | 8,0   | 10,0 | 8,0  | 10,0 |  | 7,5   | 9,0    | 8,7    | 8.8    |              |        | Học tốt, chăm ngoan |
| 46                                                                                                                                                   | Đặng Hồng Yến          |       |      |      |      |  |       |        |        | 8.7    |              |        |                     |

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Văn Trọng Trí, Phạm Thị Ngọc Diệu

| HỌC KỲ II                                                                      |                        |       |      |      |  |  |       |       |        |        |              |        |                                        |  |
|--------------------------------------------------------------------------------|------------------------|-------|------|------|--|--|-------|-------|--------|--------|--------------|--------|----------------------------------------|--|
| Địa Lý (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số) |                        |       |      |      |  |  |       |       |        |        |              |        |                                        |  |
| STT                                                                            | Họ và tên              | ĐĐGtx |      |      |  |  | ĐĐGgk | ĐĐGck | ĐTBmhk | ĐTBmcn | Đánh giá lại |        | Ghi Chú                                |  |
|                                                                                |                        |       |      |      |  |  |       |       |        |        | ĐTBmhkII     | ĐTBmcn |                                        |  |
| 1                                                                              | Trần Nguyễn Quỳnh Anh  | 7,0   | 9,0  | 6,0  |  |  | 7,5   | 5,5   | 6,7    | 6.7    |              |        | Chăm ngoan, học khá                    |  |
| 2                                                                              | Nguyễn Tuấn Anh        | 6,0   | 8,0  | 5,0  |  |  | 7,0   | 7,0   | 6,8    | 7.1    |              |        | Chăm ngoan, học khá                    |  |
| 3                                                                              | Lê Gia Bảo             | 2,0   | 6,0  | 2,0  |  |  | 7,0   | 6,0   | 5,3    | 5.5    |              |        | Cần cố gắng trong học tập              |  |
| 4                                                                              | Phan Gia Bảo           | 3,0   | 9,0  | 8,0  |  |  | 6,0   | 4,5   | 5,7    | 5.5    |              |        | Cần cố gắng trong học tập              |  |
| 5                                                                              | Trương Hoài Bảo        | 8,0   | 10,0 | 3,0  |  |  | 9,0   | 7,5   | 7,7    | 7.7    |              |        | Chăm ngoan, học khá                    |  |
| 6                                                                              | Bùi Nguyên Bảo         | 7,0   | 6,0  | 8,0  |  |  | 8,0   | 6,5   | 7,1    | 7.3    |              |        | Chăm ngoan, học khá                    |  |
| 7                                                                              | Phạm Thanh Bảo         | 7,0   | 6,0  | 10,0 |  |  | 6,5   | 5,5   | 6,6    | 6.8    |              |        | Chăm ngoan, học khá                    |  |
| 8                                                                              | Cao Ngọc Minh Châu     | 10,0  | 10,0 | 10,0 |  |  | 9,5   | 8,0   | 9,1    | 8.5    |              |        | Chăm ngoan, học tốt, có ý thức học tập |  |
| 9                                                                              | Nguyễn Thị Mỹ Duyên    | 6,0   | 7,0  | 8,0  |  |  | 8,0   | 7,0   | 7,3    | 7.1    |              |        | Chăm ngoan, học khá                    |  |
| 10                                                                             | Lê Vi Đại              | 2,0   | 8,0  | 4,0  |  |  | 6,5   | 5,0   | 5,3    | 5.6    |              |        | Cần cố gắng trong học tập              |  |
| 11                                                                             | Lê Thị Hồng Hạnh       | 7,0   | 7,0  | 8,0  |  |  | 6,0   | 3,0   | 5,4    | 5.4    |              |        | Cần cố gắng trong học tập              |  |
| 12                                                                             | Hồ Nhật Hào            | 2,0   | 6,0  | 2,0  |  |  | 3,5   | 4,0   | 3,6    | 3.9    |              |        | Cần cố gắng trong học tập              |  |
| 13                                                                             | Lê Nguyễn Minh Hằng    | 8,0   | 8,0  | 3,0  |  |  | 7,0   | 2,0   | 4,9    | 5.1    |              |        | Cần cố gắng trong học tập              |  |
| 14                                                                             | Lê Thúy Hằng           | 2,0   | 7,0  | 8,0  |  |  | 2,5   | 4,0   | 4,3    | 4.7    |              |        | Cần cố gắng trong học tập              |  |
| 15                                                                             | Nguyễn Đăng Khoa       | 7,0   | 8,0  | 9,0  |  |  | 6,5   | 5,5   | 6,7    | 6.2    |              |        | Chăm ngoan, học khá                    |  |
| 16                                                                             | Đỗ Đình Lâm            | 9,0   | 8,0  | 5,0  |  |  | 3,0   | 6,5   | 5,9    | 5.3    |              |        | Cần cố gắng trong học tập              |  |
| 17                                                                             | Nguyễn Ngọc Lợi        | 7,0   | 3,0  | 10,0 |  |  | 6,5   | 5,5   | 6,2    | 6.1    |              |        | Cần cố gắng trong học tập              |  |
| 18                                                                             | Trần Ngọc Xuân Mai     | 10,0  | 9,0  | 10,0 |  |  | 9,5   | 7,5   | 8,8    | 7.9    |              |        | Chăm ngoan, học tốt, có ý thức học tập |  |
| 19                                                                             | Nguyễn Hoàng Hồng Ngọc | 6,0   | 8,0  | 7,0  |  |  | 10,0  | 7,0   | 7,8    | 7.5    |              |        | Chăm ngoan, học khá                    |  |
| 20                                                                             | Huỳnh Khánh Ngọc       | 2,0   | 6,0  | 8,0  |  |  | 8,0   | 6,0   | 6,3    | 6.4    |              |        | Cần cố gắng trong học tập              |  |
| 21                                                                             | Huỳnh Thái Nguyên      | 6,0   | 5,0  | 10,0 |  |  | 5,5   | 5,5   | 6,1    | 6.3    |              |        | Cần cố gắng trong học tập              |  |
| 22                                                                             | Nguyễn Thị Cẩm Nhung   | 8,0   | 6,0  | 10,0 |  |  | 8,5   | 5,0   | 7,0    | 6.9    |              |        | Chăm ngoan, học khá                    |  |
| 23                                                                             | Đinh Thị Quỳnh Như     | 2,0   | 10,0 | 7,0  |  |  | 8,5   | 5,0   | 6,4    | 6.3    |              |        | Cần cố gắng trong học tập              |  |
| 24                                                                             | Ngô Hoàng Phúc         | 7,0   | 10,0 | 7,0  |  |  | 8,0   | 6,5   | 7,4    | 7.6    |              |        | Chăm ngoan, học khá                    |  |
| 25                                                                             | Phan Hoàng Phúc        | 7,0   | 10,0 | 8,0  |  |  | 9,0   | 7,5   | 8,2    | 7.6    |              |        | Chăm ngoan, học tốt                    |  |
| 26                                                                             | Nguyễn Trung Sang      | 5,0   | 8,0  | 5,0  |  |  | 7,0   | 6,0   | 6,3    | 6.7    |              |        | Cần cố gắng trong học tập              |  |
| 27                                                                             | Nguyễn Tấn Tài         | 9,0   | 10,0 | 9,0  |  |  | 10,0  | 8,0   | 9,0    | 8.8    |              |        | Chăm ngoan, học tốt, có ý thức học tập |  |
| 28                                                                             | Nguyễn Châu Thanh      | 7,0   | 7,0  | 9,0  |  |  | 6,0   | 5,0   | 6,3    | 6.6    |              |        | Cần cố gắng trong học tập              |  |
| 29                                                                             | Tô Sĩ Thanh            | 8,0   | 10,0 | 9,0  |  |  | 7,5   | 8,5   | 8,4    | 7.5    |              |        | Chăm ngoan, học tốt                    |  |
| 30                                                                             | Phạm Thị Yến Thanh     | 7,0   | 9,0  | 8,0  |  |  | 9,0   | 8,5   | 8,4    | 8.0    |              |        | Chăm ngoan, học tốt                    |  |
| 31                                                                             | Tổng Hoàng Thắng       | 7,0   | 9,0  | 6,0  |  |  | 9,0   | 4,0   | 6,5    | 6.0    |              |        | Chăm ngoan, học khá                    |  |
| 32                                                                             | Lê Tấn Thiện           | 9,0   | 10,0 | 10,0 |  |  | 10,0  | 9,0   | 9,5    | 9.1    |              |        | Chăm ngoan, học tốt, có ý thức học tập |  |
| 33                                                                             | Nguyễn Thị Như Thủy    | 10,0  | 10,0 | 7,0  |  |  | 8,0   | 7,5   | 8,2    | 7.9    |              |        | Chăm ngoan, học tốt                    |  |
| 34                                                                             | Tăng Thị Anh Thư       | 10,0  | 9,0  | 8,0  |  |  | 9,0   | 9,5   | 9,2    | 8.7    |              |        | Chăm ngoan, học tốt, có ý thức học tập |  |
| 35                                                                             | Vô Thị Cẩm Tiên        | 7,0   | 10,0 | 6,0  |  |  | 6,5   | 5,0   | 6,4    | 6.5    |              |        | Cần cố gắng trong học tập              |  |
| 36                                                                             | Lê Thị Ngọc Tiền       | 10,0  | 9,0  | 6,0  |  |  | 4,5   | 4,5   | 5,9    | 6.4    |              |        | Cần cố gắng trong học tập              |  |
| 37                                                                             | Lê Văn Tín             | 10,0  | 7,0  | 9,0  |  |  | 9,0   | 7,5   | 8,3    | 8.1    |              |        | Chăm ngoan, học tốt                    |  |
| 38                                                                             | Nguyễn Hoài Bảo Trân   | 8,0   | 8,0  | 7,0  |  |  | 8,5   | 5,0   | 6,9    | 7.0    |              |        | Chăm ngoan, học khá                    |  |
| 39                                                                             | Lê Thanh Triều         | 8,0   | 8,0  | 4,0  |  |  | 8,5   | 7,0   | 7,3    | 7.1    |              |        | Chăm ngoan, học khá                    |  |
| 40                                                                             | Lê Anh Trọng           | 10,0  | 3,0  | 8,0  |  |  | 7,0   | 5,5   | 6,4    | 6.1    |              |        | Cần cố gắng trong học tập              |  |
| 41                                                                             | Phạm Thế Trường        | 5,0   | 5,0  | 10,0 |  |  | 6,5   | 5,0   | 6,0    | 5.9    |              |        | Cần cố gắng trong học tập              |  |
| 42                                                                             | Trần Trí Tuệ           | 8,0   | 8,0  | 9,0  |  |  | 6,5   | 3,0   | 5,9    | 5.9    |              |        | Cần cố gắng trong học tập              |  |
| 43                                                                             | Đào Khải Vy            | 10,0  | 10,0 | 10,0 |  |  | 9,5   | 6,0   | 8,4    | 7.9    |              |        | Chăm ngoan, học tốt                    |  |
| 44                                                                             | Nguyễn Hoàng Khánh Vy  | 6,0   | 10,0 | 6,0  |  |  | 8,5   | 8,5   | 8,1    | 7.8    |              |        | Chăm ngoan, học tốt                    |  |
| 45                                                                             | Ngô Thị Hoàng Yến      | 9,0   | 9,0  | 10,0 |  |  | 9,0   | 6,5   | 8,2    | 7.7    |              |        | Chăm ngoan, học tốt                    |  |
| 46                                                                             | Đặng Hồng Yến          |       |      |      |  |  |       |       |        | 7.4    |              |        |                                        |  |

**Giáo viên môn học**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Nguyễn Văn Hiện**

| <div> <div>HỌC KỲ II</div> <div> <div>Ngoại ngữ 1</div> <div>(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)</div> </div> </div> |                        |       |     |      |      |  |       |        |        |        |              |        |                              |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|-------|-----|------|------|--|-------|--------|--------|--------|--------------|--------|------------------------------|
| STT                                                                                                                                                      | Họ và tên              | ĐDGTx |     |      |      |  | ĐDGGk | ĐDGGck | ĐTBmhk | ĐTBmcn | Đánh giá lại |        | Ghi Chú                      |
|                                                                                                                                                          |                        |       |     |      |      |  |       |        |        |        | ĐTBmhkII     | ĐTBmcn |                              |
| 1                                                                                                                                                        | Trần Nguyễn Quỳnh Anh  | 8,5   | 8,0 | 8,0  | 8,0  |  | 7,5   | 6,8    | 7,5    | 7.3    |              |        | Học khá.                     |
| 2                                                                                                                                                        | Nguyễn Tuấn Anh        | 5,0   | 7,0 | 5,0  | 6,0  |  | 3,5   | 4,0    | 4,7    | 5.0    |              |        | Cần cố gắng hơn.             |
| 3                                                                                                                                                        | Lê Gia Bảo             | 2,0   | 6,0 | 3,0  | 3,0  |  | 2,0   | 0,0    | 2,0    | 3.6    |              |        | Cố gắng đi học đầy đủ.       |
| 4                                                                                                                                                        | Phan Gia Bảo           | 8,0   | 7,0 | 7,0  | 5,0  |  | 7,5   | 7,2    | 7,1    | 6.4    |              |        | Học khá, chăm ngoan.         |
| 5                                                                                                                                                        | Trương Hoài Bảo        | 9,5   | 9,0 | 10,0 | 8,0  |  | 9,5   | 8,8    | 9,1    | 8.7    |              |        | Học tốt, tích cực phát biểu. |
| 6                                                                                                                                                        | Bùi Nguyên Bảo         | 5,0   | 7,0 | 5,0  | 6,0  |  | 4,3   | 5,0    | 5,2    | 5.4    |              |        | Học được, cần cố gắng hơn.   |
| 7                                                                                                                                                        | Phạm Thanh Bảo         | 8,5   | 8,0 | 5,5  | 10,0 |  | 7,5   | 6,4    | 7,4    | 7.1    |              |        | Học khá, tích cực phát biểu. |
| 8                                                                                                                                                        | Cao Ngọc Minh Châu     | 8,5   | 9,0 | 9,0  | 9,0  |  | 9,3   | 8,2    | 8,7    | 8.5    |              |        | Học tốt, tích cực phát biểu. |
| 9                                                                                                                                                        | Nguyễn Thị Mỹ Duyên    | 8,5   | 7,0 | 5,0  | 9,0  |  | 7,8   | 7,8    | 7,6    | 7.5    |              |        | Học khá.                     |
| 10                                                                                                                                                       | Lê Vi Đại              | 8,5   | 7,0 | 3,0  | 6,0  |  | 3,5   | 6,2    | 5,6    | 5.5    |              |        | Cần cố gắng hơn.             |
| 11                                                                                                                                                       | Lê Thị Hồng Hạnh       | 4,0   | 7,0 | 4,5  | 6,0  |  | 4,0   | 3,0    | 4,3    | 4.7    |              |        | Cần cố gắng hơn.             |
| 12                                                                                                                                                       | Hồ Nhật Hào            | 8,5   | 6,0 | 6,0  | 3,0  |  | 4,3   | 4,2    | 5,0    | 5.1    |              |        | Cần cố gắng hơn.             |
| 13                                                                                                                                                       | Lê Nguyễn Minh Hằng    | 3,0   | 7,0 | 6,0  | 6,0  |  | 3,3   | 4,8    | 4,8    | 4.6    |              |        | Cần cố gắng hơn.             |
| 14                                                                                                                                                       | Lê Thúy Hằng           | 4,0   | 7,0 | 6,0  | 6,0  |  | 4,0   | 3,2    | 4,5    | 5.0    |              |        | Cần cố gắng hơn.             |
| 15                                                                                                                                                       | Nguyễn Đăng Khoa       | 8,5   | 7,0 | 8,0  | 6,0  |  | 6,8   | 6,2    | 6,9    | 6.6    |              |        | Học khá.                     |
| 16                                                                                                                                                       | Đỗ Đình Lâm            | 8,0   | 8,0 | 8,0  | 6,0  |  | 5,0   | 5,2    | 6,2    | 6.0    |              |        | Cần cố gắng hơn.             |
| 17                                                                                                                                                       | Nguyễn Ngọc Lợi        | 8,5   | 8,0 | 6,0  | 5,0  |  | 6,5   | 6,0    | 6,5    | 6.7    |              |        | Học khá, cần cố gắng hơn.    |
| 18                                                                                                                                                       | Trần Ngọc Xuân Mai     | 10,0  | 8,0 | 4,5  | 8,0  |  | 6,0   | 6,2    | 6,8    | 6.9    |              |        | Học khá.                     |
| 19                                                                                                                                                       | Nguyễn Hoàng Hồng Ngọc | 8,5   | 8,0 | 9,0  | 9,0  |  | 8,0   | 8,2    | 8,3    | 7.8    |              |        | Học tốt, tích cực phát biểu. |
| 20                                                                                                                                                       | Huỳnh Khánh Ngọc       | 8,5   | 7,0 | 8,0  | 7,0  |  | 7,5   | 6,4    | 7,2    | 7.2    |              |        | Học khá.                     |
| 21                                                                                                                                                       | Huỳnh Thái Nguyên      | 8,5   | 7,0 | 3,5  | 6,0  |  | 5,5   | 6,6    | 6,2    | 6.5    |              |        | Cần cố gắng hơn.             |
| 22                                                                                                                                                       | Nguyễn Thị Cẩm Nhung   | 8,5   | 8,0 | 5,5  | 8,0  |  | 6,3   | 7,0    | 7,1    | 7.2    |              |        | Học khá.                     |
| 23                                                                                                                                                       | Đinh Thị Quỳnh Như     | 8,0   | 7,0 | 7,0  | 9,0  |  | 7,0   | 7,2    | 7,4    | 7.2    |              |        | Học khá, tích cực phát biểu. |
| 24                                                                                                                                                       | Ngô Hoàng Phúc         | 8,0   | 8,0 | 7,0  | 8,0  |  | 8,3   | 7,8    | 7,9    | 7.8    |              |        | Học khá, tích cực phát biểu. |
| 25                                                                                                                                                       | Phan Hoàng Phúc        | 8,5   | 8,0 | 9,5  | 8,0  |  | 7,8   | 7,4    | 8,0    | 7.7    |              |        | Học tốt, tích cực phát biểu. |
| 26                                                                                                                                                       | Nguyễn Trung Sang      | 8,5   | 7,0 | 4,0  | 6,0  |  | 3,0   | 5,6    | 5,4    | 5.6    |              |        | Cần cố gắng hơn.             |
| 27                                                                                                                                                       | Nguyễn Tấn Tài         | 10,0  | 9,0 | 7,5  | 10,0 |  | 9,0   | 7,4    | 8,5    | 8.3    |              |        | Học tốt, tích cực phát biểu. |
| 28                                                                                                                                                       | Nguyễn Châu Thanh      | 8,5   | 7,0 | 5,0  | 7,0  |  | 6,0   | 6,4    | 6,5    | 6.7    |              |        | Học khá.                     |
| 29                                                                                                                                                       | Tô Sĩ Thanh            | 8,5   | 8,0 | 9,0  | 8,0  |  | 8,3   | 7,6    | 8,1    | 7.7    |              |        | Học tốt, tích cực phát biểu. |
| 30                                                                                                                                                       | Phạm Thị Yến Thanh     | 10,0  | 8,0 | 8,0  | 8,0  |  | 7,0   | 7,4    | 7,8    | 7.6    |              |        | Học khá, tích cực phát biểu. |
| 31                                                                                                                                                       | Tổng Hoàng Thắng       | 8,0   | 8,0 | 8,0  | 6,0  |  | 8,8   | 7,6    | 7,8    | 7.0    |              |        | Học khá, tích cực phát biểu. |
| 32                                                                                                                                                       | Lê Tấn Thiện           | 9,0   | 9,0 | 9,0  | 8,0  |  | 9,3   | 9,4    | 9,1    | 8.8    |              |        | Học tốt, tích cực phát biểu. |
| 33                                                                                                                                                       | Nguyễn Thị Như Thủy    | 9,5   | 9,0 | 10,0 | 9,0  |  | 9,8   | 8,6    | 9,2    | 8.4    |              |        | Học tốt, tích cực phát biểu. |
| 34                                                                                                                                                       | Tăng Thị Anh Thư       | 10,0  | 9,0 | 9,0  | 9,0  |  | 8,8   | 6,2    | 8,1    | 8.1    |              |        | Học tốt, tích cực phát biểu. |
| 35                                                                                                                                                       | Võ Thị Cẩm Tiên        | 8,0   | 8,0 | 7,0  | 7,0  |  | 7,8   | 8,6    | 7,9    | 7.7    |              |        | Học khá, chăm ngoan.         |
| 36                                                                                                                                                       | Lê Thị Ngọc Tiền       | 7,5   | 8,0 | 8,5  | 8,0  |  | 6,8   | 7,6    | 7,6    | 7.8    |              |        | Học khá, tích cực phát biểu. |
| 37                                                                                                                                                       | Lê Văn Tín             | 8,5   | 7,0 | 7,5  | 8,0  |  | 5,8   | 6,6    | 6,9    | 7.0    |              |        | Học khá, tích cực phát biểu. |
| 38                                                                                                                                                       | Nguyễn Hoài Bảo Trân   | 8,5   | 7,0 | 8,5  | 8,0  |  | 7,5   | 7,0    | 7,6    | 7.7    |              |        | Học khá, tích cực phát biểu. |
| 39                                                                                                                                                       | Lê Thanh Triều         | 6,0   | 7,0 | 8,0  | 9,0  |  | 4,5   | 6,2    | 6,4    | 6.2    |              |        | Học khá, cần cố gắng hơn.    |
| 40                                                                                                                                                       | Lê Anh Trọng           | 8,5   | 7,0 | 8,0  | 6,0  |  | 6,3   | 6,2    | 6,7    | 6.8    |              |        | Học khá, cần cố gắng hơn.    |
| 41                                                                                                                                                       | Phạm Thế Trường        | 8,5   | 7,0 | 3,5  | 8,0  |  | 6,5   | 5,8    | 6,4    | 6.6    |              |        | Học khá, cần cố gắng hơn.    |
| 42                                                                                                                                                       | Trần Trí Tuệ           | 8,5   | 7,0 | 4,5  | 6,0  |  | 7,0   | 7,4    | 6,9    | 6.7    |              |        | Học khá.                     |
| 43                                                                                                                                                       | Đào Khải Vy            | 10,0  | 8,0 | 10,0 | 7,0  |  | 5,8   | 7,2    | 7,6    | 7.2    |              |        | Học khá.                     |
| 44                                                                                                                                                       | Nguyễn Hoàng Khánh Vy  | 10,0  | 8,0 | 6,0  | 7,0  |  | 7,8   | 8,0    | 7,8    | 7.7    |              |        | Học khá, tích cực phát biểu. |
| 45                                                                                                                                                       | Ngô Thị Hoàng Yến      | 8,0   | 9,0 | 6,5  | 8,0  |  | 6,0   | 6,2    | 6,9    | 6.7    |              |        | Học khá, chăm ngoan.         |
| 46                                                                                                                                                       | Đặng Hồng Yến          |       |     |      |      |  |       |        |        | 8.0    |              |        |                              |

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Trương Đăng Khoa

**Giáo Dục Quốc Phòng**

(dùng cho môn học đánh giá bằng nhân xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)

**Giáo viên môn học**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Nguyễn Thị Thu Hằng**

| HỌC KỲ II                                                                                             |                        |       |      |     |  |  |       |        |        |        |              |        |                                |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|-------|------|-----|--|--|-------|--------|--------|--------|--------------|--------|--------------------------------|
| Giáo dục kinh tế và pháp luật (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số) |                        |       |      |     |  |  |       |        |        |        |              |        |                                |
| STT                                                                                                   | Họ và tên              | ĐDGTx |      |     |  |  | ĐDGGk | ĐDGGck | ĐTBmhk | ĐTBmcn | Đánh giá lại |        | Ghi Chú                        |
|                                                                                                       |                        |       |      |     |  |  |       |        |        |        | ĐTBmhkII     | ĐTBmcn |                                |
| 1                                                                                                     | Trần Nguyễn Quỳnh Anh  | 8,0   | 9,0  | 9,0 |  |  | 9,3   | 9,0    | 9,0    | 8.8    |              |        | Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt. |
| 2                                                                                                     | Nguyễn Tuấn Anh        | 8,0   | 9,0  | 9,0 |  |  | 6,0   | 7,0    | 7,4    | 7.3    |              |        | Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt. |
| 3                                                                                                     | Lê Gia Bảo             | 8,0   | 9,0  | 9,0 |  |  | 9,3   | 0,0    | 5,6    | 6.2    |              |        | Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.    |
| 4                                                                                                     | Phan Gia Bảo           | 8,0   | 9,0  | 9,0 |  |  | 9,3   | 9,0    | 9,0    | 8.4    |              |        | Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt. |
| 5                                                                                                     | Trương Hoài Bảo        | 8,0   | 9,0  | 9,0 |  |  | 6,0   | 8,8    | 8,1    | 7.5    |              |        | Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt. |
| 6                                                                                                     | Bùi Nguyên Bảo         | 8,0   | 9,0  | 9,0 |  |  | 6,0   | 7,3    | 7,5    | 7.5    |              |        | Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.    |
| 7                                                                                                     | Phạm Thanh Bảo         | 8,0   | 10,0 | 9,0 |  |  | 9,3   | 8,0    | 8,7    | 8.2    |              |        | Có cố gắng, chăm Ngoan.        |
| 8                                                                                                     | Cao Ngọc Minh Châu     | 8,0   | 10,0 | 9,0 |  |  | 9,3   | 9,0    | 9,1    | 9.1    |              |        | Chăm ngoan, học tốt.           |
| 9                                                                                                     | Nguyễn Thị Mỹ Duyên    | 6,0   | 9,0  | 9,0 |  |  | 9,3   | 7,8    | 8,3    | 8.1    |              |        | Chăm ngoan, học tốt.           |
| 10                                                                                                    | Lê Vi Đại              | 8,0   | 9,0  | 9,0 |  |  | 8,8   | 8,5    | 8,6    | 8.0    |              |        | Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt. |
| 11                                                                                                    | Lê Thị Hồng Hạnh       | 8,0   | 9,0  | 9,0 |  |  | 8,0   | 8,3    | 8,4    | 8.0    |              |        | Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.    |
| 12                                                                                                    | Hồ Nhật Hào            | 8,0   | 9,0  | 9,0 |  |  | 6,0   | 7,8    | 7,7    | 7.2    |              |        | Chăm ngoan, học tốt.           |
| 13                                                                                                    | Lê Nguyễn Minh Hằng    | 8,0   | 9,0  | 9,0 |  |  | 8,3   | 8,0    | 8,3    | 8.0    |              |        | Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt. |
| 14                                                                                                    | Lê Thúy Hằng           | 8,0   | 9,0  | 9,0 |  |  | 8,0   | 8,8    | 8,6    | 8.0    |              |        | Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.    |
| 15                                                                                                    | Nguyễn Đăng Khoa       | 5,0   | 9,0  | 9,0 |  |  | 9,3   | 7,8    | 8,1    | 7.6    |              |        | Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt. |
| 16                                                                                                    | Đỗ Đình Lâm            | 5,0   | 9,0  | 9,0 |  |  | 8,0   | 6,8    | 7,4    | 7.4    |              |        | Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.    |
| 17                                                                                                    | Nguyễn Ngọc Lợi        | 8,0   | 9,0  | 9,0 |  |  | 9,0   | 7,8    | 8,4    | 8.2    |              |        | Chăm ngoan, học tốt.           |
| 18                                                                                                    | Trần Ngọc Xuân Mai     | 8,0   | 9,0  | 9,0 |  |  | 9,3   | 9,0    | 9,0    | 8.7    |              |        | Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt. |
| 19                                                                                                    | Nguyễn Hoàng Hồng Ngọc | 8,0   | 10,0 | 9,0 |  |  | 9,3   | 8,5    | 8,9    | 8.2    |              |        | Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.    |
| 20                                                                                                    | Huỳnh Khánh Ngọc       | 8,0   | 9,0  | 9,0 |  |  | 9,3   | 7,5    | 8,4    | 7.9    |              |        | Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt. |
| 21                                                                                                    | Huỳnh Thái Nguyên      | 8,0   | 9,0  | 9,0 |  |  | 9,3   | 7,8    | 8,5    | 8.1    |              |        | Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt. |
| 22                                                                                                    | Nguyễn Thị Cẩm Nhung   | 8,0   | 9,0  | 9,0 |  |  | 9,3   | 7,8    | 8,5    | 8.3    |              |        | Chăm ngoan, học tốt.           |
| 23                                                                                                    | Đinh Thị Quỳnh Như     | 8,0   | 9,0  | 9,0 |  |  | 9,3   | 9,0    | 9,0    | 8.7    |              |        | Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt. |
| 24                                                                                                    | Ngô Hoàng Phúc         | 8,0   | 9,0  | 9,0 |  |  | 9,5   | 7,8    | 8,6    | 8.0    |              |        | Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.    |
| 25                                                                                                    | Phan Hoàng Phúc        | 8,0   | 9,0  | 9,0 |  |  | 9,3   | 8,8    | 8,9    | 8.5    |              |        | Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.    |
| 26                                                                                                    | Nguyễn Trung Sang      | 8,0   | 9,0  | 9,0 |  |  | 8,5   | 7,8    | 8,3    | 7.9    |              |        | Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.    |
| 27                                                                                                    | Nguyễn Tấn Tài         | 8,0   | 9,0  | 9,0 |  |  | 9,5   | 8,8    | 8,9    | 8.6    |              |        | Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.    |
| 28                                                                                                    | Nguyễn Châu Thanh      | 8,0   | 9,0  | 9,0 |  |  | 9,3   | 7,5    | 8,4    | 8.0    |              |        | Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt. |
| 29                                                                                                    | Tô Sĩ Thanh            | 8,0   | 9,0  | 9,0 |  |  | 9,3   | 9,3    | 9,1    | 8.5    |              |        | Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt. |
| 30                                                                                                    | Phạm Thị Yến Thanh     | 8,0   | 9,0  | 9,0 |  |  | 9,3   | 9,0    | 9,0    | 8.8    |              |        | Chăm ngoan, học tốt.           |
| 31                                                                                                    | Tổng Hoàng Thắng       | 8,0   | 9,0  | 9,0 |  |  | 9,3   | 8,8    | 8,9    | 8.4    |              |        | Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt. |
| 32                                                                                                    | Lê Tấn Thiện           | 8,0   | 9,0  | 9,0 |  |  | 9,0   | 8,5    | 8,7    | 8.4    |              |        | Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt. |
| 33                                                                                                    | Nguyễn Thị Như Thủy    | 8,0   | 10,0 | 9,0 |  |  | 9,3   | 8,8    | 9,0    | 8.4    |              |        | Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.    |
| 34                                                                                                    | Tăng Thị Anh Thư       | 8,0   | 9,0  | 9,0 |  |  | 9,3   | 9,3    | 9,1    | 8.7    |              |        | Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt. |
| 35                                                                                                    | Võ Thị Cẩm Tiên        | 8,0   | 9,0  | 9,0 |  |  | 9,3   | 9,0    | 9,0    | 8.7    |              |        | Chăm ngoan, học tốt.           |
| 36                                                                                                    | Lê Thị Ngọc Tiên       | 8,0   | 9,0  | 9,0 |  |  | 8,8   | 8,5    | 8,6    | 8.5    |              |        | Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.    |
| 37                                                                                                    | Lê Văn Tín             | 8,0   | 9,0  | 9,0 |  |  | 9,3   | 7,8    | 8,5    | 8.0    |              |        | Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt. |
| 38                                                                                                    | Nguyễn Hoài Bảo Trân   | 8,0   | 9,0  | 9,0 |  |  | 9,3   | 7,8    | 8,5    | 8.3    |              |        | Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.    |
| 39                                                                                                    | Lê Thanh Triều         | 8,0   | 9,0  | 9,0 |  |  | 8,3   | 9,0    | 8,7    | 8.0    |              |        | Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt. |
| 40                                                                                                    | Lê Anh Trọng           | 8,0   | 9,0  | 9,0 |  |  | 9,0   | 7,8    | 8,4    | 8.2    |              |        | Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.    |
| 41                                                                                                    | Phạm Thế Trường        | 5,0   | 9,0  | 9,0 |  |  | 9,3   | 7,8    | 8,1    | 8.0    |              |        | Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.    |
| 42                                                                                                    | Trần Trí Tuệ           | 6,0   | 9,0  | 9,0 |  |  | 9,3   | 8,0    | 8,3    | 7.8    |              |        | Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.    |
| 43                                                                                                    | Đào Khải Vy            | 8,0   | 9,0  | 9,0 |  |  | 8,8   | 7,5    | 8,3    | 8.0    |              |        | Chăm ngoan, học tốt.           |
| 44                                                                                                    | Nguyễn Hoàng Khánh Vy  | 8,0   | 10,0 | 9,0 |  |  | 9,3   | 9,0    | 9,1    | 8.8    |              |        | Chăm ngoan, học tốt.           |
| 45                                                                                                    | Ngô Thị Hoàng Yến      | 8,0   | 9,0  | 9,0 |  |  | 9,3   | 9,3    | 9,1    | 8.5    |              |        | Chăm ngoan, học tốt.           |
| 46                                                                                                    | Đặng Hồng Yến          |       |      |     |  |  |       |        |        | 7.4    |              |        |                                |

Giáo viên môn học  
 (Ký và ghi rõ họ tên)

Đỗ Nguyễn Hoàng Thuý Vy



(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét)

**Giáo viên môn học**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

trang 41/48

| HỌC KỲ II                                                     |                        |                      |   |  |  |  |         |         |        |          |                  |          |                        |
|---------------------------------------------------------------|------------------------|----------------------|---|--|--|--|---------|---------|--------|----------|------------------|----------|------------------------|
| Giáo dục địa phương (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét) |                        |                      |   |  |  |  |         |         |        |          |                  |          |                        |
| STT                                                           | Họ và tên              | Mức đánh giá         |   |  |  |  |         |         |        |          |                  | Ghi Chú  |                        |
|                                                               |                        | Đạt(Đ), Chưa đạt(CĐ) |   |  |  |  |         |         |        |          |                  |          |                        |
|                                                               |                        | Thường Xuyên         |   |  |  |  | Giữa kỳ | Cuối kỳ | Học kỳ | Cuối năm | Mức đánh giá lại |          |                        |
| Đạt(Đ), Chưa đạt (CĐ)                                         |                        |                      |   |  |  |  |         |         |        |          | Học kỳ           | Cuối năm |                        |
| 1                                                             | Trần Nguyễn Quỳnh Anh  | Đ                    | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Ngoan, học khá tốt     |
| 2                                                             | Nguyễn Tuấn Anh        | Đ                    | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Ngoan, học khá         |
| 3                                                             | Lê Gia Bảo             | Đ                    | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Hoàn thành tốt môn học |
| 4                                                             | Phan Gia Bảo           | Đ                    | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Hoàn thành tốt môn học |
| 5                                                             | Trương Hoài Bảo        | Đ                    | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Ngoan, học khá tốt     |
| 6                                                             | Bùi Nguyễn Bảo         | Đ                    | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Ngoan, học khá         |
| 7                                                             | Phạm Thanh Bảo         | Đ                    | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Ngoan, học khá tốt     |
| 8                                                             | Cao Ngọc Minh Châu     | Đ                    | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Hoàn thành tốt môn học |
| 9                                                             | Nguyễn Thị Mỹ Duyên    | Đ                    | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Hoàn thành tốt môn học |
| 10                                                            | Lê Vi Đại              | Đ                    | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Ngoan, học khá tốt     |
| 11                                                            | Lê Thị Hồng Hạnh       | Đ                    | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Ngoan, học khá         |
| 12                                                            | Hồ Nhật Hào            | Đ                    | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Hoàn thành tốt môn học |
| 13                                                            | Lê Nguyễn Minh Hằng    | Đ                    | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Hoàn thành tốt môn học |
| 14                                                            | Lê Thúy Hằng           | Đ                    | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Ngoan, học khá tốt     |
| 15                                                            | Nguyễn Đăng Khoa       | Đ                    | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Ngoan, học khá         |
| 16                                                            | Đỗ Đình Lâm            | Đ                    | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Hoàn thành tốt môn học |
| 17                                                            | Nguyễn Ngọc Lợi        | Đ                    | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Hoàn thành tốt môn học |
| 18                                                            | Trần Ngọc Xuân Mai     | Đ                    | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Ngoan, học khá tốt     |
| 19                                                            | Nguyễn Hoàng Hồng Ngọc | Đ                    | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Ngoan, học khá         |
| 20                                                            | Huỳnh Khánh Ngọc       | Đ                    | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Hoàn thành tốt môn học |
| 21                                                            | Huỳnh Thái Nguyên      | Đ                    | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Hoàn thành tốt môn học |
| 22                                                            | Nguyễn Thị Cẩm Nhung   | Đ                    | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Hoàn thành tốt môn học |
| 23                                                            | Đinh Thị Quỳnh Như     | Đ                    | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Ngoan, học khá tốt     |
| 24                                                            | Ngô Hoàng Phúc         | Đ                    | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Ngoan, học khá         |
| 25                                                            | Phan Hoàng Phúc        | Đ                    | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Ngoan, học khá tốt     |
| 26                                                            | Nguyễn Trung Sang      | Đ                    | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Hoàn thành tốt môn học |
| 27                                                            | Nguyễn Tấn Tài         | Đ                    | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Ngoan, học khá         |
| 28                                                            | Nguyễn Châu Thanh      | Đ                    | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Hoàn thành tốt môn học |
| 29                                                            | Tô Sĩ Thanh            | Đ                    | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Hoàn thành tốt môn học |
| 30                                                            | Phạm Thị Yến Thanh     | Đ                    | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Ngoan, học khá tốt     |
| 31                                                            | Tổng Hoàng Thắng       | Đ                    | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Ngoan, học khá         |
| 32                                                            | Lê Tấn Thiện           | Đ                    | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Ngoan, học khá tốt     |
| 33                                                            | Nguyễn Thị Như Thủy    | Đ                    | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Ngoan, học khá         |
| 34                                                            | Tăng Thị Anh Thư       | Đ                    | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Hoàn thành tốt môn học |
| 35                                                            | Võ Thị Cẩm Tiên        | Đ                    | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Hoàn thành tốt môn học |
| 36                                                            | Lê Thị Ngọc Tiền       | Đ                    | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Ngoan, học khá         |
| 37                                                            | Lê Văn Tín             | Đ                    | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Ngoan, học khá tốt     |
| 38                                                            | Nguyễn Hoài Bảo Trân   | Đ                    | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Ngoan, học khá         |
| 39                                                            | Lê Thanh Triều         | Đ                    | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Hoàn thành tốt môn học |
| 40                                                            | Lê Anh Trọng           | Đ                    | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Hoàn thành tốt môn học |
| 41                                                            | Phạm Thế Trường        | Đ                    | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Hoàn thành tốt môn học |
| 42                                                            | Trần Trí Tuệ           | Đ                    | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Hoàn thành tốt môn học |
| 43                                                            | Đào Khải Vy            | Đ                    | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Ngoan, học khá         |
| 44                                                            | Nguyễn Hoàng Khánh Vy  | Đ                    | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Ngoan, học khá tốt     |
| 45                                                            | Ngô Thị Hoàng Yến      | Đ                    | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                  |          | Ngoan, học khá         |
| 46                                                            | Đặng Hồng Yến          |                      |   |  |  |  |         |         |        |          |                  |          |                        |

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Thùy Dương, Phạm Thị Ngọc Diệu

| HĐTrN-HN (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét) |                        |                                   |   |  |  |  |         |         |        |          |                       |         |                        |
|----------------------------------------------------|------------------------|-----------------------------------|---|--|--|--|---------|---------|--------|----------|-----------------------|---------|------------------------|
| STT                                                | Họ và tên              | Mức đánh giá Đạt(Đ), Chưa đạt(CĐ) |   |  |  |  |         |         |        |          |                       | Ghi Chú |                        |
|                                                    |                        | Thường Xuyên                      |   |  |  |  | Giữa kỳ | Cuối kỳ | Học kỳ | Cuối năm | Mức đánh giá lại      |         |                        |
|                                                    |                        |                                   |   |  |  |  |         |         |        |          | Đạt(Đ), Chưa đạt (CĐ) |         | Học kỳ                 |
| 1                                                  | Trần Nguyễn Quỳnh Anh  | Đ                                 | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                       |         | Tích cực trong học tập |
| 2                                                  | Nguyễn Tuấn Anh        | Đ                                 | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                       |         | Tích cực trong học tập |
| 3                                                  | Lê Gia Bảo             | Đ                                 | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                       |         | Tích cực trong học tập |
| 4                                                  | Phan Gia Bảo           | Đ                                 | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                       |         | Tích cực trong học tập |
| 5                                                  | Trương Hoài Bảo        | Đ                                 | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                       |         | Tích cực trong học tập |
| 6                                                  | Bùi Nguyễn Bảo         | Đ                                 | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                       |         | Tích cực trong học tập |
| 7                                                  | Phạm Thanh Bảo         | Đ                                 | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                       |         | Tích cực trong học tập |
| 8                                                  | Cao Ngọc Minh Châu     | Đ                                 | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                       |         | Tích cực trong học tập |
| 9                                                  | Nguyễn Thị Mỹ Duyên    | Đ                                 | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                       |         | Tích cực trong học tập |
| 10                                                 | Lê Vi Đại              | Đ                                 | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                       |         | Tích cực trong học tập |
| 11                                                 | Lê Thị Hồng Hạnh       | Đ                                 | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                       |         | Tích cực trong học tập |
| 12                                                 | Hồ Nhật Hào            | Đ                                 | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                       |         | Tích cực trong học tập |
| 13                                                 | Lê Nguyễn Minh Hằng    | Đ                                 | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                       |         | Tích cực trong học tập |
| 14                                                 | Lê Thúy Hằng           | Đ                                 | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                       |         | Tích cực trong học tập |
| 15                                                 | Nguyễn Đăng Khoa       | Đ                                 | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                       |         | Tích cực trong học tập |
| 16                                                 | Đỗ Đình Lâm            | Đ                                 | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                       |         | Tích cực trong học tập |
| 17                                                 | Nguyễn Ngọc Lợi        | Đ                                 | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                       |         | Tích cực trong học tập |
| 18                                                 | Trần Ngọc Xuân Mai     | Đ                                 | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                       |         | Tích cực trong học tập |
| 19                                                 | Nguyễn Hoàng Hồng Ngọc | Đ                                 | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                       |         | Tích cực trong học tập |
| 20                                                 | Huỳnh Khánh Ngọc       | Đ                                 | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                       |         | Tích cực trong học tập |
| 21                                                 | Huỳnh Thái Nguyên      | Đ                                 | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                       |         | Tích cực trong học tập |
| 22                                                 | Nguyễn Thị Cẩm Nhung   | Đ                                 | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                       |         | Tích cực trong học tập |
| 23                                                 | Đinh Thị Quỳnh Như     | Đ                                 | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                       |         | Tích cực trong học tập |
| 24                                                 | Ngô Hoàng Phúc         | Đ                                 | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                       |         | Tích cực trong học tập |
| 25                                                 | Phan Hoàng Phúc        | Đ                                 | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                       |         | Tích cực trong học tập |
| 26                                                 | Nguyễn Trung Sang      | Đ                                 | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                       |         | Tích cực trong học tập |
| 27                                                 | Nguyễn Tấn Tài         | Đ                                 | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                       |         | Tích cực trong học tập |
| 28                                                 | Nguyễn Châu Thanh      | Đ                                 | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                       |         | Tích cực trong học tập |
| 29                                                 | Tô Sĩ Thanh            | Đ                                 | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                       |         | Tích cực trong học tập |
| 30                                                 | Phạm Thị Yến Thanh     | Đ                                 | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                       |         | Tích cực trong học tập |
| 31                                                 | Tổng Hoàng Thắng       | Đ                                 | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                       |         | Tích cực trong học tập |
| 32                                                 | Lê Tấn Thiện           | Đ                                 | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                       |         | Tích cực trong học tập |
| 33                                                 | Nguyễn Thị Như Thủy    | Đ                                 | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                       |         | Tích cực trong học tập |
| 34                                                 | Tăng Thị Anh Thư       | Đ                                 | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                       |         | Tích cực trong học tập |
| 35                                                 | Võ Thị Cẩm Tiên        | Đ                                 | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                       |         | Tích cực trong học tập |
| 36                                                 | Lê Thị Ngọc Tiên       | Đ                                 | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                       |         | Tích cực trong học tập |
| 37                                                 | Lê Văn Tín             | Đ                                 | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                       |         | Tích cực trong học tập |
| 38                                                 | Nguyễn Hoài Bảo Trân   | Đ                                 | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                       |         | Tích cực trong học tập |
| 39                                                 | Lê Thanh Triều         | Đ                                 | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                       |         | Tích cực trong học tập |
| 40                                                 | Lê Anh Trọng           | Đ                                 | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                       |         | Tích cực trong học tập |
| 41                                                 | Phạm Thế Trường        | Đ                                 | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                       |         | Tích cực trong học tập |
| 42                                                 | Trần Trí Tuệ           | Đ                                 | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                       |         | Tích cực trong học tập |
| 43                                                 | Đào Khải Vy            | Đ                                 | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                       |         | Tích cực trong học tập |
| 44                                                 | Nguyễn Hoàng Khánh Vy  | Đ                                 | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                       |         | Tích cực trong học tập |
| 45                                                 | Ngô Thị Hoàng Yến      | Đ                                 | Đ |  |  |  | Đ       | Đ       | Đ      | Đ        |                       |         | Tích cực trong học tập |
| 46                                                 | Đặng Hồng Yến          |                                   |   |  |  |  |         |         |        |          |                       |         |                        |

Giáo viên môn học  
(Ký và ghi rõ họ tên)

Trần Hồ Minh Tiến

TỔNG HỢP HỌC KỲ II

| Số<br>T<br>T | Họ và tên              | Môn học đánh giá<br>bằng nhận xét |                           |              | Môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm<br>số |        |         |         |         |        |                |                              |                                   | Kết<br>quả<br>học<br>tập | Kết<br>quả<br>rèn<br>luyện |
|--------------|------------------------|-----------------------------------|---------------------------|--------------|-----------------------------------------------------------------|--------|---------|---------|---------|--------|----------------|------------------------------|-----------------------------------|--------------------------|----------------------------|
|              |                        | Giáo<br>dục thể<br>chất           | Giáo<br>dục địa<br>phương | HDTrN-<br>HN | Toán                                                            | Vật lý | Hóa học | Ngữ văn | Lịch sử | Địa Lý | Ngoại<br>ngữ 1 | Giáo<br>Dục<br>Quốc<br>Phong | Giáo<br>dục<br>kinh tế<br>và pháp |                          |                            |
| 1            | Trần Nguyễn Quỳnh Anh  | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 8,7                                                             | 8,0    | 8,1     | 6,5     | 8,3     | 6,7    | 7,5            | 7,1                          | 9,0                               | K                        | T                          |
| 2            | Nguyễn Tuấn Anh        | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 8,0                                                             | 6,8    | 8,3     | 7,1     | 7,4     | 6,8    | 4,7            | 8,3                          | 7,4                               | Đ                        | T                          |
| 3            | Lê Gia Bảo             | CD                                | Đ                         | Đ            | 4,3                                                             | 2,1    | 2,9     | 6,2     | 5,3     | 5,3    | 2,0            | 3,9                          | 5,6                               | CD                       | T                          |
| 4            | Phan Gia Bảo           | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 6,4                                                             | 6,4    | 6,7     | 6,5     | 7,3     | 5,7    | 7,1            | 6,7                          | 9,0                               | K                        | T                          |
| 5            | Trương Hoài Bảo        | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 8,3                                                             | 8,2    | 6,9     | 6,7     | 8,6     | 7,7    | 9,1            | 7,3                          | 8,1                               | K                        | T                          |
| 6            | Bùi Nguyên Bảo         | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 7,6                                                             | 7,1    | 6,7     | 7,5     | 8,1     | 7,1    | 5,2            | 8,1                          | 7,5                               | K                        | T                          |
| 7            | Phạm Thanh Bảo         | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 7,9                                                             | 6,9    | 7,4     | 6,5     | 8,4     | 6,6    | 7,4            | 8,7                          | 8,7                               | K                        | T                          |
| 8            | Cao Ngọc Minh Châu     | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 8,4                                                             | 8,6    | 8,8     | 7,7     | 8,6     | 9,1    | 8,7            | 8,9                          | 9,1                               | T                        | T                          |
| 9            | Nguyễn Thị Mỹ Duyên    | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 8,8                                                             | 9,0    | 8,7     | 6,3     | 9,1     | 7,3    | 7,6            | 8,4                          | 8,3                               | K                        | T                          |
| 10           | Lê Vi Đại              | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 7,0                                                             | 7,6    | 7,4     | 5,8     | 7,2     | 5,3    | 5,6            | 7,7                          | 8,6                               | K                        | T                          |
| 11           | Lê Thị Hồng Hạnh       | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 7,1                                                             | 7,1    | 6,7     | 6,0     | 6,6     | 5,4    | 4,3            | 7,7                          | 8,4                               | Đ                        | T                          |
| 12           | Hồ Nhật Hào            | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 5,8                                                             | 6,4    | 5,1     | 4,4     | 6,1     | 3,6    | 5,0            | 4,6                          | 7,7                               | Đ                        | T                          |
| 13           | Lê Nguyễn Minh Hằng    | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 5,8                                                             | 6,4    | 6,5     | 6,8     | 7,7     | 4,9    | 4,8            | 8,4                          | 8,3                               | Đ                        | T                          |
| 14           | Lê Thúy Hằng           | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 6,8                                                             | 6,9    | 6,4     | 6,0     | 7,6     | 4,3    | 4,5            | 7,7                          | 8,6                               | Đ                        | T                          |
| 15           | Nguyễn Đăng Khoa       | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 5,8                                                             | 6,6    | 6,7     | 6,7     | 8,5     | 6,7    | 6,9            | 7,6                          | 8,1                               | K                        | T                          |
| 16           | Đỗ Đình Lâm            | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 7,6                                                             | 6,9    | 8,4     | 7,7     | 8,5     | 5,9    | 6,2            | 7,1                          | 7,4                               | K                        | T                          |
| 17           | Nguyễn Ngọc Lợi        | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 6,8                                                             | 7,7    | 7,5     | 6,3     | 7,7     | 6,2    | 6,5            | 7,6                          | 8,4                               | K                        | K                          |
| 18           | Trần Ngọc Xuân Mai     | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 8,3                                                             | 7,1    | 7,7     | 6,5     | 8,3     | 8,8    | 6,8            | 8,0                          | 9,0                               | K                        | T                          |
| 19           | Nguyễn Hoàng Hồng Ngọc | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 8,3                                                             | 9,2    | 8,1     | 7,4     | 8,8     | 7,8    | 8,3            | 7,4                          | 8,9                               | T                        | T                          |
| 20           | Huỳnh Khánh Ngọc       | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 7,8                                                             | 7,8    | 7,2     | 7,4     | 8,4     | 6,3    | 7,2            | 8,1                          | 8,4                               | K                        | T                          |
| 21           | Huỳnh Thái Nguyên      | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 7,1                                                             | 7,2    | 7,9     | 5,9     | 8,0     | 6,1    | 6,2            | 7,7                          | 8,5                               | K                        | T                          |
| 22           | Nguyễn Thị Cẩm Nhung   | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 7,4                                                             | 8,3    | 7,6     | 7,1     | 8,0     | 7,0    | 7,1            | 8,4                          | 8,5                               | K                        | T                          |
| 23           | Đinh Thị Quỳnh Như     | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 8,6                                                             | 8,1    | 8,2     | 6,2     | 8,8     | 6,4    | 7,4            | 7,1                          | 9,0                               | K                        | T                          |
| 24           | Ngô Hoàng Phúc         | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 7,6                                                             | 8,4    | 6,9     | 6,6     | 8,2     | 7,4    | 7,9            | 7,1                          | 8,6                               | K                        | T                          |
| 25           | Phan Hoàng Phúc        | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 8,3                                                             | 8,0    | 8,2     | 6,6     | 7,8     | 8,2    | 8,0            | 8,9                          | 8,9                               | T                        | T                          |
| 26           | Nguyễn Trung Sang      | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 6,4                                                             | 5,6    | 5,7     | 5,2     | 6,8     | 6,3    | 5,4            | 7,1                          | 8,3                               | Đ                        | T                          |
| 27           | Nguyễn Tấn Tài         | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 9,0                                                             | 9,1    | 9,4     | 8,1     | 9,1     | 9,0    | 8,5            | 8,0                          | 8,9                               | T                        | T                          |
| 28           | Nguyễn Châu Thanh      | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 8,2                                                             | 7,8    | 7,5     | 7,7     | 8,2     | 6,3    | 6,5            | 8,7                          | 8,4                               | K                        | T                          |
| 29           | Tô Si Thanh            | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 7,3                                                             | 8,4    | 8,2     | 6,6     | 8,1     | 8,4    | 8,1            | 7,7                          | 9,1                               | T                        | T                          |
| 30           | Phạm Thị Yến Thanh     | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 8,6                                                             | 9,0    | 8,9     | 7,5     | 8,8     | 8,4    | 7,8            | 8,4                          | 9,0                               | T                        | T                          |
| 31           | Tổng Hoàng Thắng       | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 6,8                                                             | 6,8    | 6,6     | 5,6     | 8,4     | 6,5    | 7,8            | 7,3                          | 8,9                               | K                        | T                          |
| 32           | Lê Tấn Thiện           | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 7,9                                                             | 8,7    | 8,6     | 7,7     | 8,7     | 9,5    | 9,1            | 8,0                          | 8,7                               | T                        | T                          |
| 33           | Nguyễn Thị Như Thùy    | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 7,6                                                             | 8,2    | 7,6     | 7,6     | 8,8     | 8,2    | 9,2            | 7,7                          | 9,0                               | K                        | T                          |
| 34           | Tăng Thị Anh Thư       | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 8,8                                                             | 8,8    | 8,3     | 7,6     | 8,5     | 9,2    | 8,1            | 8,3                          | 9,1                               | T                        | T                          |
| 35           | Võ Thị Cẩm Tiên        | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 7,6                                                             | 7,1    | 7,0     | 7,1     | 8,9     | 6,4    | 7,9            | 7,9                          | 9,0                               | K                        | T                          |
| 36           | Lê Thị Ngọc Tiền       | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 9,0                                                             | 8,4    | 8,4     | 6,7     | 8,2     | 5,9    | 7,6            | 7,3                          | 8,6                               | K                        | T                          |
| 37           | Lê Văn Tín             | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 8,2                                                             | 7,6    | 7,6     | 7,7     | 8,5     | 8,3    | 6,9            | 8,7                          | 8,5                               | K                        | T                          |
| 38           | Nguyễn Hoài Bảo Trân   | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 8,8                                                             | 8,6    | 8,5     | 7,3     | 8,6     | 6,9    | 7,6            | 7,7                          | 8,5                               | K                        | T                          |
| 39           | Lê Thanh Triều         | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 7,9                                                             | 8,9    | 8,8     | 6,7     | 7,9     | 7,3    | 6,4            | 7,1                          | 8,7                               | K                        | T                          |
| 40           | Lê Anh Trọng           | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 7,9                                                             | 7,4    | 7,3     | 6,7     | 8,2     | 6,4    | 6,7            | 7,0                          | 8,4                               | K                        | T                          |
| 41           | Phạm Thế Trường        | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 7,4                                                             | 7,0    | 7,4     | 5,9     | 7,6     | 6,0    | 6,4            | 7,0                          | 8,1                               | K                        | T                          |
| 42           | Trần Trí Tuệ           | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 5,8                                                             | 6,8    | 6,7     | 6,8     | 8,6     | 5,9    | 6,9            | 7,4                          | 8,3                               | K                        | T                          |
| 43           | Đào Khải Vy            | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 6,8                                                             | 7,6    | 8,6     | 7,1     | 8,8     | 8,4    | 7,6            | 8,3                          | 8,3                               | K                        | T                          |
| 44           | Nguyễn Hoàng Khánh Vy  | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 8,3                                                             | 7,8    | 8,1     | 7,3     | 8,7     | 8,1    | 7,8            | 8,0                          | 9,1                               | T                        | T                          |
| 45           | Ngô Thị Hoàng Yến      | Đ                                 | Đ                         | Đ            | 8,4                                                             | 8,8    | 8,3     | 7,7     | 8,7     | 8,2    | 6,9            | 8,3                          | 9,1                               | T                        | T                          |
| 46           | <b>Đặng Hồng Yến</b>   |                                   |                           |              |                                                                 |        |         |         |         |        |                |                              |                                   |                          |                            |

Giáo viên chủ nhiệm  
Ký và ghi rõ họ tên

Phạm Duy Phương

# PHẦN GHI KẾT QUẢ

## CUỐI NĂM HỌC

TỔNG HỢP CẢ NĂM HỌC

| Số TT | Họ và tên              | Mức đánh giá      |                 | Mức đánh giá sau khi rèn luyện trong kì nghỉ hè; kiểm tra, đánh giá lại |                 | Tổng số buổi nghỉ học | Được lên lớp | Không được lên lớp | Khen thưởng   | Tổng hợp chung                                                                                                            |
|-------|------------------------|-------------------|-----------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------------------|--------------|--------------------|---------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|       |                        | Kết quả rèn luyện | Kết quả học tập | Kết quả rèn luyện                                                       | Kết quả học tập |                       |              |                    |               |                                                                                                                           |
| 1     | Trần Nguyễn Quỳnh Anh  | T                 | K               |                                                                         |                 | 2                     | Lên lớp      |                    |               | Tổng số học sinh: 45<br><br>- Được lên lớp: 45 trong đó 0 học sinh Được lên lớp sau khi học tập, rèn luyện thêm trong hè. |
| 2     | Nguyễn Tuấn Anh        | T                 | K               |                                                                         |                 |                       | Lên lớp      |                    |               |                                                                                                                           |
| 3     | Lê Gia Bảo             | T                 | Đ               |                                                                         |                 | 21                    | Lên lớp      |                    |               |                                                                                                                           |
| 4     | Phan Gia Bảo           | T                 | K               |                                                                         |                 | 8                     | Lên lớp      |                    |               |                                                                                                                           |
| 5     | Trương Hoài Bảo        | T                 | K               |                                                                         |                 |                       | Lên lớp      |                    |               |                                                                                                                           |
| 6     | Bùi Nguyên Bảo         | T                 | K               |                                                                         |                 | 8                     | Lên lớp      |                    |               |                                                                                                                           |
| 7     | Phạm Thanh Bảo         | T                 | K               |                                                                         |                 | 3                     | Lên lớp      |                    |               |                                                                                                                           |
| 8     | Cao Ngọc Minh Châu     | T                 | T               |                                                                         |                 | 1                     | Lên lớp      |                    | Học sinh Giỏi |                                                                                                                           |
| 9     | Nguyễn Thị Mỹ Duyên    | T                 | K               |                                                                         |                 | 3                     | Lên lớp      |                    |               |                                                                                                                           |
| 10    | Lê Vĩ Đại              | T                 | K               |                                                                         |                 |                       | Lên lớp      |                    |               |                                                                                                                           |
| 11    | Lê Thị Hồng Hạnh       | T                 | Đ               |                                                                         |                 | 2                     | Lên lớp      |                    |               | - Không được lên lớp: 0<br><br>Giáo viên chủ nhiệm<br>(Ký và ghi rõ họ tên)                                               |
| 12    | Hồ Nhật Hào            | T                 | Đ               |                                                                         |                 | 17                    | Lên lớp      |                    |               |                                                                                                                           |
| 13    | Lê Nguyễn Minh Hằng    | T                 | Đ               |                                                                         |                 | 1                     | Lên lớp      |                    |               |                                                                                                                           |
| 14    | Lê Thúy Hằng           | T                 | Đ               |                                                                         |                 | 17                    | Lên lớp      |                    |               |                                                                                                                           |
| 15    | Nguyễn Đăng Khoa       | T                 | K               |                                                                         |                 |                       | Lên lớp      |                    |               |                                                                                                                           |
| 16    | Đỗ Đình Lâm            | T                 | K               |                                                                         |                 | 5                     | Lên lớp      |                    |               |                                                                                                                           |
| 17    | Nguyễn Ngọc Lợi        | T                 | K               |                                                                         |                 | 16                    | Lên lớp      |                    |               |                                                                                                                           |
| 18    | Trần Ngọc Xuân Mai     | T                 | K               |                                                                         |                 | 14                    | Lên lớp      |                    |               |                                                                                                                           |
| 19    | Nguyễn Hoàng Hồng Ngọc | T                 | K               |                                                                         |                 |                       | Lên lớp      |                    |               |                                                                                                                           |
| 20    | Huỳnh Khánh Ngọc       | T                 | K               |                                                                         |                 | 4                     | Lên lớp      |                    |               |                                                                                                                           |
| 21    | Huỳnh Thái Nguyên      | T                 | K               |                                                                         |                 | 6                     | Lên lớp      |                    |               | Hiệu trưởng<br>(Ký tên, đóng dấu)<br><br>Nguyễn Minh Triều                                                                |
| 22    | Nguyễn Thị Cẩm Nhung   | T                 | K               |                                                                         |                 | 2                     | Lên lớp      |                    |               |                                                                                                                           |
| 23    | Đinh Thị Quỳnh Như     | T                 | K               |                                                                         |                 | 5                     | Lên lớp      |                    |               |                                                                                                                           |
| 24    | Ngô Hoàng Phúc         | T                 | K               |                                                                         |                 | 1                     | Lên lớp      |                    |               |                                                                                                                           |
| 25    | Phan Hoàng Phúc        | T                 | K               |                                                                         |                 |                       | Lên lớp      |                    |               |                                                                                                                           |
| 26    | Nguyễn Trung Sang      | T                 | Đ               |                                                                         |                 | 3                     | Lên lớp      |                    |               |                                                                                                                           |
| 27    | Nguyễn Tấn Tài         | T                 | T               |                                                                         |                 |                       | Lên lớp      |                    | Học sinh Giỏi |                                                                                                                           |
| 28    | Nguyễn Châu Thanh      | T                 | K               |                                                                         |                 |                       | Lên lớp      |                    |               |                                                                                                                           |
| 29    | Tô Si Thanh            | T                 | K               |                                                                         |                 | 2                     | Lên lớp      |                    |               |                                                                                                                           |
| 30    | Phạm Thị Yến Thanh     | T                 | T               |                                                                         |                 | 2                     | Lên lớp      |                    | Học sinh Giỏi |                                                                                                                           |
| 31    | Tổng Hoàng Thắng       | T                 | K               |                                                                         |                 | 19                    | Lên lớp      |                    |               |                                                                                                                           |
| 32    | Lê Tấn Thiện           | T                 | T               |                                                                         |                 |                       | Lên lớp      |                    | Học sinh Giỏi |                                                                                                                           |
| 33    | Nguyễn Thị Như Thùy    | T                 | K               |                                                                         |                 | 1                     | Lên lớp      |                    |               |                                                                                                                           |
| 34    | Tăng Thị Anh Thư       | T                 | T               |                                                                         |                 | 8                     | Lên lớp      |                    | Học sinh Giỏi |                                                                                                                           |
| 35    | Võ Thị Cẩm Tiên        | T                 | K               |                                                                         |                 | 1                     | Lên lớp      |                    |               |                                                                                                                           |
| 36    | Lê Thị Ngọc Tiên       | T                 | K               |                                                                         |                 | 2                     | Lên lớp      |                    |               |                                                                                                                           |
| 37    | Lê Văn Tín             | T                 | K               |                                                                         |                 | 2                     | Lên lớp      |                    |               |                                                                                                                           |
| 38    | Nguyễn Hoài Bảo Trân   | T                 | T               |                                                                         |                 |                       | Lên lớp      |                    | Học sinh Giỏi |                                                                                                                           |
| 39    | Lê Thanh Triều         | T                 | K               |                                                                         |                 | 4                     | Lên lớp      |                    |               |                                                                                                                           |
| 40    | Lê Anh Trọng           | T                 | K               |                                                                         |                 | 12                    | Lên lớp      |                    |               |                                                                                                                           |
| 41    | Phạm Thế Trường        | T                 | K               |                                                                         |                 | 2                     | Lên lớp      |                    |               |                                                                                                                           |
| 42    | Trần Trí Tuệ           | T                 | Đ               |                                                                         |                 |                       | Lên lớp      |                    |               |                                                                                                                           |
| 43    | Đào Khải Vy            | T                 | K               |                                                                         |                 |                       | Lên lớp      |                    |               |                                                                                                                           |
| 44    | Nguyễn Hoàng Khánh Vy  | T                 | K               |                                                                         |                 |                       | Lên lớp      |                    |               |                                                                                                                           |
| 45    | Ngô Thị Hoàng Yến      | T                 | K               |                                                                         |                 | 2                     | Lên lớp      |                    |               |                                                                                                                           |
| 46    | Đặng Hồng Yến          | -                 | -               |                                                                         |                 |                       | -            |                    | -             |                                                                                                                           |

**NHẬN XÉT CỦA HIỆU TRƯỞNG  
VỀ SỬ DỤNG SỔ THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC SINH**

| Tháng    | Nhận xét cụ thể về sử dụng sổ | Ký tên, đóng dấu  |
|----------|-------------------------------|-------------------|
| Tháng 9  | Đầy đủ, đúng quy định         | Nguyễn Minh Triều |
| Tháng 10 | Đầy đủ, đúng quy định         | Nguyễn Minh Triều |
| Tháng 11 | Đầy đủ, đúng quy định         | Nguyễn Minh Triều |
| Tháng 12 | Đầy đủ, đúng quy định         | Nguyễn Minh Triều |
| Tháng 1  | Đầy đủ, đúng quy định         | Nguyễn Minh Triều |

**NHẬN XÉT CỦA HIỆU TRƯỞNG VỀ  
SỬ DỤNG SỔ THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC SINH**

| Tháng   | Nhận xét cụ thể về sử dụng sổ | Ký tên, đóng dấu  |
|---------|-------------------------------|-------------------|
| Tháng 2 | Đầy đủ, đúng quy định         | Nguyễn Minh Triều |
| Tháng 3 | Đầy đủ, đúng quy định         | Nguyễn Minh Triều |
| Tháng 4 | Đầy đủ, đúng quy định         | Nguyễn Minh Triều |
| Tháng 5 | Đầy đủ, đúng quy định         | Nguyễn Minh Triều |
|         |                               |                   |